

格言出語嘉言

TỤC NGŨ, CỔ NGŨ, GIA NGÔN

MAXIMES ET PROVERBES

RECUELLIS ET COMMENTÉS

PAR

PAULUS CỦA HUỖNH-TINH

ĐỐC-PHŨ-SỨ

Officier d'Académie, chevalier de la Légion d'honneur



SAIGON

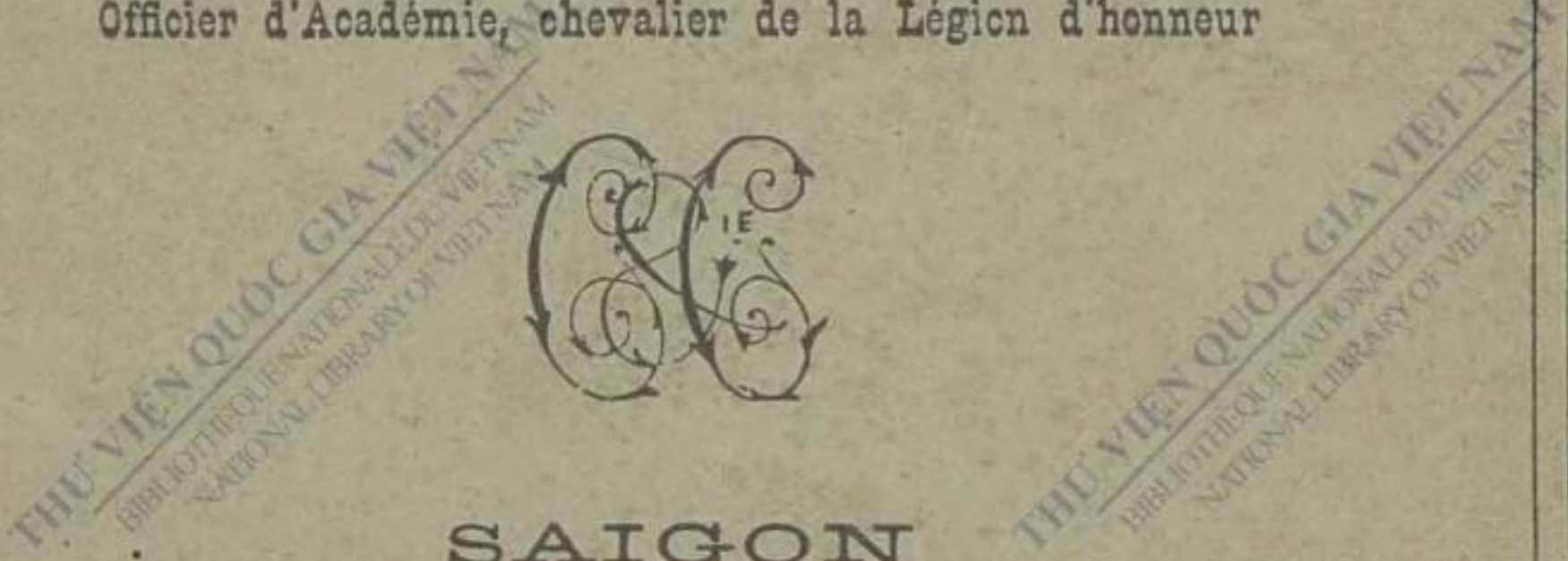
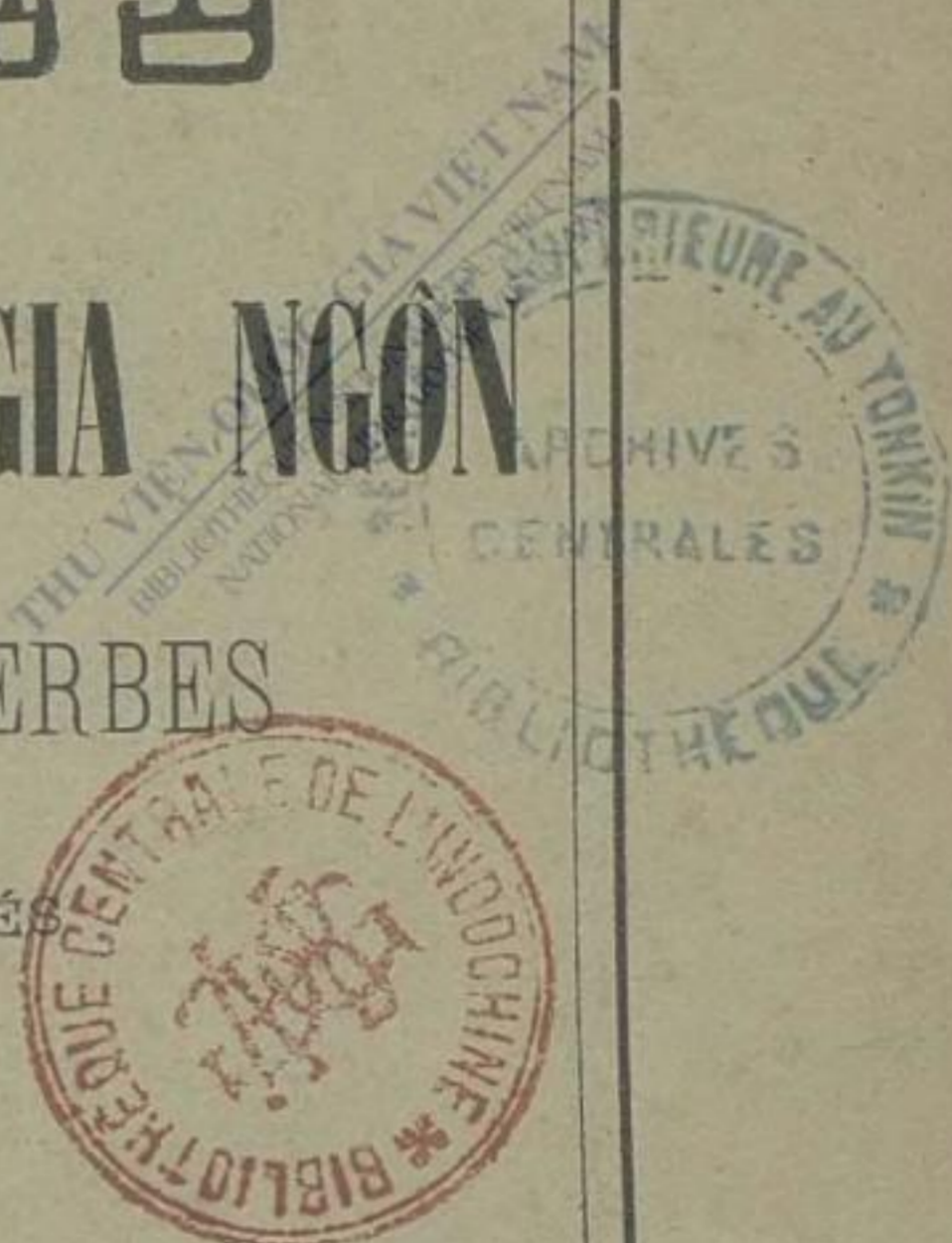
IMPRIMERIE & LIBRAIRIE NOUVELLES

CLAUDE & C<sup>ie</sup>.

1897

BIBL. CENTRALE  
HANOI

M 12  
4318



THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

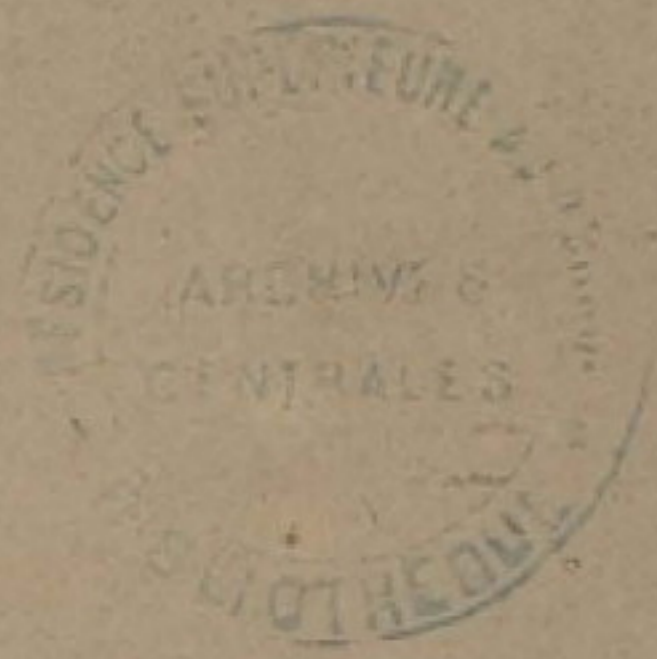
THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

+

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

俗語 古語 嘉言



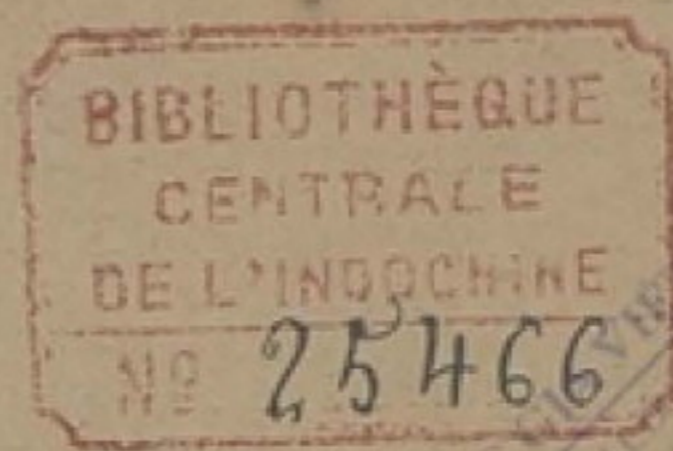
TUC NGŨ, CỔ NGŨ, GIA NGÔN

MAXIMES ET PROVERBES

PAR

PAULUS CỦA HUỶNH-TỈNH  
+

DÒC-PHỦ-SÚ



SAIGON  
IMPRIMERIE & LIBRAIRIE NOUVELLES  
CLAUDE & C<sup>ie</sup>.

1896

# BIÊN TẬP NHỮNG LỜI

## NGẠN NGŨ', CỔ NGŨ', GIA NGÔN

### A

1 Ác hơn tự hữu ác hơn ma.

Người xấu mình có người xấu làm cho hao mòn. Người làm dữ như đá mài dao, chẳng thấy đau mòn ma càng ngày càng khuyết.

2 Ách giữa dằng mang qua cổ.

Gánh vác không phải chuyện mình.

3 Ai chêt trước thì được mỡ má.

Ai trước thì được phần trước.

4 Ai làm dữ này lo.

Dữ có dữ trả, một sự đau đớn trong lương tâm, thì đủ mà hành tội kẻ dữ; ta hãy giữ phận ta, chẳng phải lo bao đồng.

5 Ái hơn như kỹ.

Yêu người như mình. Có câu rằng: *kỉ sở bất dục vật thi u hơn*, thì là đức yêu người, dạy phải *suy kĩ cập hơn*, sự mình không muốn, chớ làm cho người.

6 Ai thương tim tới, ai ghét lảnh thân.

Phải lo phận mình, ấy là lảnh ở có chỗ, lỏ ở có nơi.

7 An bộ khả dĩ đương xa.

Đi hườn bước thì bền cũng bằng đi xe.

8 Ăn cây nào rào cây này.

Ăn của ai phải vưng hộ cho này.

9 Ăn chưa no, lo chưa tới.

Hãy còn thiếu trí.

10 Ăn có bữa lo không có bữa.

Bữa ăn có chừng, bữa lo không có chừng, nghĩa là nhọc lòng lo.

11 Ăn coi nổi ngồi coi hướng.

Coi cơm nhiều ít, hoặc phải nhìn miệng; nhắm hướng thuận nghịch, hoặc phải nương chỗ ngồi.

12 Ăn cơm chúa, múa tối ngày.

Có cơm ăn thì có công việc làm.

13 Ăn cơm mắm thâm về lâu.

Mắm muối là giống mặn mòi, ăn vào càng lâu càng thâm, chẳng khác chi việc càng lâu thì càng rõ.

- 14 Ăn cơm mới, nhắc chuyện cũ.  
Nghĩa là nói tha cầu.
- 15 An cư lự nguy.  
Hễ ở an, thì phải lo cơn nghèo hiểm.
- 16 Ăn hết nhiều, ở hết bao nhiêu.  
Nghĩa là chẳng lo chỗ ở.
- 17 Ăn kĩ no dai.  
Biết dự phòng thì dặng bình an lâu dài.
- 18 Ăn làm sóng, nói làm gió.  
Không việc làm cho có việc, hay là ăn-nói hổ đồ.
- 19 Ăn một đọi nói một lời.  
Ăn nói chắc chắn.
- 20 Ăn một miếng, tiếng một đời.  
Có thể ăn nhờ mà không ăn nhờ, thì nói rằng có tiếng mà không có miếng, dền khi ăn nhờ dặng thì nói vân vân, có khi dùng như tiếng nói lấy.
- 21 Ăn ngay ở thật, mọi tạt mọi lành.  
Ăn ở thật thà thì dặng bình an vô sự.
- 22 Ăn như tấm ăn lên.  
Tấm có tuổi thừc lớn, ngũ lớn; tuổi thừc lớn thì nó ăn dâu nguyên lá.
- 23 Ăn no sanh sự.  
Được no àm rồi thì hay làm quây.
- 24 Ăn quen, nhìn không quen.  
Có một người di phương xa cưới vợ bé, gửi thơ về cho vợ nhà mà chừa mình: *anh chẳng phải tham bì chẻ gắp, lời ăn quen, nên nhìn không quen.*
- 25 Ăn tại thủ, ngủ tại công đường.  
Thủ là chỗ canh giữ, công đường là nhà việc quan, chỉ nghĩa là biết giữ phép.
- 26 Ăn tâm trả giắt.  
Tâm là gạo gầy nhỏ, giắt là gạo trộng nguyên hạt, hễ ăn ít trả nhiều, như đánh cờ bạc thì nói vân vân.
- 27 Ăn theo thuở, ở theo thì.  
Trong sự ăn ở phải tùy thì.
- 28 Ăn thì cho, buôn thì so.  
Vật ăn không luận, của bán phải nhờ đồng nài.
- 29 Ăn thì hơn, hờn thì thiệt.  
Giận lấy thì mất phần ăn.
- 30 Ăn thì vóc, học thì hay.  
Ăn mà lại ốm, thì là bịnh tiernhiệt, học hóa đồ thì là bạc hạ ngu.

- 31 Ăn trái nhớ kẻ trồng cây.  
Không quên ơn.
- 32 Ăn trộm quen tay, ngủ ngày quen mắt.  
Tập nghề nào quen nghề ấy.
- 33 Ăn trước trả sau.  
Có ăn có chịu; sự thê thiêu trước thiêu sau.
- 34 Ăn xôi chùa ngọng miệng.  
Xôi chùa là của tăn cúng, hễ ăn của người ta rồi, muốn nói theo người ta, thì sợ bỏ lẽ phải; muốn nói theo lẽ phải, thì sợ bỏ người ta, hòa ra u ơ nói không thông, ấy là *tuyệt hơn khẩu*.
- 35 Ăn xưa chừa nay.  
Ai này có một thuở.
- 36 Ăn vỏ dừa, thấy vỏ dừa mà sợ.  
Mắc một việc, sợ lây tới việc khác, hay là tăng thầy việc đời mà ngán.
- 37 Ao cá lửa thành.  
Một nghĩa với câu *lửa muốn xe, nước một gáo*, cũng có nghĩa là lửa cháy lây.
- 38 Ao gâm mặc đêm.  
Nghĩa là chẳng thầy hiền vinh; kẻ làm quan về làng gọi là vinh qui.
- 39 Áo mặc sao qua khỏi đầu.  
Con cái đầu dám cãi ý cha mẹ.
- 40 Áo vẫn, giũ chẳng nên dài.  
Nghĩa là phải an một bề.

## B

- 1 Bạ ăn bạ nói.  
Bạ ăn, gặp đầu ăn đó; bạ nói, đụng đầu nói đó, nghĩa là ăn nói không có phép.
- 2 Ba bảy hai mươi một.  
Ăn nói không chắc chắn, nói hai đều như một.
- 3 Ba chìm ba nổi.  
Nghĩa là thì vận tráo chác, ghe phen chìm nổi; có tiếng nói *phù trâm*, hay là chìm nổi không mà thôi thì có nghĩa là bura bura không ra đen đỏ.
- 4 Ba chớp ba sáng.  
Nghĩa là trông thầy không tỏ rõ.
- 5 Bà con xa, chẳng bằng xóm diềng gần.  
Gần thì tiện bề tới lui giúp đỡ, chẳng khá phụ kẻ gần.

- 6 Ba dĩa bảy ngang.  
Hàng hóa, đồ đạc bày ra liền lúc.
- 7 Bá hơn bá tánh.  
Trăm người trăm tánh ý.
- 8 Ba vuông bảy tròn.  
Tiếng khen người đủ nét lịch sự, hay là tuyền vẹn không có tí tích.
- 9 Bần cùng sanh đạo tặc.  
Nghèo cực sanh trộm cướp.
- 10 Bận duật tương trì, ngư ông đắc lợi.  
Ngao cò tranh nhau, ông bắt cả được lợi. Tịch rằng: ngày kia con ngao lên bờ hé vỏ ra hóng mát, con cò đi ăn thầy ngao bày ruột, thì mò mà ăn, chẳng dè con ngao khép vỏ lại, kẹp lấy mỏ con cò giựt không ra. Cò rằng nay không mưa mai không mưa, ắt là ngao phải chết. Ngao rằng nay không ra mai không ra, ắt là cò phải chết. Ông chài thầy chuyện cớ trêu, thì chụp mà bắt cả hai.
- 11 Bang môn lộng phủ.  
Giỡn búa nhà Bang, nghĩa là không biết bòn phạn, ông Lỗ bang là thầy dạy các nghề nghiệp.
- 12 Bằng hữu chỉ ư tín.  
Nghĩa bằng hữu ở tại đều tín thành, không tín thành thì không thiệt là bằng hữu.
- 13 Bánh sáp đi, bánh chì lại.  
Thói mọi ưa dùng chỉ thiệt đồ mềm, không quý vàng bạc. Kẻ chợ đòi chắc với nó, phải lấy thặng bằng, nó một bánh sáp mình một bánh chì, nghĩa là, phải cho bằng nhau; bây giờ ơn nghĩa qua lại với nhau thì hay nói vân vân.
- 14 Bạo đầu thì đại, bạo dái thì khôn.  
Con người phải cho dè dặt, chớ khá nhẹ dạ, hốp tốp. Bạo đầu là táo bạo lúc ban đầu.
- 15 Bạo phát bạo tàn.  
Nói về thì vận, hễ phát đạt vội, thì tàn bại cũng vội.
- 16 Bảo tân cứu hỏa.  
Ôm củi mà chữa lửa: cứu bình giải hỏa chẳng dùng thuốc hay, lời phải, lại dụng phương nghịch lời ngang, thì cũng như làm cho lửa cháy thêm.
- 17 Bát bẻ, đánh con sao lành:  
Nghĩa là không lẽ tiếc cái bát bẻ hơn con. Xưa có một người mua một cái bình, cầm đi đang, rúi bình rơi xuống, bẻ đi, người ấy đi xuôi một bẻ; người ta hỏi sao bình bẻ không ngó lại, người ấy rằng bẻ rồi thì thôi, dẫu tiếc cũng vô ích.

18 Bắt cả hai tay.

Nghĩa là hai tay muốn dặng cả hai; song muốn cho dặng cả thì phải tay chận tay bắt, nếu hai tay chụp lấy cả, thì không có tay nào dặng, cũng có nghĩa là giành lấy một mình.

19 Bất can kị sự, mặc dương đầu.

Chẳng can việc mình, dùng xưng ra mà chịu, nghĩa là chẳng nên thày lay, gánh việc vô can.

20 Bất cấp chỉ khách.

Bất thỉnh tự lai, thì là khách không gập, vì là không có mời.

21 Bất chuột không hay, hay ỉa bộp.

Nghĩa là dở tài; con người, nên không thày, thày hư; hay không thày, thày dở, thì là con mèo ỉa lộp.

22 Bất cóc, bỏ vào đĩa.

Cóc hay nhảy, đĩa trượt lòng, không phải đỡ nhột, cho nên mới có bỏ vào nhảy ra. Người hay tròn tránh, bắt đó tròn đó, hay là dễ bắt thì nói vân vân.

23 Bất dặng tuần lãnh, bất tri thiên cao, bất lý thâm nhai, bất tri địa hậu.

Chẳng lên non cao, chẳng biết trời cao, chẳng xuống vực sâu, chẳng liết đất dày: chẳng học tới sách thánh hiền, thì chẳng biết mùi dao.

24 Bất dĩ thành bại, luận anh hùng.

Chớ lấy sự nên hư mà luận kẻ anh hùng, nhứt là nói về việc chinh chiến, vì dặng thua là sự thường.

25 Bất dựa có tóc, không ai bắt dựa trọc đầu.

Có tóc hiểu là người có căn cước sự nghiệp; dựa trọc đầu là dựa tay không, không gòc, chỉ nghĩa là cứ người có gòc, hay là có thè ăn nhờ.

26 Bất học võ thuật.

Không học thì không có mưu chước biến hóa.

27 Bất lươn dặng đuôi.

Mình lươn nhót, bắt dặng đuôi, lại càng không có thè nắm, thì bắt cũng như không.

28 Bất oán thiên, bất vu nhơn.

Chẳng hờn trời, chẳng trách người, nghĩa là phải an phận mạng.

29 Bất râu người nọ, đặt cằm người kia.

Nghĩa là tráo chác, chuyện người kia nói cho người nọ, hay là diên đảo thị phi.

30 Bất sỉ hạ vân.

Chẳng hổ hời kẻ dưới. Ai ai cũng có chỗ khuất, chớ cậy mình rạng thông minh. Có câu rặng: *mãn chiêu tồn, khiêm thọ ích*. thì là làm vậy.



- 31 **Bất tại kỳ vị, bất mưu kỳ chánh.**  
Không chịu tước vị của người, thì không lo việc chánh cho người. Không có danh phận gì mà muốn gánh vác chuyện kẻ khác thì là thầy lay.
- 32 **Bất trong sóng, còn có khi động.**  
Hiểu nghĩa là bà con ở chung một nhà, không lẽ khỏi sự mất lòng nhau, cũng như bát chén là vật vô tình, để chung một sóng, dầu không ai động, cũng có khi khua.
- 33 **Bảy mươi chưa què, chớ khoe mình lành.**  
Tật dằng sau lưng. Con người ta dầu đến tuổi bảy mươi là bậc già cả, cũng chẳng nên đắc ý rằng khỏi tật.
- 34 **Bảy mươi học bảy mươi một.**  
Tuổi bảy mươi với bảy mươi một, khác nhau có một năm, thì có lẽ trái việc hơn một năm.
- 35 **Bè ai nậy chông.**  
Nghĩa là ai có phận này, lại việc ai này làm. Trước một trăm năm, đất Đông-nai còn hoang vu, có nhiều người kết bè trôi nổi dưới sông, chủ nào bè ấy bà con xúm xít ở theo nhau, có việc thì chèo chông với nhau; lại tiêng người ta chưởi mắng rằng: cả bè bậy, thì là mắng cả bà con, cũng như tiêng mắng: *cả máng, cả sộc* vân vân.
- 36 **Bể môn trục đạo.**  
Đóng cửa lại mà đuổi kẻ trộm, ấy là lời chê thầy thuốc không biết phép trị bệnh, hoặc phải đuổi bệnh như làm hạn làm hạ mà dụng thuốc cấm, thì là nuôi lây bệnh.
- 37 **Bể nạn chông trời.**  
Chẳng lường sức mình.
- 38 **Bể trên ở chẳng kỹ cang, cho nên bể dưới làm dang mây mưa.**  
Có câu rằng: *thượng bất chánh hạ tắc loạn*. Nghĩa là trên ở chẳng chánh thì dưới loạn.
- 39 **Bỉ cực thời lai.**  
Vận thì có khi bỉ, khi thời, hết cơn bỉ cực, tới tuần thời lai; tiêng khuyên không nên ngã lòng.
- 40 **Biết một mà chẳng biết mười.**  
Nghĩa là chưa biết đủ đều.
- 41 **Biết ngửa đầu mà gãi.**  
Muôn gãi cho mà không biết chỗ nào phải gãi; muôn làm giùm, mà không biết việc chi phải làm, ấy là lời nói lầy.
- 42 **Biết người biết mặt, chẳng biết lòng.**  
Chẳng có lẽ tin việc bề ngoài.

43 Bình địa khởi phong ba.

Đặt bằng nổi sóng gió, chính nghĩa là đặt để hư không, bày việc phi lý, gây nên sự giận dữ, oán thù.

44 Bình phong tuy phá, cốt cách du tồn.

Bình phong dầu bể, cốt cách tư chất hãy còn, có ý nói về người trâm anh tài đức, dầu có đều hư, cũng còn có đều nên.

45 Bình tùy khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất.

Bình theo lỗ miệng mà vào, họa hại theo lỗ miệng mà ra : một hơi thở vào, hoặc đem khí độc vào trong mình, mà làm bệnh ; một lời nói ra, hoặc buông deo quây ra ngoài tai mà gây họa.

46 Bộ phong tróc ảnh.

Bắt gió bắt bóng, nghĩa là làm chuyện bả vợ không chắc chắn.

47 Bói ra ma, quét nhà ra rác.

Có ý nói người hay tin sự gì, liền có sự ấy, dầu phép bói là phép không thật, song hề là tin mà bói, thì liền có deo tà mị xuôi cho mình tin.

48 Bói rẻ hơn ngồi không.

Rẻ mà có, thì hơn là không có. Lời ít mà năng lời, thì chẳng hơn là nhiều mà không may khi có.

49 Bôi trung xà ảnh.

Hình con rắn ở trong chén rượu. Tích rằng : Có một người tới nhà anh em bạn mà uống rượu, ngó thấy trong chén rượu có hình con rắn, liền hồ nghi anh em bạn bỏ thuốc độc, không an trong lòng ; người anh em bạn thấy vậy, biết ý thì lấy cái cung treo trên vách mà cật đi, liền mất bóng con rắn.

50 Bòn tro đãi trâu.

Bòn tro mà kiếm những than, giảm nhỏ nhỏ lộn theo, đãi trâu mà kiếm hột gạo gầy hột lúa lửng còn sót. Làm ăn cần kiệm, bòn mót, chắt lót, thì nói thế ấy. Ở ngoài kia có một hai chỗ không cùi, phải thổi bằng rơm cỏ cùng là rác to.

51 Bồng em thì khởi xay lúa, xay lúa thì khởi bồng em.

Không lẽ bắt một người làm hai việc một lượt.

52 Bụng làm dạ chịu.

Mình làm mình chịu, *nhữ tác ưng hườn nhữ thọ*.

53 Bưng mắt bắt chim.

Chuyện dễ làm ra khó.

54 Buôn gặp châu, câu gặp chỗ.

Gặp dịp làm ăn.

55 Buôn dâm cầm chèo.

Làm không hở tay.

56 Buôn tay mặt, bắt tay trái.

Liền tay, xâu tốt cắt nghĩa cũng thông.

57 Bút sa gà chét.

Học trò có thói ăn tiền nhuận bút, có viết thì có tiền công. Lại một chữ thêm vào cũng gây nên tội phước, một nét bút sa xuống cũng có đều rủi may, cho nên kẻ có việc phải sợ, cùng phải chét gà.

C

1 Cá chậu chim lồng.

Cơ hội sẵn sàng.

2 Cá khô có trứng.

Ví dụ chuyện phi thường, người cùng túng mà còn gặp may.

3 Cá không ăn muối cá ươn, con không nghe mẹ trăm đường con hư.

Muối để mà giữ con cá cho khỏi hư khỏi thối, mà con cá ươn thì lại không thấm muối.

4 Cá sảy cá lớn.

Con cá sảy không ai ngó thấy, cho nên có lẽ gạt người ta mà nói là con cá lớn, có ý chê người hay khoe khoang về sự người ta không ngó thấy.

5 Cá khô gặp nước.

Cá mắc nắng hạn, gặp nước mưa dào thì mừng rỡ mình khỏi chét khô; ví vớ người mắc hoạn nạn mà gặp phước.

6 Cà răng mục mắt

Nói về người mắc nợ cùng cô, tiền bạc đòi không trả, nhăn răng giờ mắt; có giận cho lắm, cũng chẳng có lẽ cà răng mục mắt mà trừ.

7 Cà vóc cà kéo.

Có câu rằng: *trèo cao té nặng*; song xác nặng, ở đầu té cũng nặng. Hễ kẻ cao sang chẳng ngã, ngã thì đau, nghĩa là vinh tào nhiều, nhục bấy nhiêu; thường nói về người béo chắc, chẳng may khi đau, mà hễ có đau thì nặng hơn người ốm yếu.

8 Cả vú lập miệng em.

Con thơ bé thường gọi là em; hiểu nghĩa là người lớn ý thể hiệp người nhỏ, không cho phân nói lẽ phải chẳng.

9 Các hữu sở trường.

Nghĩa là mỗi người đều có chỗ hay riêng.

10 Cầm cân thăng bằng.

Nghĩa là giữ phép công bình.

11 Cầm dầu có hòng ướm tay.

Giữ cho lắm cũng chẳng khỏi thâm hao.

12 Cầm khi một ngày, biết khi mùa.

Có gán thì dễ biết tính ý, nói về đũa ăn đũa ở, có gán nó, thì hiểu dạng tinh nết nó ít nhiều.

13 Câm hay ngóng, ngóng hay nói.

Kẻ câm tức mình muốn nói, cho nên hay ngóng; kẻ ngóng muốn sửa tiếng nói, ám ức không chịu làm thính, cho nên hay nói, đều là bịnh tự nhiên.

14 Cắm treo, để heo nhin dới.

Có mà không cho ăn.

15 Cẩn bất như chuyên.

Siêng chẳng bằng chăm chỉ, siêng năng nong nả có khi nhưng việc, chăm chỉ thì là có ý làm hoài hoài.

16 Cạn đầu xâu đó.

Nói về việc làng hay cứ dân gần mà bắt xâu; ng. rồi ta lại hiểu rằng gần đâu cứ đó.

17 Cạn nước tới cái.

Tới việc sẽ hay hay là tới đâu hay đó.

18 Cẩn răng, chặn con mắt.

Cẩn răng thì là ngậm miệng không nói; chặn con mắt, thì là bách con mắt ra mà coi, nghĩa là răn sức ra mà chịu.

19 Cạn thủy tri ngư, cạn lâm thức điều.

Gần nước biết cá, gần rừng biết chim, nước rừng là chỗ ở cá chim, càng gần gũi càng biết tình ý.

20 Canh điển bất kiên điều, hòa thực điều phi lại.

Cày ruộng chẳng thấy chim, lúa chín chim bay tới; khi khó nhọc thì không thấy người, lúc ăn chơi lại có người, cũng như nói *ăn giùm thì có, làm giùm thì không*.

21 Cao bay xa chạy.

Cao bay như chim, chạy hay như ngựa, nghĩa là có tài bay nhảy.

22 Cao điều tận, lương cung tàng.

Con chim bay cao chệt, cái cung hay giàu, nghĩa là có việc thì dùng, dùng đặng việc hay là hết việc thì bỏ, có ý trách kẻ làm vua chúa, dùng người không có ân hậu.

23 Cao lễ dễ thừa.

Có ý nói chậm qui kẻ làm quan hay dụng tình, tư vị kẻ nhiều tiền, bảm thừa việc chi cũng dễ.

24 Cao năm, âm mỗ.

Ngưu manh, mã lạp, thì là năm mã, năm mã cao dày thì mỗ phần âm cúng, bền vững lâu dài, nói tí phước đức cha mẹ cao dày, thì con cháu đặng nhờ lâu xa.

25 Cao hơn tất hữu cao hơn trị.

Người cao trí ắt có người cao trí trị, ấy là lời khuyên người đời chẳng khá cậy tài, xưng mình rằng hơn kẻ khác.

26 Cát kê, yên dụng ngư dao.

Cát gà chẳng phải dùng dao trâu; nghĩa là làm việc nhỏ chẳng phải dùng trí lớn, ấy là một lời nói một người anh hùng đời xưa.

27 Cầu danh bất cầu lợi.

Có câu rằng, *danh hưng lợi tưng*; nghĩa là danh lợi không lia nhau, hễ muốn danh thì ngụ đều muốn lợi; lời nói cầu danh mà không thêm cầu lợi, cũng là lời nói khoa trương.

28 Cây có cội nước có nguồn.

Có câu rằng: *mộc bản thủy nguyên*, là chính chữ lời nôm dịch ra. Ai ai đều phải suy ông bà cha mẹ làm cội rễ, kẻ chẳng nhìn biết ông bà, hay là đừng sanh thành ông bà, thì là vong bản.

29 Cây đa cũ bèn dò xưa.

Cây đa cũ, là chỗ mình nghĩ mát, bèn dò xưa, là chỗ mình đã qua đó, đều chỉ là chỗ cô cựu, người có nghĩa không nên quên.

30 Cây độc không trái, gái độc không con.

Ấy là lời tru, cây độc không đáng sanh trái, cũng như gái độc không đáng sanh con. Vị tất là cây độc không trái, vị tất là gái độc không con, có câu rằng: *cây độc sanh trái độc*.

31 Cây không trồng không tiếc, con không đẻ không thương.

Có biết khó nhọc thì mới biết thương tiếc, cho nên của không đổ mồ hôi xót con mắt, thì không biết tiếc.

32 Cây muốn lặng, mà gió chẳng dừng.

Nghĩa là không thề làm hòa, một đảng nhin, một đảng không nhin, thì làm có cho sanh sự cãi lầy rầy rạc chẳng thôi, ấy là nghĩa thường.

33 Cây nhà lá vườn.

Nghĩa là vật ăn sẵn chẳng phải tốn tiền mua, có ý nói về cây trái.

34 Cây vạy ghét mực tàu ngầy.

Chỉ nghĩa là người quây không ưa lẽ phải; lại mực tàu bày cây vạy, lẽ thật chối lẽ tà, cho nên *thắng mực tàu thì đau lòng gỗ*.

## Ch

1. Chả mẹ cú để con tiên.

Nghĩa là cha mẹ xâu để con tốt, cú là chim bắt tương hay là chim xâu.

2. Chải gió tắm mưa.

Nghĩa là chịu phong trần lao khổ.

3. Chơn trời mặt biển.

Trời giống như cái chụp thì là có chơn, mặt biển rộng minh mông, không chỗ cùng tột, thì hiểu là dằng xa thăm không cùng.

4 Chơn thấp chơn cao.

Ây là tiếng nói xâm người làm mai dong. Lễ cưới thành, thì kẻ làm mai dong dặng ăn lễ; chơn thấp chơn cao, thì là nhóng cho tới lễ thành. Có câu hát rằng: *mai dong chơn thấp chơn cao, muôn ăn thịt mỡ nói vào nói ra.*

5 Chàng dâu thiệp đó.

Hiệu nghĩa là gái phải từng chồng. Con gái có tam từng là nhỏ thì từng cha, có chồng thì từng chồng, chồng chệt thì từng con.

6 Chẳng lấy cũng khuấy cho hôi.

Ây là tiếng oán, nói về việc vợ chồng; mình ưng người ta, người ta không ưng mình, hoặc làm bạn không dặng thì oán mà làm cho nhau mang xấu.

7 Chẳng ngon cũng sốt, chẳng tốt cũng mới.

Sốt thì tỏ ra sự nóng nảy, mới thì tỏ ra sự nguyên vẹn, tinh hảo; có ý nói về vật ăn hay là lễ phép cho vật ăn khi còn sốt dẻo, thì càng tỏ tình thảo lão; còn như vôi vã cháo mắng, đang khi mới tới, thì lại tỏ ra lòng thành kính.

8 Chẳng thương cũng làm dò cùm nùm.

Có ý nói về sự dàu rề ở với hai bên cha mẹ, không nên tỏ sự giận ghét, kéo mật sự hiền thảo thuận hòa, nghĩa là có không ưa cũng phải dề bụng; về sự con cái ở cùng cha mẹ cũng vậy.

9 Chẳng trúng cũng cọ bia.

*Bật trúng diệc bất viển*, chánh nghĩa là không xa sự thật, giả như nghi ngờ sự gì, nhưt là về tội phước, mà đều nghi cùng sự tình có lẽ âm hiệp, dẫu chẳng dặng sự thật, thì cũng có lẽ tin dặng ít nhiều.

10 Chẳng ưa nói thừa cho bỏ.

Bỏ là bỏ ghét, thói đời có giận ghét ai thì hay nói thêm hoặc giả tiếng oán cho đã giận đã ghét.

11 Châu châu thấy sáng đèn.

Chê kẻ tham sang giàu, mà không nghĩ hậu; con châu châu thấy đèn sáng, thì ra tưởng ham hồ nháy vào, chẳng nghĩ sự cháy cánh phỏng mình, vì ngọn đèn.

12 Châu châu chồng xe.

Ây là lời ví người không sức kinh với người cả sức.

13 Chậu úp khôn soi.

Nghĩa là sự kín nhiệm không lẽ hiểu thấu, giả sử có đều hiểu được thì còn có đều sót, cũng như mặt trời soi còn sót chỗ chậu úp.

14 Chạy chơn không bén dất.

Hiệu nghĩa là bôn chôn lo lắng, cũng có nghĩa là chạy nhậm lệ.

- 15 Chạy lờ, mắc đó.  
Cái lờ nhỏ, cái đó to, đều là đồ ví cá, chạy chỗ nhỏ mắc chỗ to.  
hay là chạy chỗ này lại vướng mang chỗ khác.
- 16 Cháy nhà ra mặt chuột.  
Đáo đầu mới biết việc, thường nói về sự nghèo giàu.
- 17 Chạy trời không khỏi nắng.  
Nghĩa là không chỗ thoát khỏi.
- 18 Chèo xuôi mát mái.  
Nghĩa là biết nhịn nhục hay là thuận theo thì thê, thì êm mát vô sự.
- 19 Chết hơn sống thèm.  
Nghĩa là không chịu kiêng cử.
- 20 Chết trẻ khoẻ ma, chết già lú lẩn.  
Già trẻ cũng đều chết, có chết trẻ cũng không nên tiếc.
- 21 Chỉ mảnh treo chuông.  
Nghĩa là ký thác hiểm nghèo, hay là không có lẽ gì chắc chắn.
- 22 Chích khuyến phệ Nghiêu.  
Chó người đạo Chích sủa vua Nghiêu, ấy là sủa vì lạ mặt, không phải vì ông Nghiêu bất nhơn; làm tội ai thì biết này, (Lời Khoái thông).
- 23 Chim câu khách quán.  
Chim câu thoát đậu thoát bay, khách quán hoặc đi hoặc ghé, chỉ nghĩa là bình bồng, ở đi không như định.
- 24 Chim khôn tránh bẫy tránh dò, người khôn tránh kẻ hồ đồ mới khôn.  
Cũng là câu hát, biết giữ mình, mới gọi rằng khôn.
- 25 Chim khôn kêu tiếng rảnh rang, người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.  
Cũng là câu hát, người khôn ăn nói không bỏ lễ phép.
- 26 Chim sỏ lông.  
Chẳng trông trở lại, chẳng còn phải câu thúc.
- 27 Chim trời cá nước.  
Sự thê bụng lung không định chỗ ở,
- 28 Chịu đấm ăn xôi.  
Có ăn nhờ thì không nê xấu hổ.
- 29 Chỗ ăn không hết, chỗ thê không khảm.  
Phải lây chỗ dư, bỏ chỗ thê.
- 30 Chó ăn vụng bột.  
Tang tích sờ sờ, không giấu được.
- 31 Chó cậy nhà, gà cậy vườn.  
Nghĩa là cậy thê hoặc cậy là quen thuộc.

32 Chở củi về rừng.

Nhứt là nói về hàng hóa, chỗ dặt chẳng bán, dề đem về chỗ ề nghĩa là chỗ có người bán mà không có người mua.

33 Chó dậu có sủa lổ không.

Có hình tích chi nó mới sủa.

34 Chó gầy xâu mặt nhà nuôi.

Nhà nuôi không có đủ mà cho nó ăn.

35 Chó hở môi, răng lạnh.

Có câu chữ rằng, *thần vong tắc xỉ hàn*, nghĩa là mặt môi thì răng lạnh. Hai nước giao lân gọi là *thần xỉ*, giao kết cũng nhau, nếu dề giặc lấy nước nọ, thì nước kia cũng phải hiểm nghèo, cho nên phải giữ lấy nhau. Bây giờ người ta lấy làm lời dặn bảo rằng phải cho cần mặt kéo sanh sự bất bình.

36 Chó thầy thóc.

Chó thầy thóc ăn không đi, thì tuồng mặt lơ láo, hiểu nghĩa là anh em bạn hữu thầy nhau mà làm mặt vô tình.

37 Chơi dao, có ngày đứt tay.

Hiệu nghĩa là liễu mình làm sự hiểm nghèo, thì có ngày phải mắc.

38 Chơi hoa cho biết mùi hoa, cầm cân cho biết cân già cân non.

Cũng là câu hát, nghĩa là phải cho trải việc.

39 Chơi với chó, chó lòn mặt; chơi với con nít, con nít dễ người.

Kẻ làm lớn không giữ thể diện, dề bề dưới lân la, thì nó sẽ lòn dề.

40 Chơi xuân kéo hết xuân đi, cái già lóc thóc nó thì theo sau.

Cũng là câu hát, nghĩa là phải chơi cho kịp thì.

41 Chồng ghét thì ra, mụ gia ghét thì vào.

Nghĩa là phải ở cho dặng bụng chồng.

42 Chơn ướt chơn ráo.

Hiệu nghĩa là mới tới hầy còn bọ ngo.

43 Chủ trung tín.

Giữ trung tín làm căn bản, trung là ngay thẳng, tín là thật lòng, nghĩa là phải lấy trung hậu tín thành làm gốc.

44 Chừa giàu đà lo ăn cướp.

Lo xa quá.

45 Chung thì chạ.

Chạ là lộn lạo, rời rắm, như sự làm chung buôn chung, thì hay sanh dều bất hòa.



46 Chuối dứt miệng voi.

Miệng voi lớn quá, trái chuối nhỏ quá, dứt bao nhiêu ngón hết bấy nhiêu, không hay vừa đủ. Người tham lam thái quá, cho ăn bao nhiêu cũng không vừa.

47 Chuông chẳng đánh chẳng kêu, đèn chẳng khêu chẳng sáng.

Việc chẳng phô trương, chẳng nói, thì chẳng ai biết.

48 Chường qua đặc qua, chường đậu đặc đậu.

Trông dưa dặng dưa, trông đậu dặng đậu; lời sàm truyền rằng gieo giống nào gặt giống ấy: làm dữ chẳng trông gặp lành.

49 Chuột sa chình nệp.

Lời nói chơi người nghèo gặp vợ giàu, sẵn của cho mà ăn.

50 Chuột bầy làm chẳng nên hang.

Nghĩa là không có ai chủ chốt, cầm bầy, thì chẳng làm nên việc.

51 Cô âm bất thành, cô dương bất trưởng.

Một mình khí âm không nên, một mình khí dương không lớn, nghĩa là phải cho âm dương tương đắc.

52 Cờ bạc sanh trộm cướp.

Thua lắm phải làm quây.

53 Có cây dây mới leo.

Có chuyện này, mới sanh chuyện khác, có gòe mới có ngọn, lại bõn có thè cho nên dây mới leo, hoặc bõn mình bắc thang.

54 Có cha có mẹ có hơn, không cha không mẹ, như đòn dứt dây.

Cũng là câu hát, cha mẹ tại đường thì là cụ khánh.

55 Có chẳng hơn không.

Bất luận ít nhiều tốt xấu, một cái có thì là hơn cái không, như có con hơn không con, có phần hơn không phần.

56 Cò chẳng tha ngao.

Nghĩa là không nhìn nhau, sự tích dã kể trước.

57 Có con nhờ con, có của nhờ của.

Con thì đỡ chơn tay, của thì sanh lợi, có câu rằng: nuôi heo rán lây mỡ, nuôi con đỡ chơn tay.

58 Có chữa có dễ.

Nghĩa là có một ngày một có, không lẽ giàu.

59 Có cốt có vác.

Nghĩa là đã ra tay thì phải làm luôn, không lẽ bán đồ nhi phê, có câu rằng: hễ làm ơn thì làm ơn cho trót, hễ gọt thì gọt cho tron.

60 Cờ gian bạc lận.

Đều là cuộc gạt gẫm mà ăn tiền.

61 Có gian thì có ngoan

Có trí mới sập đặt dặng đều gian, cho nên phải có ngoan, kẻ ít oi thiệt thà, khó làm đều gian, giả linh có làm đều gian dặng, thì khi có việc cũng chẳng biết dặng trở tráo.

62 Có khê ê chanh.

Nghĩa là gièm nhau, có món này chê món khác.

63 Có khó mới có nên.

Có chịu khó nhọc mới dặng thành thân, có làm lớn mới dặng làm thấy.

64 Có mợ thì chợ cũng đông, không mợ thì chợ cũng không không bữa nào.

Nghĩa là một người không làm nên đủ thiếu.

65 Cơ mưu bất mật họa tiên phát.

Cơ mưu chẳng kín thì họa phát trước, mong lòng hại người ta mà lâu việc thì ắt là mình phải hại trước.

66 Có nước thì có cá,

Hiểu nghĩa là cá nước không lìa nhau, hễ có vật kia thì phải có vật nọ.

67 Có nước đồng nước sông mới dầy.

Con cháu làm nên, nhờ có gốc cha mẹ giàu. Có vốn lớn mới làm lợi lớn.

68 Có phước có phần.

Số phận có thì phải có.

69 Có phước làm quan có gan làm giàu.

Làm dặng quan thường nhờ phước mạng, còn sự làm giàu thì phải có gan, dăm đương việc lớn.

70 Có phước tăng tài, vô phước tăng mạng.

Sông dặng thì là có phước, có câu rằng: *minh sông hơn đồng vàng.*

71 Có quyền thì có duyên.

Duyên là sự làm cho người ta ưa hạp.

72 Có sức ăn có sức chịu.

Cũng như nói ăn bao nhiêu, chịu bấy nhiêu.

73 Có tài có tật.

Tật là tật tánh tình, thường thấy những người có tài năng, hay cờ bạc rượu trà, người ta gọi là tật.

74 Cơ thâm họa diệc thâm.

Mưu độc chừng nào, họa hại chừng nấy, thâm hiểm chừng nào mắc chừng ấy.

75 Có thân có khổ.

Nghĩa là ở đời sao cho khỏi gian-nan ; con mới lọt ra khỏi bụng mẹ, thì đã biết kêu rằng khổ a.

76 Có tích dịch ra tuồng.

Có sự có người ta mới nói, chẳng phải là theo dẹt.

77 Có tiên tiên hay múa.

Nghĩa là có tiên làm việc chi cũng dặng; tục dặt này hay làm phép sai tiên, mà hỏi việc lành dữ; dẫu sai tiên múa thì tiên cũng phải múa.

78 Có tiếng mà không có miệng.

Miệng ấy là miệng ăn, là phần kiền, phần nhờ; ai này tưởng rằng có phần mà thật sự không ngờ.

79 Cô ở trong tát hình ở ngoài.

Vòng trong có, ắt phải bày ra ngoài, nghĩa là trong mình có làm sao, thì bày ra ngoài miệng cũng vậy. Lây ngoài mà đoán trong.

80 Cờ về tay ai này phát.

Quyền về ai này làm.

81 Có vinh có nhục.

Có câu rằng: *vinh thường thủ nhục*, ấy là dặng đi người quân tử; dứa tiêu nhưn chẳng có chi là vinh nhục. Cũng là tiếng khuyến khích.

82 Cóc đi guốc.

Cười dứa hèn, đeo bông sự tử tề, có câu khác rằng: *khí đeo hoa cũng về một nghĩa*.

83 Coi bằng mắt, chớ bắt bằng tay.

Nghĩa là không nên đá động.

84 Coi mặt đặt tên.

Nhắm xem cho biết sức người, dôi với câu *nhắm em xem chọ*.

85 Cơm cá giả mặt bột.

Đãi buổi, làm cho qua tang lễ.

86 Cơm mai cháo chiều.

Nghĩa là thật thường, bữa đủ bữa thiếu; có câu rằng: *cơm tẻ ngày hai*, thì là đủ dôi.

87 Còn cha gót đỏ như son, một mai cha thác, gót con như chì.

Cũng là câu hát: hễ còn cha, người ta hay nói rằng *con có cha*. Lại có câu: *òn cha nhiều kẻ yêu vì, một mai cha thác, ai thì kẻ con*.

88 Con cháu để ông vải.

Nghĩa là con cháu cái ông bà.

89 Con chờ cha.

Con chửa hoang còn ở trong bụng mẹ, ai cưới mẹ nó thì là cha nó.

90 Con công chẳng giống lông cũng giống kiền.

Nghĩa là nòi nào sanh giống ấy, cha lịch sự con cũng lịch sự, chẳng nhiều thì ít.

- 91 Còn da lông mọc còn chồi nên cây.  
Nghĩa là còn có thể, còn lập lại đặng; người ta cũng nói rằng: *còn tre thì măng mọc*, không tuyệt giống.
- 92 Con gái mười hai bèn nước.  
Bèn nước là chỗ người ta ghé mà qua đò; thân con gái là như chiếc đò, gọi là thuyền tình, gặp người xứng đáng thì là bèn trong, gặp người không xứng đáng thì là bèn đục; cả thấy có nhiều bèn, lấy số mười hai mà nói cho xuôi vắn.
- 93 Con là máu, cháu là mủ.  
Ai này đều thương con hơn thương cháu.
- 94 Con là nợ vợ là oan gia.  
Nói về con đại vợ ngày, gia tình bán bách, thì câu này dễ hiểu hơn. Người ta hay nói rằng: *thê truyền tử phước*, nghĩa là con vợ là dây bó buộc, làm cho người đờn ông mất sự thông thả.
- 95 Con mắt là ngọc.  
Đặt ra có con mắt, thì phân biệt sự thiệt giả, tốt xấu, đừng để cho *ngự mục hồn châu*, nghĩa là con mắt cá lộn với hột châu.
- 96 Còn người còn cửa.  
Dạy người ta không nên sồn lòng, hễ còn sống thì còn làm đặng mà ăn, có câu rằng: *người chết cửa hết*.
- 97 Con ruồi đổ nặng đòn cân.  
Nghĩa là trong một mảy cũng có nặng nhẹ, hơn thua.
- 98 Con sâu làm rầu nổi canh.  
Bị một con sâu làm cho phải bỏ nổi canh, nghĩa là phải hại đến việc khác. Vì một người mà bà con phải rầu buồn.
- 99 Con tổ cha tở tở thầy.  
Nghĩa là can danh phạm ngãi.
- 100 Con trai đen dái, con gái đen đầu.  
Ấy là dầu làm chứng về sự con nít mới sanh bầm thò mạnh mẽ.
- 101 Công giả trường.  
Nghĩa là, lương công khó nhọc. Dọc bãi biển có con giả trường hình tích giống con cua mà nhỏ lắm, hay xúc cát đem lên bãi mà kiếm vật ăn, bị sóng đánh nước xao cũng cứ việc làm mãi. Có câu hát rằng: *Công-giả-Trường thường ngày xe cát, sóng ba đào ai xét công cho*.
- 102 Cốt nhục tương tàn.  
Nghĩa là bà con hại nhau.
- 103 Cư bất quả dong tất.  
Ở chẳng qua có chỗ để đầu gối. Nghĩa là ở vừa được thì thôi; không cầu chỗ ở.
- 104 Cú kêu dữ miệng cú.  
Cú là con chim hay đem tin dữ, cũng là chim bắt tương, chi nghĩa là ai làm dữ này lo.

- 105 Cũ người mới ta.  
Ta chưa biết chưa dùng thì gọi rằng mới.
- 106 Cử nhứt khả dĩ suy kỳ dư.  
Lấy một đều có lẽ xét đến đều khác.
- 107 Cửa chẳng ngon chớ nào lỗ miệng.  
Nghĩa là quý tại lòng thảo, không quý tại đồ ăn: Minh khéo chiêu đãi, bào chuốt hay là khéo tiếng nói thì dầu là cửa chẳng ngon cũng phải vừa miệng khách.
- 108 Cửa chẳng ngon nhiều con cũng hết.  
Đồng người giành, vật hèn cũng hóa quý; ít người mới có kén chọn, chỉ nói về vật ăn.
- 109 Cửa chông công vợ.  
Chông làm ra, vợ giữ gìn cũng đều có phép hưởng dùng.
- 110 Cửa đổ mà hột.  
Ấy là cửa liêu. Cửa đổ đi mà hột lại, sao cho toàn vẹn, sao cho khỏi hao.
- 111 Cửa gôi đầu bà già.  
Cửa dè không chắc.
- 112 Cửa là nuôm ruột.  
Ai ai cũng thương tiếc tiền của, có người phải chết vì của.
- 113 Cửa một đồng, công một lượng.  
Công trọng hơn của mười phần, phải lấy công ơn làm trọng.
- 114 Cửa thể gian, ai khôn ngoan thì dặng.  
Cửa đời hay luân chuyển, không chắc về ai, ai có tài có trí thì dặng hưởng dùng.
- 115 Cửa vẫn mặt dài.  
Của ăn hay hết cho nên cửa vẫn, mặt còn thầy nhau cho nên mặt dài, ấy là nghĩa câu nôm. *Của ăn hay hết, người còn thầy nhau.*
- 116 Củi đậu nấu đậu.  
Cũng như nói lấy đó dùng việc đó, không phải dùng môn khác.
- 117 Củi tre một bọng, bài thập một môn.  
Cũng một loại, cũng như nhau, không khác chi nhau.
- 118 Cùng nghề đương thủng, tủng nghề đương nia.  
Tủng thì phải biên, có câu rằng; *anh hùng lỗ vận lên rừng đòt than.*
- 119 Cười người chớ khá cười lâu, cười người năm trước năm sau cười mình.  
Ai ai cũng có chuyện cười, muốn cho khỏi cười thì đừng cười ai.
- 120 Cương quê chi tánh, đủ lão đủ tân.  
Ấy là ví người tuổi tác, sỏi sành, ăn nói khôn ngoan, ý vị.
- 121 Cưu cưu thước sào.  
Có câu rằng: *duy thước hữu sào, di cưu cưu chi*, nghĩa là tu lú ở ở qua qua, thì là hưởng nhờ của sẵn.

- 122 Cứu một người dương gian, bằng một vản âm ti.  
Cứu sông cấp hơn cứu chết; cứu người còn sông, ơn trọng hơn cứu người khuất mặt.
- 123 Cứu tử nhưt sanh.  
Trong mười phần, phần chết hết chín, phần sông có một. Ngặt nghèo, không còn trông sông.
- 124 Cứu vật vật trả ơn, cứu nhơn nhơn trả oán.  
Nhơn tình đen bạc, không bằng con ngoại vật.

## D

- 1 Đa đa ích thiện.  
Nghĩa là nhiều chứng nào, càng thêm hay chứng này.
- 2 Đa hư bất như thiếu thiệt.  
Nhiều óp, chẳng bằng ít chắc; có câu rằng: *quí tình bất quí đa*, thì là dùng rỗng chẳng quí nhiều.
- 3 Đa ngôn đa quá.  
Nhiều lời nhiều lỗi, cho nên người khôn hay cẩn thận lời nói, bằng có mở miệng, thì *ngôn tất hữu trúng*.
- 4 Đa tài lụy thân.  
Tài nhiều thì luống nhọc mình: Chữ tài ấy có hai nghĩa, một nghĩa là của cải, một nghĩa là tài năng; người ta hay lấy nghĩa trước, một sự lo dặng lo mất, thì cực biết mây, huống chi có người phải chết vì tiền của.
- 5 Đá kêu rêu mọc.  
Hiệu nghĩa là chậm trễ, lâu lắc thái quá.
- 6 Đắc chi dị, thất chi dị.  
Đặng đó dễ mất đó dễ, cả công danh phú quới đều như vậy; hễ dặng vô cơ thì mất cũng vô cơ.
- 7 Đắc Lũng vọng Thục.  
Đặng đất Lũng-tây trông lây Ba-thục, chỉ nghĩa là *tham đắc vô yém*.
- 8 Đắc sùng ưu nhục.  
Đặng yêu lo nhuộc, hễ dặng kẻ yêu vì, thì phải lo bề xâu hổ, không nên tự đắc.
- 9 Đái đầu ông xá.  
Quen thói dè người. Tích nói ông Xá là một vị quan hiền lành, thường đi việc quan, qua lại dưới cội cây, có đứa thiếu niên trèo lên ngọn cây, mà đái xuống đầu ông ấy, ông ấy không nói gì; đứa thiếu niên dặng mọi cứ đái hoài, chẳng ngờ dặng nhằm ông quan khác dữ, liền bắt nó mà chém đi.

- 10 Đại giả tiểu chi tích, tiểu giả đại chi phân.  
Hiệp cái nhỏ thì làm ra cái lớn; phân cái lớn thì là cái nhỏ, cho nên chớ thấy nhỏ mà dạn làm hay là không nỡ làm. Có câu rằng: *vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi, vật dĩ ác tiểu nhi vi chi.*
- 11 Đại khí vãn thành.  
Người có đại tài, mà làm nên muộn, ấy cũng là tiếng than.
- 12 Đại mộc lưu giang, bất đặc hồi cô.  
Cây lớn trôi sông, chẳng dặng về chỗ cũ, ví với người thật lạc trôi nổi, chẳng trông trở về quê quán.
- 13 Đại ngôn bất tâm.  
nói phách mà không biết hổ.
- 14 Đại ngôn vô thật.  
Lớn lời nói mà không chắc. Hễ người hay khoe khoang, nói lớn lời, thì chẳng hề có sự thật.
- 15 Đại nhơn năng dung tiểu nhơn.  
Người lớn hay dung kẻ nhỏ. Hễ làm lớn thì phải có độ lượng, chẳng khá hẹp hòi với kẻ nhỏ. Dung nghĩa là đựng, chẳng bao dung, thì là chẳng đựng, ấy là *bất năng dung vật.*
- 16 Đại phú do thiên, tiểu phú do cần.  
Giàu lớn bởi trời, giàu nhỏ bởi siêng.
- 17 Đại vi dài vi các, tiểu vi đồng vi lương.  
Lớn làm dài làm các, nhỏ làm cột làm rường, nghĩa là tùy theo sức theo thê, chẳng dặng bậc dài các thì cũng làm bậc đồng lương.
- 18 Đâm bị thóc, thọc bị gạo.  
Hiểu nghĩa là người đòn xóc, hay đâm đầu nầy thọc đầu kia cho sanh sự bất hòa.
- 19 Đãm đục đại nhi tâm đục tiểu.  
Mặt muôn lớn mà lòng muôn nhỏ, nghĩa là phải có gan mà cũng phải cẩn thận.
- 20 Đâm lao phải theo lao.  
Nghĩa là lờ chừng phải theo.
- 21 Dạn ăn lên tên ăn xuống.  
Ay là lời chuẩn đích trong sự bắn súng, bắn nã.
- 22 Đặng buồng nầy khuây buồng nọ.  
Buồng là buồng cau. buồng chuối, có buồng bây giờ quên buồng ăn rồi, chỉ nghĩa là vọng ân.
- 23 Đặng cá quên nôm.  
Chỉ mắng con cá, không nhớ tới đồ dùng mà bắt cho dặng cá, nghĩa là phụ ơn.
- 24 Đặng cao tất tự ti, hành viễn tất tự nhĩ.  
Lên cao ắt bởi thấp, đi xa ắt bởi gần. Trước thấp sau mới cao, trước gần sau mới xa. Muôn làm thấy trước phải làm tới.

25 Đặng chẳng mắng, mắt chẳng lo.

Nghĩa là vô tâm.

26 Đặng chì đặng chài.

Nghĩa là đắc thê; chì để mà dẫn chum chài, đặng một mà sanh hai.

27 Đặng chim bẻ ná.

Đặng cá mà quên nôm, thì hã còn cái nôm, đặng chim bẻ ná, thì lại làm hư cái ná, đã vô ớn mà lại hủy hoại.

28 Đàng dài biết sức ngựa, nước loạn biết tội ngay.

Có nguy biên mới biết lòng người, đi đàng xa mới biết sức ngựa.

29 Đàng lang bộ thuyển.

Con châu châu bắt con ve ve. Con châu châu đương chụp con ve ve, chẳng để đàng sau lại có con huỳnh tước chụp mà bắt cả đôi, chỉ nghĩa là ham ăn mà không nghĩ hậu.

30 Đắng cũng là ruột, ngọt cũng người dưng.

Đắng mà thiệt, ngọt mà giả; lại đắng là mực thiệt, ngọt là dãi buôi, nghĩa là phải lầy cật ruột làm hơn.

31 Đặng phe của mắt phe con.

Nghĩa là ít người đặng vòng tròn, cho nên người ta hay chúc *tam đa ngũ phúc*.

32 Đặng tí đương xa.

Nghĩa là cánh châu chông xe: thê suy nhược chẳng chông đặng sức lớn.

33 Đánh cho chêt nết không chừa.

Nghĩa là không chịu giáo hóa, hay là khó dạy bảo.

34 Đánh chó không kiêng chủ nhà.

Nghĩa là không vị nhau, hay là không nghĩ tình diện nhau; có câu rằng: *sợ hùm phải kiêng cật hùm*.

35 Đánh một gái giải cả chợ.

Xử tội một gái dè mà răn dòn bà con gái khác. Tục đất nầy việc đi chợ mua ăn thì là việc dòn bà, nói cả chợ thì hiểu cả dòn bà con gái. Đời quan Tá-quân, những tội lang vãn ngoạt tình, thường cho voi giỡn tại chợ.

36 Đánh rắn cho chêt nọc.

Nghĩa là làm cho dứt hậu hoạn.

37 Đánh trông động chuông, bứt mây động rừng.

Nghĩa là nhơn một việc mà động lây tới việc khác. Thương danh hại nghĩa gọi rằng động, làm mất lòng cũng là động.

38 Đao kiếm tuy lợi bất sát vô tội chi nhơn.

Đao gươm dẫu sắc không giết người vô tội.

39 Đào lý nhứt môn.

Một cửa cây đào cây lý, ấy là con một nhà, học một trường; cửa thầy hay trồng đào lý.



40 Đào sâu khó lấp.

Chi nghĩa là làm quá tay thì khó sửa lại, thường hiểu về sự làm tội ác; hễ là tội nhiều thì khó đền bồi.

41 Đạo ngô ác giả thị ngô sư, đạo ngô hảo giả thị ngô tặc.

Kẻ nói sự xấu ta là thầy ta, kẻ nói sự tốt ta thì là hại ta.

42 Đạo thính đồ thuyết.

Nghĩa là nghe đọc dàng nói đọc dàng, thì là chuyện không đích xác.

43 Đáo xứ tùy dươn.

Nghĩa là làm khách đật người phải tùy theo dươn phân.

44 Đạp gai lấy gai mà lể.

Ấy là tiếng kẻ thua cờ bạc hay nói: hễ thua cờ bạc thì phải theo cờ bạc mà gỡ, cũng như nói độc khử độc, lại lâm lụy việc gì phải theo việc ấy mà gỡ.

45 Đật có quê lể có thói.

Nghĩa là dẫu dẫu đều có thói phép riêng.

46 Đật cũ dãi người mới.

Nghĩa là người mới hay gặp duyên mới; thường thầy người mới tới làm ăn thanh lợi, nhưt là những người làm thnoch, mới tới đật lạ, thì làm thuộc dất hơn người cũ ở đó.

47 Đẩu chơn há miệng.

Chi nghĩa tưng lăm, thì phải kêu phải nói; phép tra khảo hay dụng kềm, kềm kẹp đẩu chơn thì phải xung ngay, có khi không có cũng phải chịu.

48 Đắt là quê ê là củi.

Cũng là một miếng vỏ cây mà có nhiều người mua, nhiều người dùng thì gọi là quê, bằng không thì kêu là củi, nghĩa là ít thì trân trọng nhiều thì khinh bạc.

49 Đẩu chóng đả chày.

Ấy là lời khuyên người bệnh, chẳng khá ngã lòng về sự đau lâu; ấy cũng là lời chuẩn đích.

50 Đẩu lâu tồn thuốc.

Ấy là tiếng người đau lâu sồn lòng, rửa mình thà chết đi một cái; kẻ đánh cờ bạc không chịu thua thì mồn, cũng hay nói thà thua đi một cái.

51 Đẩu tiếc thân lành tiếc của.

Đau sợ chết cầu thấy cứu, bao nhiêu cũng chịu cho thấy; dền khi mạnh, tiền thuốc của thấy lại không chịu trả.

52 Đẩu lòng sủng sủng nổ, đẩu lòng gõ gõ kêu.

Chỉ nghĩa là bức tức, không an, thì phải phát, phải ra miệng, không lể nín.

53 Đầu đi khúc chuyễn.

Av là sự rần bò, đầu muốn đi thì mình phải uốn khúc, nghĩa là có gò mới có ngọn, có người xướng trước, mới có kẻ làm theo.

54 Đầu thử kị khí.

Nghĩa là quăng con chuột mà kị đồ dùng. Quăng chú giáp phạm nhằm chú ắt, sợ hại lây cho nên không nỡ; *ái ộc cập ố*, cũng có nghĩa là sợ hại lây.

55 Đầu vào tròn ra.

Sự thế nghèo nàn, đứng ngồi không yên.

56 Đầu voi đuôi chuột.

Lớn thích bằng cái đầu voi, nhỏ thoát bằng cái đuôi chuột: một ngày một thốn mòn, hay là trước có mà sau không có.

57 Đầy tớ xét công, vợ chồng xét nhơn nghĩa.

Đưa ở, phải xét công, chớ coi của hơn người; về sự vợ chồng chẳng khá cầu chấp nhau trong sự lầm lỗi.

58 Để sau khôn trước.

Nghĩa là nhỏ tuổi mà khôn hơn người lớn.

59 Đệ tử phục kỳ lao.

Nghĩa là kẻ làm con em, thì chớ nệ khó nhọc.

60 Đem voi về giày nhà mả.

Nghĩa là rước sự thiệt hại về nhà, thường hiểu về người.

61 Đèn dầu gọi là người.

Chỉ nghĩa là không phân biệt, mười người như một.

62 Đèn nhà ai nấy sáng.

Nghĩa là việc ai nấy tỏ.

63 Đi khôn đứt, bứt khôn rời.

Nghĩa là bịn rịn.

64 Đi xem đất, về cất mặt xem trời.

Ấy là sự rần con trẻ phải giữ nết na dằm thắm, không nên vác vác ngửa nghiêng.

65 Địa đao chơn hạt.

Chỉ nghĩa là sang hèn, xâu tốt không xứng nhau, chẳng khác chi người hèn mà muốn vợ sang.

66 Đồ trường tri mã lực, quốc loạn thừ thần trung.

Nghĩa là dằng dãi hay sức ngựa, nước loạn biết tôi ngay, đã có giải trước.

67 Độc dược khổ khẩu lợi ư bình.

Nghĩa là thuốc độc đắng miệng mà lợi cho bình; có câu nôm rằng: *thuộc đắng đã tật, lời thật mát lòng*.

68 Độc khử Độc.

Nghĩa là giống độc trừ giống độc, cũng như độc rần, chẳng dùng thuốc độc thì chẳng lẽ trừ.

69 Độc mộc bất thành lâm.

Có câu nôm rằng: *một cây làm chẳng nên non, ba cây giùm lại nên hòn núi cao.* Nghĩa là có nhiều vai cánh, mới dựng sum vầy.

70 Độc thơ câu lý.

Độc sách tìm nghĩa lý, không phải câu theo nét viết cùng tiếng nói.

71 Độc mộc nan chi đại hạ.

Nghĩa là một cây khôn chông chái cả, hay là nhà lớn. Nghĩa là sức riêng không chịu đựng việc cả sức.

72 Đói ăn rau đậu uống thuốc.

Dưỡng sanh có phép,

73 Đói cho sạch, rách cho thơm.

Nghĩa là phải an phận nghèo, cũng phải giữ danh giữ tiếng.

74 Đói đầu gối hay bò.

Túng thì phải biền. *Chịu khó mới có mà ăn, ngồi không ai dễ đem phần tới cho.*

75 Đói sanh kẻ dử.

Đói lắm thì quên lễ nghĩa.

76 Đói trong ruột không ai biết, rách ngoài cật nhiều kẻ hay.

Có câu rằng: *áo cũ để bên trong nhà, áo mới bên ra ngoài đường.* Thường sự người ta hay lấy việc bề ngoài mà đoán việc bề trong, hay là lấy chỗ thấy mà nghị luận chỗ không thấy.

77 Đòn khảy tai trâu.

Chỉ nghĩa là không biết nghe lời phải; không phải đồng loại, cho nên không lẽ dạy biền.

78 Đòn xóc nhọn hai đầu

Chỉ nghĩa là nịnh tà, hay làm cho người ta mất đức hòa thuận.

79 Đông đi đổ lại sao đây.

Có ý nói riêng về sự đong lường. Một sự đong đi lường lại thì có thâm hao, không phải hao vì sự đong lường thiếu; cũng như nói *cầm đầu có hồng ướt tay*, một sự ướt tay, thì cũng làm cho đầu thiếu.

80 Đóng cửa dạy nhau.

Về việc quây phải trong nhà, lấy theo lẽ khôn ngoan thì phải dạy riêng, chớ cho người ngoài biết.

81 Đông tay hơn hay làm.

Nghĩa là đông tay thì phải được việc hơn, cũng như rit nhiều chun, thì hay giúp nhau.

82 Đông có mây tây có sao.

Chỉ nghĩa là sum hiệp.

83 Đông ác tương tễ.

Nghĩa là xấu với xấu hiệp ý nhau, cũng giúp nhau mà làm nên chuyện xấu.

84 Đồng bịnh tương liên.

Đồng một bịnh một tật như nhau, thì hay thương nhau. Hễ là biết sự đau đớn cực khổ nhau, thì biết thương nhau hơn; các kẻ mang tật rườy cùng cớ bạc ủa nhau, cũng là đồng bịnh tương liên.

85 Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu.

Đồng một tiếng tăm thì đôi dài với nhau, đồng một chí khí thì tìm nhau: những kẻ có chí khí giống nhau thì đồng lòng cùng ủa hạp nhau. Lại kẻ tài trí có chí khí giống nhau, cho nên có câu rằng: *Quần từ dĩ chí khí tương kì.*

86 Đồng thực đồng thọ.

Nghĩa là đồng ăn đồng chịu, hay là có ăn chung, thì phải chịu chung: ăn trộm phân tang, dền khi bị bắt phải chịu chung.

87 Đồng tử đồng sanh.

Ay là tiếng giao ước thể nguyên. Sông thác cũng một lần, cho trọn nghĩa cùng nhau.

88 Đồng trâu nhà để gà người bươi.

Nghĩa là việc nhà mình, để cho kẻ khác phanh phui; chiều ứng với câu *đóng cửa dạy nhau.*

89 Đũa ăn mắm đũa khát nước.

Nghĩa là một đũa làm một đũa chịu.

90 Đũa bệp khuấy nổi bung.

Nghĩa là lệnh lảng không thiệp, hiểu nghĩa là nhỏ lăm không xiết việc lớn lăm, cũng như sức một người chèo thuyền cả giữa vôi.

91 Đũa có tình rình đũa có ý.

Thường sự những người có bụng gian hay là có ý trong mình, thì hay xem xét, mà nhưt là xem xét người có ý; người vô sự thì là vô tâm. Tình ý cũng gần một nghĩa, té ra có ý xét cố ý, cố ý là có việc trong mình.

92 Đũa dai lăm, đũa khôn ăn.

Đũa dai lăm ra không biết giữ, hóa ra đũa khôn ăn dặng, hoặc đũa dai có công làm mà không dặng hưởng nhờ.

93 Đứt đi mà nổi, sao cho bằng môi xưa.

Có ý nói về sự vợ chồng chấp nổi, không mấy thuở gặp được chỗ tử tề như xưa.

94 Đứt nổi tôi năm.

Nghĩa là cứ việc mà lăm, hay là gặp việc phải thì làm. Tỉ như khi chích đôi lẽ bạn, thì phải chấp nổi.

95 Đứt giống nên phải tạm choàng.

Còn một về khác là *lỡ duyên nên phải tạm nàng có con*, câu trước là câu hứng, đều có nghĩa là tạm vậy.

## D

- 1 Dân dĩ thực vi tiên.  
Dân lấy ăn làm trước, nhà nước phải nuôi dân, có dân mới có nước, vật ăn là tánh mạng dân.
- 2 Dân dĩ dân tề.  
Dân hơn ai nấy bằng nhau, không chỗ tây vị; ai ai cũng là đầu đen máu đỏ.
- 3 Dân như gỗ tròn.  
Nghĩa là lăn khiến bề nào cũng dặng.
- 4 Dẫn xà nhập huyết.  
Đem rắn vào hang; làm cho dắc thê. Tiếng tục hay nói sào huyết, chánh nghĩa là ổ hang, mà hiểu ra thì là lục phá, chỉ mạch máu, đem đàng cho kẻ dữ, ấy là nghĩa dẫn xà nhập huyết, hay là đem tới mà sào huyết.
- 5 Danh ô nan thực.  
Danh như khó chuộc. Hễ là làm hư danh rồi thì khó lập lại chùng khó mua tiếng tốt.
- 6 Dầu hèn cũng ngựa nhà quan, kiêu khẩu rách nát, hồng nhan hã còn.  
Cũng là câu hát. Thường nói về con dòng của giống hay là người học hành có tài đức, dầu phải lâm lụy, cũng còn cốt cách, hã còn có chỗ dùng.
- 7 Dâu hiền là gái, rể thảo là trai.  
Dâu rể thảo thuận, cha mẹ hai bên xem bằng con đẻ.
- 8 Dầu hoa vun cây.  
Hễ thương bông mền nhánh, thì bồi dưỡng lấy gốc cây; vì con cháu tưởng đền kẻ sanh thành.
- 9 Dạy con dạy thưở còn thơ, dạy vợ dạy thưở ban sơ mới về.  
Có câu rằng: Mãng chẳng uôn để ra tre uôn sao dặng; có câu chữ rằng: *Giáo phụ sơ lai, giáo tử anh hài.*
- 10 Dây dùi khó đứt.  
Dây thang lằm hay là sẵn lằm, thì có ngày phải đứt. Hễ ở mềm mỏng dịu dàng thì dặng bền đồ lâu dài.
- 11 Dĩ đào vi thượng sách.  
Lấy sự tròn làm chước trên hết. Hộ thân có 36 chước mà có một chước lánh mình là hay hơn.
- 12 Dĩ hòa vi quý.  
Trong sự ở ăn phải lấy sự hòa hảo làm quý.
- 13 Dĩ kỹ tướng tất hữu dĩ kỳ tài.  
Kẻ có tướng kỳ dị, ắt là có tài kỳ dị, ấy là phép coi tướng.

14 Dĩ noãn kích thạch.

Lây trắng mà chọi đá, hiểu nghĩa là một đằng yếu một đằng mạnh, chẳng có thể chi mà chông chỏi.

15 Dĩ nông vi bản.

Sanh ý có bốn phép, là sĩ, nông, công, cổ, cũng gọi là tứ dân, có một sự làm rộng là căn nhứt, nên phải lây nó làm căn bản.

16 Di tửu vô lượng bất cập loạn.

Chín rượu không lường chẳng đến loạn. Nghĩa là uống rượu ít nhiều tùy theo độ lượng người, chớ để cho loạn tâm tánh.

17 Diện phục tâm bất phục.

Mặt phục mà lòng không phục : phục ấy là kính phục, chịu phục ; người ta nói *đặt trước mặt* thì là diện phục.

18 Diệt địa giai nhiên.

Đời dật đều như nhau, hiểu nghĩa là người tài đức đời đi, dẫu cũng tài đức.

19 Dinh, hư, tiêu, trưởng.

Nghĩa là đầy, lưng, mòn, lớn, thường nói về mặt trăng ; vận con người có khi đầy, khi vơi, khi mòn, khi lớn cũng như mặt trăng.

20 Dinh tất dật.

Nghĩa là đầy ắt có tràn, hễ là đầy lắm thì phải có tràn trễ hư hao ; cho nên *lý thanh mẫn nhi hậu tri chi*, nghĩa là tới mực đầy rồi thì phải thôi.

21 Dò sông dò biển còn dò, nào ai bẻ thước mà đo lòng người.

Cũng là câu hát, nghĩa là lòng người nham hiểm không lẽ xét biết.

22 Đông bất quá thiên, cường bất quá lý.

Nghĩa là mạnh chẳng qua trời, cứng chẳng qua lý ; chẳng ai chông nổi việc trời, đến lẽ chánh chẳng ai thắng dặng, có câu rằng : lẽ thật phải mệt mà chẳng phải thua. Lại lý là lý thế phải chịu.

23 Dòng nào sanh giống ấy.

Nghĩa là rắc nòi, cũng như *hồ phụ sanh hồ tử*.

24 Đốt đặc như cán mai xay.

Nghĩa là đốt quá.

25 Dữ thiện nhờn giao như nhập chi lan chi thất, dữ ác nhờn giao như nhập bào ngư chi tử.

Nghĩa là kết bạn người lành, thì như là vào trong nhà có cỏ chi cỏ lan thơm tho, kết bạn cùng đũa xâu thì như vào hàng cá mắm hôi hám. Một nghĩa với câu *gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*.

26 Dũ xu dữ hạ.

Nghĩa là càng chạy càng xuống, hiểu nghĩa là càng ngày càng sụt.

27 Du thủ du thực.

Nghĩa là ăn chời lương tuồng.

28 Dục bả<sup>2</sup> bất năng.

Muôn thối chẳng dặng, thì chỉ nghĩa là chẳng có lẽ thối, hoặc chẳng dám thối.

29 Dục gia chi tội, hà hoạn vô từ,

Nghĩa là muôn gia tội cho, lo gì không tiếng nói. Nói tốt thì khó, muôn nói tội cho người ta và nhưt là kẻ bề trên muôn làm tội cho kẻ bề dưới, thì là đều rất dễ.

30 Dữ tu hành, hơn lành kẻ cướp.

Chiều ứng với câu, bình phong tuy phá, cốt cách du tôn.

31 Dục tộc bất đạt.

Nghĩa là muôn mau chẳng xuôi, hễ táo cập lăm, thì hay sanh đều ngăn trở.

32 Dùi đánh đục, đục đánh sãng.

Hiệu nghĩa là cứ thử mà làm, đồn lãn cho đến nơi.

33 Dụng lòng không ai dụng thịt.

Tục dật nầy có kiên thịt, thì trọng tại bộ lòng, thiêu một vật trong bộ lòng thì là thật lẽ; lòng ấy thì là lòng kính vì, thảo lão.

34 Dụng nhọn như dụng mộc.

Dụng người như dụng cây, chẳng vì một chút mục chút tì mà bỏ cả cây. *Câu sĩ mạc câu toàn* cũng vào một nghĩa ấy.

35 Dụng như hổ, bất dụng như thử.

Có dụng thì như cạp, không dụng thì như chuột. Nghĩa là người bất tài mà dặng yêu dùng, thì cũng hóa ra mạnh mẽ như cạp; dẫu là người có tài, mà chẳng dặng yêu dùng, thì cũng trở nên yèn đuôi như con chuột; quý tại dùng cùng chẳng.

36 Dương chất hổ bì.

Cốt là dê mà da cạp. Nghĩa là có vẻ bề ngoài mà thối; cốt dê thây cỏ thì thêm, thây muông lang thì sợ, quên cái da mình là cạp

37 Dưỡng gió bề mặng.

Nghĩa là thừa thê mà làm, một ý với câu, *chờ lụt dầy rêu*, chẳng khác chi mượn thê lực mà làm sự gì hay là đem luôn kẻ khác.

38 Dưỡng hổ đi hoạn.

Nghĩa là nuôi cạp để hoạn lại sau. Cạp ấy thường hiểu là người gian ác, nếu làm ơn cho nó, hay là nuôi dưỡng lấy nó, thì nó sẽ đi ăn báo oán hay là sẽ làm hại cho mình.

39 Dưỡng lão khất ngôn.

Nghĩa là nuôi kẻ già cả mà xin tiếng nói, hay là học khôn, kẻ già cả phải am tường sự lý cùng trái việc hơn người trẻ tuổi.

40 Dương thuận âm vi.

Dương là bề ngoài, âm là bề trong, chỉ nghĩa là làm mặt thuận hòa, mà trong lòng thì ngạnh.

41 Dưỡng tử phương tri phụ mẫu ân.

Có nuôi con mới biết ơn cha mẹ; dằng chẳng đi chẳng đến, hễ có đến, mới biết sự khó nhọc mình thì là sự khó nhọc cha mẹ.

42 Dứt cây ai nữ dứt chồi.

Cây có ngăn trở thì dứt cái cây, chồi còn nhỏ vô can, không dành lòng dứt; giả như dứt nghĩa vợ, còn nghĩ tới con. Hễ dầu hoa thì phải vun cây.

43 Duyên ai nấy gặp.

Có ý nói về việc vợ chồng, có câu rằng: *Lương duyên do túc đê, giai ngẫu tự thiên thành*, nên vợ nên chồng đều có duyên số, không phải là việc tình cờ; hiểu ra nghĩa chung, thì là may ai nấy gặp.

44 Duyên mọc cầu ngư.

Nghĩa là leo cây tìm cá, thì là cầu sự chẳng có.

## E

1 Êch ngồi đáy giếng.

Chê người không có kiến thức; ech ở dưới đáy giếng, thấy trời bằng cái miệng giếng. Ech ngồi đáy giếng, thấy bao lăm trời.

2 Ép dầu ép mỡ, ai nữ ép duyên.

Ây là lời nói mỉa, duyên tại ông tơ bà nguyệt, chẳng có lẽ ép, lại *chi bất khả đoạt*, nghĩa là chẳng khá làm cho người ta phải thất chí.

## G

1 Gà cổ ăn bản cối xay.

Ây là lời nói chơi chàng rể có ý tạo hay là lây luôn chị vợ hoặc em vợ; ăn bản nghĩa là ăn gần chung quanh, không chịu ăn xa.

2 Gà đẻ rồi gà tục tác,

Hiểu nghĩa là mình làm rồi lại tri hô, có ý đổ cho người khác. Tánh con gà mỗi khi đẻ rồi liền kêu tục tác, làm như mệt thót; mà hễ có kêu thì là có đẻ, lại có ý làm lơ lửng, kêu tục tác cũng như *thực tác* nghĩa là ai làm.

3 Gà ghét nhau một tiếng gáy.

Tánh gà trông với gà trông hay khích nhau từ tiếng gáy lẫn lút; con người ta hay giận ghét nhau, cũng vì một tiếng nói trên nhau.

4 Gà lộn trái vãi, cu con ra ràn.

Gà mới lộn còn ở trong trứng, cu mới nở, vừa tập bay, đều là miếng ăn ngon.

5 Gà mất mẹ.

Nghĩa là bơ vợ chịu chết; con mất cha, tớ lìa thầy, tôi xa vua, cũng đồng một thể.



6 Gà ở một nhà, bôi mặt đá nhau.

Thường gà ở một nhà, không chịu đá nhau, có bôi mặt cho lạ thì mới đá nhau; con ở một nhà trở mặt hại nhau, thì là gà bôi mặt không còn nhìn nhau.

7 Gái giông cha giàu ba họ, trai giông mẹ khó ba đời.

Gái thuộc âm, giông cha thì là âmặng dương; trai thuần dương mà giông mẹ thì là dương mắc âm.

8 Gái khôn trai dốt, lâu buồn cũng xiêu.

Hễ ngọt mật thì chêt ruồi, khinh sĩ thì mắc sĩ.

9 Gái ngoan làm quan cho chồng.

Biết coi giềng mối, làm lịch sự cùng làm nên cho chồng, thì là làm quan cho chồng.

10 Gái tham tài trai tham sắc.

Ấy là bình chung trong thiên hạ, thái quá thì là tham bạc trắng mà mắc mọi đen.

11 Gai trên rừng ai mút mà nhọn.

Nên hư đều bởi tự nhiên, như trái trên cây ai vò mà tròn.

12 Gan cóc mật công.

Ấy là giông độc, ai phạm thì phải chêt.

13 Gân đàng xa ngõ.

Nghĩa là ít tới lui; khó nẻo tới lui.

14 Gắn mực thì đen, gắn đèn thì sáng.

Tốt xấu cũng đều hóa, song gắn tốt thì hóa tốt, gắn xấu thì hóa xấu, con nít lại càng dễ hóa.

15 Gắn đất xa trời.

Nghĩa là già cả lắm, hay là gắn xuống lỗ.

16 Gắng công mài sắt, chầy ngày nên kim.

Sắt cứng khó mài, mà cũng mài nên kim, nhứt là trong việc học hành khó nhọc, hễ có ra công rán sức, thì lần hồi phải nên.

17 Gánh bần độc mướn.

Nghĩa là không phải chuyện mình, mà mình xưng lấy.

18 Gánh vàng vào kho.

Nghĩa là làm lợi cho quan.

19 Gạo châu củi quế.

Nghĩa là vật ăn mắt mỡ, gạo quí như châu, củi mắt như quế.

20 Gậy đòn gánh giữa đường.

Nghĩa là vợ chồng chích mác trong lúc trung niên,

21 Gia bần trí đoán.

Nhà nghèo trí khuôn, tính không ra việc.

22 Giá cao chém thấp.

Nghĩa là giá bán đánh cao, giá mua trả thấp, chẳng khác giò cái rựa lên cao, mà chém xuống cây có chừng.

- 23 Giả đại qua ải.  
Không ai tra vấn kẻ điên đại : giả khờ giả đại cho qua việc.
- 24 Giả đòn non lẽ.  
Nghĩa là đau đòn phải xung ngay, chẳng còn chữa chời.
- 25 Già kén chẹn hom.  
Nghĩa là kén lừa lăm thì chẹt người. Những người hay kén vợ kén chồng, ít gặp người cho vừa con mắt, mà hay lăm nhằm người không tử tề. Chánh nghĩa kén ấy là kén tầm, hom là hom đầu, chà búa. Hễ kén nhiều thì hom chẹt (vị tương).
- 23 Già lăm già hồng.  
Nghĩa là bụng mình chí lăm, hay là kẻ chắc lăm, thì chẳng mấy khi gặp, cho nên người ta hay nói, : *Tình cờ mà gặp, chóc mòng mà không*, có ý nói về sự chồng vợ.
- 27 Già Phú tiểu nhi kiêu.  
Nghĩa là nhà giàu, con nít kiêu ngạo. Đại để con nhà giàu hay ý của cùng chẳng hay khiêm nhường.
- 28 Già sanh tật, đật sanh cớ.  
Con người ta tới tuổi già thì hay lú lẫn hoặc đổi tính ý, vui buồn không chừng, ấy là tật tánh tình, hoặc hóa ra đui mù, điếc lác, cùng năng đau ốm thì là tật thân thể; đều là tật chung mọi người già phải có.
- 29 Giá thú bất khả luận tài.  
Nghĩa là phép gả cưới không nên tính của cải, hễ làm giá cả thì ra việc mua bán.
- 30 Giận con rận đốt cái áo.  
Nghĩa là tức mình về việc nhỏ mọn mà hại đến việc cả thể.
- 31 Giận thì đánh quạnh thì thương.  
Thương ấy là tánh tự nhiên, lẽ buộc phải thương.
- 32 Giáo đa thành oán.  
Nghĩa là dạy biều nhiều, gây nên đều hờn giận; răn khuyên đức bảo thì là việc có ích, mà cũng có nhiều người quen theo tánh ý riêng, thì lấy làm bất bình; vả lại sự dạy biều thối quá cũng hay làm cho người ta nhàm lờn.
- 33 Giao long ly thủy, thất phu khả chê.  
Nghĩa là loài giao long lìa nước, đũa thất phu cũng hiệp dặng. Tỉ với người có tài hay là anh hùng thất thế, thì sức một tay tám thương cũng hại dặng. Người ta hay nói, *khi cá ớn kiên, khi kiên ớn cá*, thì là làm vậy.
- 34 Giao nghĩa mạc giao tài.  
Nghĩa là kết bạn chớ khá vì tiền của.
- 35 Giao tài hơn nghĩa tuyệt.  
Nghĩa là kết bạn vì tiền của thì hết hơn nghĩa.

36 Giao tất trách hữu.

Kết bạn phải chọn người, có ích hữu, có tổn hữu, cho nên có câu:  
*Dữ thiện hơn giao như trư chi lan, vân vân.*

37 Giàu dặng trung dặng hiều, khó mất thảo mất ngay.

Thường nói về sự cung dưỡng cha mẹ, cũng là tiếng thang.

38 Giàu dễ người, khó nói lão.

Dễ người là khinh suất, ý tận, sức làm được mà không thêm làm;  
Kẻ khó mắc nợ chúng thì hay nói lẩn lưa rày mai, hoặc không có  
của mà làm việc mình có tài làm dặng, cũng là nói lão.

39 Giàu giờ ngo, khó giờ mùi.

Nghĩa là tiền bạc vô ra không mây hội.

40 Giàu là họ khó người dặng.

Tục đời hay tham phú phụ bản.

41 Giàu nghèo có người ta cùng mình.

Đặt ra ở đời có kẻ giàu người nghèo, không lẽ giàu hết, cũng không  
nghèo hết: người ta làm sao thì mình cũng vậy.

42 Giàu người tiếng mình.

Giàu nghèo đều phải giữ danh giữ tiếng. Chớ cho người ta biết  
tâm sự mình.

43 Giàu tạo khó bán.

Ai cũng phải lầy cửa mà che thân.

44 Giàu út ăn khó út chịu.

Hễ cha mẹ giàu thì con út dặng nhờ, cha mẹ nghèo con út phải  
chịu cực. Lại phần gia tài con út là phần ở sau rớt, dư thừa nhiều  
thì nhờ, ít hay là thiếu thì cũng phải chịu.

45 Giàu dẩu ra đuôi.

Nghĩa là giàu không nhem.

46 Giấy trắng mực đen, làm quen thiên hạ.

Có giấy mực làm chứng, dẩu lạ cũng hóa quen; giấy mực có sức  
buộc, làm cho người ta tin nhau.

47 Giếng đó ếch đó.

Ếch hay ở giếng, hễ có giếng thì có ếch; ấy là tang đầu tích đó, xét  
dặng tang trong nhà nào thì để tội cho nhà ấy.

48 Giỏ nhà ai quai nhà nầy.

Nghĩa là ai ai đều có khuôn rập, cốt cách riêng.

49 Giỏi trong xương giỏi ra.

Tự nhà mình gây việc, phanh phui.

50 Giúp lời không ai giúp của, giúp dũa không ai giúp cơm.

Tiếng chê tục đời ở với nhau không hết lòng, nhưt là tới đồng tiền  
hột gạo lại càng đo đắn.

51 Gỏi trắng cho ác.

Ac là hay ăn trắng, gỏi trắng cho nó ắt là không còn, nghĩa là  
*ký thác phi hơn.*

52. Góp gió làm bão.

Thường hiểu về nghĩa hiền, là tích để lần lần mà làm ra vốn lớn, việc lớn.

## H

1 Hà địa bất sanh tài.

Đất nào chẳng có sanh kẻ tài, nghĩa là đâu đâu cũng có kẻ anh tài.

2 Hai chín chông nhau.

Cách đánh bài chín, lấy số 9 làm lớn; hễ hai người đều dặng số 9, thì huế với nhau, không còn ăn thua. Hiểu nghĩa là hai người có tài có sức hay là hung dữ như nhau, có kinh địch hay là làm sự gì cho nhau, thì phải huế.

3 Hai gái lấy một chồng.

Sự thể hai gái lấy một chồng, thì chẳng có lý thuận hòa.

4 Hai vai gánh nặng hòa hai.

Nghĩa là khó xử, khó tính; nặng là nặng tình nặng nghĩa: như vị bên tình thì phải bỏ bên nghĩa vân vân.

5 Hái củi ba năm thiêu một giờ.

Nghĩa là làm ra lâu mà phát đi không mấy lát. Thường hiểu về tiền của làm ra lâu lặc khó nhọc, dẫu tích trữ cho nhiều, mà xa xỉ không biết tiết, thì có lẽ phá tan trong giây phút.

6 Hai non non hại.

Nghĩa là báo ứng nhân tiền, không phải đợi chánh người bị hại hại lại.

7 Ham ăn mắc bẫy.

Con ngoại vật ham mỗi thì thường bị người ta bắt; con người tham ăn không biết xét trước xét sau, thì phải mắc mưu.

8 Hàm chó vó ngựa.

Con chó hay cắn, con ngựa hay đá, đều phải giữ thể.

9 Hàm huyết phúng non tiên ô tự khẩu.

Nghĩa là ngậm máu phun người, trước do miệng mình. Chưởi rửa người ta thì mình mang lây tội chưởi rửa trước.

10 Hạng hà sa số.

Nghĩa là nhiều vô số, như cát sông Hạng.

11 Hành tàng hư thiết tự gia tri, họa phước non do cánh vân thùy.

Nghĩa là việc làm kín đáo, tốt xấu, có không tự mình biết, duyên cô họa phước lại hỏi ai; hư nên, họa phước phải hỏi nơi mình.

12 Hành thuyền kị mã tam phân mạng.

Đi thuyền, cỡi ngựa, ba phân mạng, chỉ nghĩa là đi ghe cỡi ngựa rất hiểm nghèo, mạng sống còn có ba phân.

13 Hạc lập kê quán.

Hạc đứng giữa bầy gà, nghĩa là xuất chúng, lại có nghĩa là quân tử tiểu như không phân biệt.

14 Hào lý chi sai, thiên lý chi mậu.

Nghĩa là sai một ly một mảy, thì lỗi lầm tới ngàn dặm.

15 Hậu dục thành công.

Thuộc sau nên công, không phân biệt thấy hay dở; hễ uông thuộc thấy sau hết mà lành bình, thì nói thấy ấy là hay.

16 Hậu sanh khả huy.

Nghĩa là chẳng nên khinh kẻ hậu sanh, ấy là lời đưc Khổng-tử khen Hạng-Thác là một đứa con nít thông minh, nói nhiều đều khôn ngoan, như hỏi việc nhân tiền, chàng mảy có mảy cái lòng, người chịu thua.

17 Hậu làm bạc, bạc đem làm hậu.

Chê người không phân biệt chỗ ơn nghĩa trọng khinh.

18 Hã cho bên chí câu cua, dẫu ai câu tranh câu rùa mặc ai.

Cùng là câu hát; hiểu nghĩa là phải cho có chí, chuyên một việc, hay là cứ việc mà làm.

19 Hay chữ chẳng bằng hay giữ.

Học thì phải có hành, nếu học mà không hành thì là *đồ tri kì mạt*, biết ngọn ngành mà thôi.

20 Hết chạy thấy đi đất.

Nghĩa là phải ơn, có việc thì tăng trọng thấy, để ở trên giàn, hết việc bạc đãi thấy, để đi dưới đất, hậu đó bạc đó.

21 Hết xôi rồi việc.

Nghĩa là cho ăn rồi hoặc cúng cấp rồi thì hết việc, không còn lễ nghĩa, hay là ân tình có tăng ấy mà thôi, cũng có nghĩa làm việc lây rồi.

22 Hiền mị cầu vinh.

Ấy là nghề tiểu như, muốn cho dặng sang, thì hay khúc ý, thừa thuận, phùng ngình.

23 Hiền thuận hoàn sanh hiền thuận tử, ngộ nghịch hoàn sanh ngộ nghịch nhi.

Nghĩa là thảo thuận bèn sanh con thảo thuận, ngộ nghịch lại sanh con ngộ nghịch; cha thế nào, con thế ấy hay là *hữu thị phụ hữu thị tử*.

24 Hồ giả hồ oai.

Nghĩa là mượn quyền thế. Tích rằng: con chồn bị cọp chụp nói với cọp rằng: tao là chúa các loài thú, mảy không dặng đá động tới mình tao, chẳng tin mảy đi thử với tao mà coi; con cọp nghe lời đi với con chồn, tới đâu thầy các loài thú đều khép nép.

25 Hộ hôn điền thổ, vạn cổ chi thù.

Nghĩa là việc nhà cửa, vợ chồng, ruộng đất là việc thù muôn đời, trong các việc ấy, nếu có đều bất bình, thì sanh ra việc kiện thưa hềm thù chẳng khi nào thôi.

- 26 **Hỗ phụ sanh hồ tử.**  
Nghĩa là cha cợp sanh con cợp, cha dữ sanh con dữ.
- 27 **Họa hồ bất thành.**  
Vẽ cợp không nên. Mưu sự không rồi, tính việc không xuôi.
- 28 **Họa hồ họa bì nan họa cốt, tri nhơn tri diện bất tri tâm.**  
Vẽ hùm vẽ da khó vẽ xương, biết người biết mặt chẳng biết lòng.
- 29 **Họa hồ loại cầu.**  
Vẽ cợp giống chó. Nghĩa là làm khéo hóa vụng,
- 30 **Họa khởi ư tiêu tường.**  
Họa dây nơi buồng the, nghĩa là họa gây tại trong nhà, đều bởi mình không biết xử trí.
- 31 **Họa lai thân ám.**  
Họa tới tới trí khôn. Hễ mình làm hoạn nạn thì tính không ra đều.  
Có câu đời rằng: *Phước chi tâm linh.*
- 32 **Họa phù thân đãi.**  
Vẽ bùa mà deo cho mình, nghĩa là tư lịnh.
- 33 **Họa phước vô môn, di nhơn tự triệu.**  
Họa phước không cửa, một tại người vời. Hễ làm phước thì phước tới cho, làm dữ thì dữ tới cho.
- 34 **Họa xà thêm tức. (Vẽ rắn thêm chun).**  
Nghĩa là không có làm cho có, hoặc có nghĩa là thêm việc; *xà bồn vô tức, hươu tức phi xà*, nghĩa là vòn rắn không chun, có chun không phải rắn.
- 35 **Hỏa thượng thêm du.**  
Trên lửa thêm dầu, nghĩa là khích gan, chọc giận hay là gây thêm sự dữ.
- 36 **Hoạch tội vu thiên vô sở đảo dã.**  
Mắc tội với trời, không chỗ cầu vạy, có câu rằng: *Thiên tác nghiệt, du khả vi, tự tác nghiệt bất khả huật.* Có ý nghịch mạng trời, cam lòng làm dữ thì hóa ra buông lung, hung ác, cho nên không còn chỗ cầu cứu.
- 37 **Hoạn đặng hoạn thất.**  
Chưa đặng lo cho đặng, đặng rồi lại sợ mất, cả đời bo bo một sự đặng mất.
- 38 **Hoạn bất tài, hà hoạn vô dụng.**  
Sợ không có tài, sợ gì không dụng; người có tài thì chẳng ai bỏ, có tài mà không thầy dụng thì là chưa gặp thì.
- 39 **Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhơn.**  
Vì Hoàng thiên chẳng phụ bạc lòng người tốt. Hễ làm lành thì sẽ gặp lành.
- 40 **Hoạnh tài bất phú.**  
Nghĩa là của phi nghĩa không bền hay là không làm giàu cho ai.

41 Hoàn thù nghịch phát.

Thù chẳng phải lễ, thì tán ra cũng không phải lễ. Nghĩa là không lễ cảm của trái lễ.

42 Học sư bất như học hữu.

Học thầy chẳng bằng học bạn ; học với thầy phải thủ lễ, ít dám hỏi han, học với bạn là học đòi không phải câu thúc.

43 Hom tranh bề hai.

Nghĩa là chia đồng đều.

44 Hôn dạ khát ai, kiêu hơn bạch nhứt.

Đêm hôm xin thương, ngày sáng kiêu với người, ấy là chánh bịnh những người bất tài không biết liêm sỉ, lo lót với người ta mà làm mặt không lo, hay là lay dạ khát cầu cho dặng việc, rồi thì tự thì làm mặt không cầu ai.

45 Huỳnh đệ như thủ túc.

Anh em như tay chơn, có câu khác rằng : *phu phụ như y phục*, áo rách còn có lẽ vá, tay chơn lìa chẳng có lẽ nối, nghĩa là anh em khó kiêm.

46 Hùm chết để da, người ta chết để liêng.

Làm người ở đời một là lưu danh thiên cổ, hay là di xú vạn niên.

47 Hùm dữ chẳng ăn thịt con.

Có câu rằng : *Phụ tử chi tình vô bất ái*, cha mẹ không lẽ giết con, cho nên có câu nôm : *tay phân tay bao nỡ, ruột cắt, ruột bao đành*.

48 Hương đẳng mặc như xỉ.

Phép hương đẳng chẳng gì hơn tuổi. Phép ở làng không luận chức tước, phải trọng kẻ tuổi tác hơn.

49 Hùm mất thịt.

Nghĩa là táo tác làm dữ, không yên.

50 Hung trung vô vật.

Trong lòng không có vật gì. Hiểu là người tự nhiên, không có bụng gì, không thiên với ai, không ác với ai.

51 Hữu danh nhân phú quý, vô sự tiểu thân tiên.

Nghĩa là thú nào vui thú ấy, hữu danh với vô sự cùng bằng nhau.

52 Hữu danh vô thật.

Tên có mà sự thật không có, có câu đời nghĩa rằng : *danh xứng kì thiệt*.

53 Hữu dũng vô mưu.

Nghĩa là có một sự mạnh, mà không có mưu chước.

54 Hữu duyên thiên lý ngộ.

Có duyên ngàn dặm cũng gặp nhau, hay là ngàn dặm gặp nhau vì là có duyên.

55 Hữu lao vô công.

Nhọc thì có mà không ai kể công ơn.

56 Hữu linh sắc, hữu ác đức.

Có sắc tốt thì có đều ác đức. Hễ gái dặng bề lịch sự, thì lại mặt bề đức hạnh; cho nên có sắc khuinh thành.

57 Hữu quá tắc cải.

Có lỗi hay là biết lỗi thì chữa, nghĩa là chẳng khá chấp mê. Có câu đời rằng: *đắc năng mạc vong* nghĩa là làm dặng thì chớ bỏ qua.

58 Hữu sự bái tứ phương.

Có việc lay bốn phương, nghĩa là mình có việc thì phải đầu lụy mọi người.

59 Hữu thân hữu khổ.

Có thân thì có khổ, nghĩa là không nên sồn lòng. Có chỗ nói: *hữu thực thân, hữu thực khổ* cũng là một nghĩa.

60 Hữu thanh hữu suy.

Có thanh thì có suy, ấy là lẽ dinh hư tiêu trường.

61 Hữu thành tắc hữu thần.

Có lòng thành kính, thì có thần linh cảm cách hay là tương ứng.

62 Hữu thể bất khả ỷ tận.

Có thể chẳng khá ỷ hết; lại có câu rằng: *hữu phước bất khả hưởng tận*, ai ai cũng có dinh hư tiêu trường. ỷ tận, hưởng tận, thì là lam cho hết thể hết phước.

63 Hữu thì vô chung.

Có trước mà không có sau; nghĩa là không trọn, không chung cùng.

64 Hữu ư trung tất hình ư ngoại.

Một nghĩa với câu *cô ư trung vân vân*.

65 Hữu xạ tự nhiên hương.

Có vị xạ, tự nhiên thơm; mình có tài đức tử tế thì có công luận thiên hạ: Có câu nói rằng: *hà tất dương phong lập*; nghĩa là nào phải đứng ra giữa gió.

66 Huyện mãn nha môn không mãn.

Quan đối, phép nha môn không đối; kẻ nha lại cũng không đối.

67 Hủy tử tham sanh.

Người ta nói rằng: Con chó còn muốn sống mà ăn dơ, thì dẫu là ngoại vật cũng đồng muốn sợ sống chết. Song cũng có khi phải *xả sanh nhi thủ nghĩa*, hoặc *sát thân dĩ thành nhơn*. Ông-Mạnh tử nói rằng: *Kì sở dục hữu thậm ư sanh dã, cô bất vi cầu đắc; sở ô hữu thậm ư tử dã, cô hữu sở bất tị*.

## I

1 Ích kỉ hại nhơn.

Làm ích cho mình mà hại tới kẻ khác.

2 Ích thì ích lợi.

Ôm thể lợi một mình.



- 3 Ít bột sao cho nhiều bánh.  
Vòn ít thì làm ra phải ít, cũng như ít vòn chẳng dè ra nhiều lời hay là chẳng lẽ làm nên việc lớn. Lại học ít thì hành cũng phải ít.
- 4 Ít thấy đầy dẫy.  
Các thầy chùa, thầy pháp đi làm đám cho người ta rồi, thường có bánh xôi bỏ dẫy cho mà về; ít thấy thì xôi bánh có dư; ít người chia thì phần được phải nhiều hơn.
- 5 Y cảm dạ hành.  
Bận áo gấm mà đi đêm, không ai biết rằng vinh.
- 6 Y dã ý dã.  
Ây là lời chuẩn tích cho các thầy thuốc: hễ gặp bệnh thì phải biên thông, chớ khá câu chấp một lẽ.
- 7 Y dạng họa hồ lô.  
Y theo hình dạng mà vẽ trái bầu, ây là bắt chước theo một kiểu.
- 8 Y năng sát nhọn, được năng cứu nhọn.  
Thầy thuốc dở không biết chứng bệnh thì hay giết người. Thuốc meo là vật Trời sanh để mà trị bệnh.
- 9 Ý thể ý thân.  
Đều chỉ nghĩa là ý; lại ý thể là ý thể lực, ý thân là cây có thân ủng hộ. Ở đàng ngoài có tục ngữ rằng: *Thanh cây thể, Nghệ cây thân*: Tỉnh Thanh-hóa chính là dè hương, người ở đó hay ý mình là người quyền quý; Nghệ-an có nhiều miếu thân linh, người xứ này hay cây sức thân. Còn có câu rằng; *ý thân ý thể, ý thân là ý gần yêu, ý bà con với kẻ sang giàu, ý thể là ý sức lực, quyền thế, lần lượt nhau được.*
- 10 Ỡm cừu nghinh tân.  
Nhàm cũ rước mới, cũng là mới chuộng cũ vong.
- 11 Yên trước khởi tri hồng học chí.  
Chim én chim sẻ đâu biết chí chim hồng chim học, chỉ nghĩa là trí hèn mọn chẳng lẽ hiểu việc kẻ cao sang.
- 12 Yêu tha già thái.  
Nói về linh tráng, có phép tha thái riêng.

## K

### 1 Kê mình cầu đạo.

Gà gáy chó ăn trộm, chính nghĩa là gian vật; mượn nghĩa thì là bạn hữu thiết. Tích rằng: Ong Mạnh-thường-quân là công tử nước Tề nuôi thực khách hơn ba ngàn, đi sứ qua Tần, bị Tần Chiêu-vương giam tù, phải lo với bà công chúa; bà công chúa đòi cái áo hồ bạch cầu, ngắt áo ây công tử dâng cho vua Chiêu vương bỏ vào kho rồi, vậy có một người thực khách chịu làm chó chun vào kho lây dặng cái áo hồ cầu dâng cho công chúa cứu công tử khỏi tù.

Công tử lật dật ra cửa thành, trời hãy còn khuya; lệ cửa thành gà gáy mới mở, có người khách giả làm gà gáy, gà lồi xóm đều gáy theo, quân canh ngõ trời đã sáng, mở cửa thành, Mạnh-thường-quân mới thoát ra mà về, khỏi ai bắt bớ nữa.

2 Khắc bạc thành gia, lý vô cứu hưởng.

Ăn ở khắc bạc mà làm nên sự nghiệp nhà, thì lẽ Trời chẳng cho hưởng dặng lâu.

3 Khách tới nhà chẳng gà thì vịt.

Biết hậu đãi nhau.

4 Khai khẩu như phá thạch.

Mở miệng dường phá đá, chỉ nghĩa là lời nói cho chắc chắn.

5 Khai môn ập đạo.

Mở cửa rước kẻ trộm, chỉ nghĩa là rước kẻ dữ vào nhà mà làm hại cho mình.

6 Khẩu dầu chi giao.

Bạn hữu dầu miệng, chỉ nghĩa là không thiệt lòng, không phải là bạn tâm phúc.

7 Khai quyển hữu ích.

Mở sách ra thì thầy có ích. Sách nào cũng có đều khuyên răn dạy bảo, làm ích cho mình được.

8 Khê hác chi tâm.

Lòng dạ như khe rãnh, chỉ nghĩa là tham lam không chừng.

9 Khéo ăn thì no, khéo cò thì ấm.

Biết cần kiệm giữ gìn thì khỏi đói lạnh.

10 Khéo làm tôi vụng.

Có câu rằng: *Xảo giả đa lao, chuyêt yêm nhàn*, nghĩa là khéo lắm thì mệt, mà vụng lắm lại không biết chuyện chi mà làm cũng tệ.

11 Khi kiên ăn cá, khi cá ăn kiên.

Đền khi thật thê, thì dầu là vật nhỏ hèn cũng hại mình dặng, ấy là *giao long lý thủy thất phu khả chê*.

12 Khi lành cho nhau ăn cháy, khi dữ mắng nhau cay nổi.

Khi thương khi ghét không chừng.

13 Khi lành quạt giấy cũng cho, khi dữ quạt mo cũng đòi.

Hậu bạc không chừng.

14 Khinh nặc quả tín.

Nghĩa là nhẹ ừ, ít tin. Hiểu ra hai nghĩa: một nghĩa là ừ chịu lấy dặng thì chẳng đáng tin, một nghĩa là ừ dễ là ít tin, hay là chẳng may khi thiệt. Ừ dễ, tục hay gọi là *ừ bặc tử*.

15 Khinh sĩ mặc sĩ.

Nghĩa là dễ người thì phải mặc. Sĩ ấy là học trò nhiều tri thuật. Lây tích xưa có nhiều học hay giả hình giả dạng mà gạt người ta

- 16 Khó chó cắn thêm.  
Khó 'dập; nghèo mắc lây eo.
- 17 Khó có nhau hơn giàu một mình.  
Lây, nghĩa sum vầy làm hơn.
- 18 Khó khách hơn giàu annam.  
Đền bà Annam lây chồng khách sung sướng, dẫu nó nghèo nó cũng căng, khỏi làm công chuyện.
- 19 Khó mới có mà ăn, ngồi không ai dễ đem phần tới cho.  
Nghĩa là không có cửa sẵn mà cho kẻ làm biếng.
- 20 Khó nằm giữa chợ chẳng ai han, giàu ở lâm san, ghe kẻ tìm tới.  
Có tiền dẫu ở trong hang cũng có bạn hữu.
- 21 Khóc bỏ người, cười ra nước mắt.  
Lỡ khóc lỡ cười.
- 22 Khỏi lỗ vô về.  
Khỏi việc thì lây làm may; câu này có nghĩa tục.
- 23 Khôn cho người ta giải, dại cho người ta thương.  
Có câu kết rằng: *Đừng có oan vọng người ta ghét.*
- 24 Khôn đâu cho trẻ, khỏe đâu cho già.  
Trẻ chưa trải việc, già lại mồn hơi.
- 25 Khôn một người một léo, khéo một người một ý.  
Cái hữu sở trường, kẻ khôn thế này, người khéo thế khác.
- 26 Khôn ngoan chẳng bằng thật thà.  
Phải giữ mực thiệt là hơn.
- 27 Khôn ngoan giữa đám ba bề, chớ cho ai lặn chớ hề lặn ai.  
Có ý nói về việc buôn bán; ra giữa đô hội, không thua tri người ta, hay là biết giữ lặn, cũng chẳng thêm lặn thì mới thiệt là khôn ngoan.
- 28 Khôn nhà đại chợ.  
Chỉ biết số đo, nói vật ở trong nhà.
- 29 Khôn thì sông, mông thì chét.  
Cũng như nói khôn thì nhờ, dại thì chịu.
- 30 Khôn thuở nên ba, dại cho đến già còn dại.  
Thông minh, dại dột đều là bẩm tánh tự nhiên, nhưng vậy có học cũng dũ mà phá ngu. *Học khả dĩ biến tánh chât.*
- 31 Không ai chịu cha ăn cướp.  
Ai ai cũng muốn cho rảnh mình, vốn cũng biết tội ăn cướp là xấu.
- 32 Không ai nắm tay đến tối, không ai gôi đầu đến sáng.  
Không ai dám chắc mình rằng bình yên vô sự.
- 33 Không chó bắt mèo ăn dơ.  
Chỉ nghĩa là tưng phải dùng dờ.

- 34 Không đau làm giàu biết mấy.  
Tiền than vận thời trắc trở.
- 35 không thấy đồ mấy làm nên.  
Không người dạy biểu chỉ vẽ, thì chẳng làm nên việc, ấy la có học mới có hành.
- 36 Khoai vò mình củ.  
Mình lại khen mình, bả chuột cho mình.
- 37 Khoang tắc dặc chúng.  
Độ lượng lớn, thì nhiều người tòng phục.
- 38 Khúc đột tử tân vô ân trạch, tiêu đầu lan ngạch vì thượng khách.  
Vay bèo đời củi không ơn nghĩa, cháy đầu phòng trần làm khách trên; ơn dự phòng cho khỏi lửa thì bạc, công chữa lửa thì hậu.
- 39 Kì chỉ thử nhĩ.  
Nghề có chừng ấy. Có một xứ không có lửa, người trong xứ mới đi mua một con đem về để mà coi chơi. Cọp trong xứ ấy thấy con lừa hình tượng cao lớn, thì cũng rình trong bụi mà coi, đến khi nghe con lừa kêu lên thì sợ hãi đâm đầu mà chạy. Song chừng cọp hay tọc mạch, mỗi bữa thường tới mà rình, thấy lừa không có tài gì khác, thì dần dần lại gần, sau hết mới khuấy thiệt, con lừa giận lắm bèn đá một cái; con cọp nhảy trái ra, rồi lại áp vào mà khuấy, con lừa cũng đá một cái nữa. Con cọp nghĩ trong mình rằng: vậy thì nghề nó có bầy nhiều mà thôi, liền nhảy chồm cắn cổ con lừa mà ních thịt. Chớ cho người ta biết tâm sự mình.
- 40 Kỉ dục lập nhi lập nhơn, kỉ dục đạt nhi đạt nhơn.  
Mình muốn nên, mà làm nên cho người; mình muốn hiển đạt mà hiển đạt cho người; chỉ nghĩa là làm nên cho người, tức thị là làm nên cho mình.
- 41 Kì hậu dã bạc, kì bạc dã hậu.  
Chỗ phải hậu lại bạc, chỗ phải bạc lại làm hậu; dụng dãi không phân minh.
- 42 Kì hổ nan hạ.  
Cõi cọp khó xuống; nghĩa là thè không dám thối. Giả như theo giặc không dám bỏ giặc.
- 43 Kì phụ nhương dương, nhi tử chứng chi.  
Người cha ăn trộm dê, mà con làm chứng; ấy là lỗi nghĩa tử vì phụ ân. Nghĩa cha con phải giàu cho nhau.
- 44 Kì phùng địch thủ.  
Cờ gặp tay đòi địch, chỉ nghĩa là anh hùng gặp anh hùng.
- 45 Kiên bất thủ nhi tâm thiên lý.  
Thầy chẳng lấy mà tìm ngàn dặm, nghĩa là thật cơ hội, không biết tính trước.

46 Kiên cơ nhi tác.

Coi máy thê mà làm, thì là tùy theo việc mà biến thông.

47 Kiên hiền tư tế diên, kiên bất hiền nhi nội tự tình.

Thầy kẻ hiền lo cho bằng vậy, thầy kẻ chẳng hiền, mà trong xét lấy mình, chỉ nghĩa là thầy người hiền thì lo bắt chước, thầy kẻ chẳng hiền thì hỏi mình răn mình.

48 Kiên leo cột sắt chi mòn, vò vò xây ổ sao tròn mà xây.

Tài trí chẳng có, chẳng làm chi nên. Câu trước là câu hưng, chỉ lấy nghĩa câu sau.

49 Kiên lợi vong ngãi.

Thầy lợi quên ngãi, thì là tham lợi trước mặt, mà chẳng nhớ đến sự phải chăng.

50 Kiên ngãi bất vi vô đồng dã.

Thầy nghĩa không làm, không có cảm đồng vậy: ngãi là đều đáng làm, như tề hiem phò nguy vân vân.

51 Kiên pháp tri ân.

Thầy phép biết ơn, kẻ có quyền muốn cho người ta biết ơn hay là muốn cho người ta mắc ơn, thì hay làm oai phép trước; ấy cũng là cách hách dịch người ta mà ăn tiền.

52 Kiên tài ám nhãn.

Thầy của tôi mắt, chỉ nghĩa là quên liêm sĩ. Có một người tới nhà anh em bạn, thầy vàng anh em bạn để ra nơi vịn thì giựt mà chạy, anh em bạn thầy vậy liền hô oán, bắt anh ta đem tới quan, quan hỏi sao dám khi anh em bạn mà làm tới nước cướp giựt. Anh ta bảm rằng: khi ấy tôi chỉ thầy vàng mà chẳng thầy người.

53 Kiên tha lâu đầy lỗ.

Ây là tích thiếu thành đa.

54 Kiệt thảo hàm hoàn.

Kết cỏ, ngậm vành. Nghĩa là biết ơn mà trả ơn. Truyện rằng: Tướng nước Tần là người Ngụy-Lỏa đánh giặc với tướng nước Tần là người Đồ-hối; Đồ-hối là người mạnh bạo, đang khi giao chiến, Ngụy-Lỏa thấy một ông già lum khum kéo cỏ mà cột xiêu lại, Đồ-hối vương lấy cỏ ấy mà ngã xuống, liền bị Ngụy-Lỏa giết dặng. Sau Ngụy-Lỏa nắm chiêm bao thầy ông già ấy tới mà xưng mình đi làm việc đền ơn. Té ra ông già ấy là cha vợ bé ông Ngụy-Thù thì là cha Ngụy-Lỏa. Ngụy-thù đau nặng trôi với Ngụy-Lỏa: Tao chết xuống, mấy sẽ gả con vợ bé tao. Đền khi Ngụy-Thù ngất mình lại dặn con chôn vợ bé theo. Ngụy-Thù chết rồi, Ngụy-Lỏa lấy lời dặn sau làm lời hoảng hốt, bèn gả người vợ bé lấy chồng. Ông già ấy cảm vì Ngụy-Lỏa biết đều không chôn con mình, mới đến ơn thế ấy. — Có một con chim huỳnh tước bị bò cắt dâm té xuống đất, lại bị kiên thui, may gặp một người có nhơn đem mà về nuôi khỏi chết. Sau con chim ấy cứ bay đi bay về loài, có một bữa nó tha về ba chiếc vòng ngọc bạch mà đền ơn; nhờ ba chiếc vòng thì con cháu người có nhơn ấy nối đời làm tới chức Tam-công.

- 55 Kiên thính tắc minh, thiên thính tắc ám.  
Gồm nghe thì sáng, mích nghe thì tối. Nghe lời một người quây quây thì chẳng khỏi lảm.
- 56 Kim ngọc dị cầu, danh ô nan thực.  
Vàng ngọc dễ tìm, tiếng xấu khó chuộc.
- 57 Kín tranh hơn lành gỗ.  
Che mưa che nắng dặng thì thôi.
- 58 Kinh cung chi điều.  
Con chim sợ nã. Chim đã phải nã một lần, hễ thấy nã thì thật kinh; con người ta bị sự gì rồi, sau nghe tới sự ấy, hãy còn hãi kinh, thì là *thương cung chi điều*.
- 59 Kinh thân tâm thực.  
Cá kinh nuốt, tâm ăn. — Cá kinh nuốt thì là ăn to, tâm ăn thì là ăn lãn. Hiểu nghĩa là xâm lãn nhau, cũng như nước mạnh xâm chiếm nước yếu.
- 60 Kíp miệng, chầy chân.  
Miệng gập mà chơn chậm, nói ra thì dễ, mà dèn việc thì dưng dưng; cũng là *sự dũ tâm vi*, nghĩa là việc cùng lòng trái nhau.
- 61 Kiếp chết, kiếp hết.  
Có câu rằng: *Tử giả biệt luận*.

## L

- 1 Là rưng về cội.  
Hiểu nghĩa là con cái phải tìm về cha mẹ.
- 2 Lạc dăng năm đuôi chó, lạc ngổ năm đuôi trâu.  
Con chó chạy dọc dăng thì hay dài hai bên dăng, đi một chẳng dài ra một chút, dèn khi về thì đánh hơi theo dấu dài mà về không sai; cho nên người ta nói con chó có tài nhớ dăng; còn con trâu thì hay nhớ chỗ ở, hai con đều sáng hơi, cạp ở xa chừng một dặm nó cũng biết; con ngựa già cũng thuộc dăng. Vua Tề-hoàng đánh giặc phương xa lạc dăng, ông Quán-trọng liền thả con ngựa già đi trước mà dăng.
- 3 Làm dâu nhà cả thể, làm rẻ nhà nhiều con.  
Nhà cả thể khó làm dâu; nhà nhiều con khó làm rẻ, mà làm dặng trọn tiếng, mới là hay.
- 4 Lâm khát nhi quật tỉnh.  
Có chữ rằng: *Từ mu u vi vô, lự cập họa tiên*. Ràng rít lúc chưa mưa, lo trước khi chưa có họa. Chớ chờ khi khát mà đào giếng.
- 5 Làm lớn phải làm lão.  
Làm lớn phải chịu việc lớn.
- 7 Lâm nhứt sự trưởng nhứt trí.  
Gặp được một việc thì thêm một đức hiểu biết.

- 8 Làm phù thủy không lẽ thường gà.  
Gà phải dùng mà làm việc phù thủy, nên hư, chủ phải chịu, chẳng có lẽ bắt đền.
- 6 Làm một thì giàu, chia nhau thì khó.  
Nhập lại thì nhiều, phân ra thì ít, sự thế phải như vậy, chỉ nói về gia tài.
- 9 Làm phước chẳng bằng lánh tội.  
Chỉ nói về sự lánh tội, làm phước mà chẳng lánh tội, thì chẳng dặng phước gì. Cũng hiểu nghĩa là làm phước mà phải bị lụy thì chẳng bằng đừng làm, vì sợ làm ơn mà mắc oán.
- 10 Làm quan thì dễ, làm thể thì khó.  
Ăn ở cho xứng sự thế mình thì chẳng dễ đâu.
- 11 Làm ruộng ăn cơm năm, để tấm ăn cơm đứng.  
Làm ruộng, đến khi cày cấy công việc nhiều, để tấm, đến lúc tấm ăn lên, đều phải nóng nả, làm không kịp thở, ăn chẳng kịp nhai; năm ấy là năm theo dọc ruộng; đứng ấy là đứng giữa đám dâu.
- 12 Làm thần đất ta, làm ma đất người.  
Hay giỏi bắt quá tại xứ mình. Có câu rằng: *lạ là vàng chín vàng mười, vàng tới đất người, vàng cũng ra than.*
- 13 Lang tâm, cầu hạnh.  
Lòng dạ, nét hạnh như muông như lang, chẳng còn biết liêm sỉ, tu ô, chỉ nói về đũa dâm dãm.
- 14 Lành làm thúng lũng làm mê.  
Có việc dùng hoài, không bỏ; cứ việc đày xắt mãi.
- 15 Lánh nặng tìm nhẹ.  
Ấy là tạt làm biếng, chữ gọi là tị trọng tự khinh.
- 16 Lây cửa mà che thân.  
Có cửa thì dùng, không lẽ làm tội cửa; lại thà mất cửa chẳng thà thiệt mình hay là để cho mình phải bị lụy. Người làm tội giữ cửa, chữ gọi là *thủ tiền lỗ*.
- 17 Lây ngao lường biển.  
Chẳng xét trí lực mình.
- 18 Lây thúng úp voi.  
Giàu không nhem.
- 19 Lão bạn sanh châu.  
Trai già sanh hột châu; hiểu về vợ chồng già mà còn sanh con. Có một thứ cây người ta hay trồng vô chậu để mà chơi, lá lớn hơn lá lan mà tía, cũng gọi là lão bạn, già mới trở bông. Có lời chúc rằng: *Cây khó nở lộc, bạn già có con.*
- 20 Lão bất tử, lão thành tặc.  
Già chẳng chết, già thành giặc, ấy là lời nói chơi kẻ già mà còn có máu dê; lại rằng: *già thành yêu.*

- 21 Lão giả an chi.  
Già an phận già.
- 22 Lão lai tài tận.  
Già đèn, tài hết; con người đèn tuổi già thì hay lụt trí khôn. Có câu rằng: *trẻ khôn qua, già lú lại.*
- 33 Lão mã tri đạo.  
Ngựa già biết đường về. (Coi nghĩa câu lạc đàn).
- 24 Lão ngô lão dĩ cập nhơn chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhơn chi ấu.  
Kính già ta mà kính đèn già người, thương trẻ ta mà thương đèn trẻ người. Nghĩa là phải tôn kính mọi kẻ già, thương yêu khắp con trẻ.
- 25 Lao lực bất như lao tâm.  
Nhọc sức chẳng bằng nhọc lòng; nhọc lòng thì sanh bệnh nội thương.
- 26 Lễ thuận nhơn tình.  
Lễ chề phải thuận theo lòng người.
- 27 Lều lảo như cháo gạo lương.  
Bảng lảng, sơ lược, không ăn thua.
- 28 Lý bất cập thê.  
Thê là quyền thê hay là thê nương dựa; hễ thật thê thì phải ức lý; nghĩa là không thân dặng lẽ ngay. — Khó nhịn lời, mỗ coi nhịn lẽ, ấy là *lý bất cập thê.*
- 29 Lỗi thầy mực sách, cứ mạch mà cưa.  
Chỉ vẽ quây có người chiu, cứ việc ta làm.
- 30 Lươn chề chạch còi đuôi.  
Ấy là mình óc chẳng rửa. Biết chề kẻ khác mà chẳng nghĩ thân phận mình.
- 31 Lường thân tráo đầu chẳng qua đong dầy.  
Quý quái chẳng qua thật thà.

## M

- 1 Ma bắt coi mặt người ta.  
Coi mời mà ăn hiệp.
- 2 Mạ nhơn như giáo nhơn.  
Mắng người là dạy người, người ta lầm lỗi mà mình mắng nhiều, thì là dạy khôn cho người ta; té ra người ta dặng ích, mà mình chịu tổn, một là hao hơi hai là tổn đức, lại làm cho kẻ thù biết tâm thuật mình.
- 3 Mạc hiện hồ ẩ, mạc hiển hồ vi.  
Chẳng gì bày ra hơn việc kín; chẳng gì tỏ hơn đều nhiệm. Dẫu là chuyện ẩn vi cũng có kẻ biết, chớ nói rằng không có ai hay.



- 4 Mạc tín trực trung trực, tu phòng hơn bất hơn.  
Chớ nhẹ tín, phải sợ hậu. Lòng người khó lường.
- 5 Mãi mai thuận hơn tình.  
Mua bán thuận lòng người; hễ dành mua dành bán, thì lây làm chắc, cũng không có đều ép uống nhau.
- 6 Mãn chiêu tôn, khiêm thọ ích.  
Kẻ kiêu ngạo hay háo thắng thì chẳng khỏi thương danh hại nghĩa hoặc làm hại cho mình, có một kẻ khiêm nhường biết xử đời, an bốn phận, khỏi lo sợ sự gì.
- 7 Mạn treo lưới rách cũng treo.  
Nhộn nhàng không an bốn phận.
- 8 Mạng dân trí trọng.  
Mạng sống dân rất trọng, hay là không gì trọng hơn mạng sống người ta; Có động dên thì chẳng khỏi tội va.
- 9 Mạng lý hữu thì chung tu hữu, mạng lý vô thì mạc cương cầu.  
Mạng lý có thuở, rồi lại phải có; mạng lý không thuở có, chớ khá gượng gạo kiếm tìm, nghĩa là phải an phận mạng. *Quần tử tùy ngộ như an.*
- 10 Măng không uôn để ra tre uôn làm sao đặng.  
Có câu rằng: *Giáo phụ sơ lai, giáo tử anh tài.* Dạy rắn con cái phải cho kịp thì, để nó lớn lên cùng quen thân quen thói thì rất nên khó dạy.
- 11 Mạnh dùng sức, yếu dùng chức.  
Dùng trí thuật cùng làm nên việc nặng.
- 12 Mật lòng trước, được lòng sau.  
Ây là phòng cho khỏi chềch mích cả hai đàng. Giả như mình không cho mượn, thì mật lòng người mượn, như cho mà có đều trặc trở thì lại ngặt cho mình.
- 13 Mật mang xô quân con mắt.  
Bắt thẳng giáp không dặng, vợ thẳng át, ây là làm chuyện bắt quờ.
- 14 Mật miệng ăn, lộn gan lên đầu.  
Có câu rằng: *Miệng ăn là miệng tội tàn, mật đi một miệng, lộn gan lên đầu.* Lây miệng ăn làm trọng, tranh nhau từ miệng ăn.
- 15 Mật mỡ dờ đũa vụng.  
Nói về việc điều canh, làm bánh trái, sẵn đồ nhuân nhụy, sẵn đồ gia vị, dầu là vụng, cũng làm nên đồ ăn.
- 16 Mạnh hơn kị hạt mã, hắc dạ lâm thâm trì.  
Người mù cỡi ngựa mù, đêm tối dên ao sâu. Ấy là chuyện nói cho người ta phải kinh sợ.
- 17 Máu ai thâm thịt nầy.  
Con cái là khí huyết cũng là thân thể cha mẹ phân ra, tự nhiên phải thương yêu; có ai động phạm, tự nhiên phải đau lòng.

18 Máu đầu trâu đỏ.

Thói xưa hay bắt vạ bằng trâu thiệt, heo thiệt hay là lấy giá trâu heo mà định tội: một con trâu trị giá năm quan, một con heo trị giá ba quan. Hễ đánh nhau tới chảy máu thì là vạ trâu.

19 Mẹ gà con vịt chít chiu, mây đời mẹ ghẻ nưng niu con chồng.

Sự thê bằng lảng khó thương.

20 Mèo khen mèo dài đuôi.

Mình lại khen mình.

21 Mèo quào không xẻ vách đất.

Chẳng chi nao núng,

22 Mèo thấy mỡ.

Thêm muốn quá. Thấy sắc mà ham cũng là mèo thấy mỡ.

23 Miã sâu có đôt, nhà đôt có nơi.

Hư có chỗ, quây có người.

24 Miệng hùm, gan sứa.

Nói lớn lời mà nhạt.

25 Miệng lẩn lượi mỗi.

Lời nói độc hiểm,

26 Mình ở lỗ, cổ đeo hơa.

Không biết xấu tốt.

27 Mình ộc chẳng rửa.

Không xử mình trước.

28 Minh sông hơn đồng vàng

Không nên tiếc của hơn mạng sông.

29 Minh tâm khắc cốt.

Ghi nhớ không dám quên.

30 Mồ côi cha niu chơn chú, mồ côi mẹ triu vú dì.

Chú như cha, dì như mẹ.

31 Mỏ miệng mắc quai

Nói ra thì ngại vì thương danh hại nghĩa:

32 Mối chuộng cũ vong.

Đen bạc.

33 Mông dài trời lứt, mông cụt trời mưa.

Ây là một phép xem thiên văn, ở đất này.

34 Một câu nhin, bằng chín câu lành.

Một sự nhin nhục, làm thình, thì cũng bằng nói nhiều lời lành.

35 Một chân bước đi, mười chân bước lại.

Bìn rịn khó nổi đi.

36 Một đêm năm, một năm ngũ.

Ơn vắn cũng bằng ngãi dài.

- 37 Một đồng chác xa, ba đồng chác gần.  
Xét còng di đứng, gán mắt cũng bằng xa rẻ.
- 38 Một gia một trẻ bằng nhau.  
Trẻ khôn qua, gia lú lại.
- 39 Một lần cho tổn đến già, chớ đi nước mặn mà hà ăn chơn.  
Dặn mình chớ còn lằm lỏi.
- 40 Một lần đập cút, một lần chặt chơn.  
Cò chấp việc không đáng, mà bỏ việc lớn.
- 41 Một lần thấy, mười lần không.  
Thấy một lần thì đủ tin; ấy là cách bắt mèo.
- 42 Một mặt hơn mười gói.  
Gói là gói bánh hay là gói đồ cho. Một sự cố lòng, lui tới cùng nhau thì quý hơn là đem lễ vật.
- 43 Một miệng khi dối, bằng một đội khi nợ.  
Ơn giúp nhau trong khi túng ngặt, phải kể là ơn trọng.
- 44 Một miệng kín mười miệng hở.  
Người kín đáo thì ít, người tròng trãi thì nhiều mà lại bằng mười.
- 45 Một miệng trâu nên dẫu nhà người.  
Lễ vật nhỏ mọn cũng làm nên vợ chồng.
- 46 Một mình thì giàu, chia nhau thì khó.  
Để nguyên thì nhiều, chia ra thì ít.
- 47 Một ngày là dĩ, ba ngày là vợ.  
Vợ chồng xét nhưn ngài. Tình càng gán thì nghĩa càng dày.
- 48 Một người làm xấu, cả bậu mang nợ.  
Vì một người xấu lây tới nhiều người, chẳng khác một con sâu làm rầu nổi canh, nghĩa là phải bỏ nổi canh.
- 49 Một trăm người bán, một vạn người mua.  
Kẻ mua nhiều hơn kẻ bán, chẳng lo chi đến sự bán ề.
- 50 Một vay một trả bằng nhau.  
Tội ấy là nợ; tội làm chừng nào, tội trả chừng ấy. Người ta cũng hay nói rằng: *Có vay có trả.*
- 51 Mua dẫu chợ bán cuối chợ.  
Buôn xấp thời, hoặc chuyện dẫu nầy đem học dẫu kia, không lầy chi lằm chắc chắn.
- 52 Mua lằm, bán không lằm.  
Kẻ mua không biết hàng hóa cho tường tạt.
- 53 Mua mà cả, trả thêm bớt.  
Ấy là phép thuận mua thuận bán; mua có phép trả từ giá thấp, trả tiền có thói thêm đồ mua hay là trả sụt.
- 54 Mua sỉ bán lẻ.  
Có nghĩa là buôn bán nhỏ, lại có nghĩa là nghe hót hồng, nói tắt ngang, hay là học chuyện không gộc.

- 55 Mua trâu vẽ bóng.  
Ầy là mua không ngựa, ước chừng. Có câu rằng: *Ăn đồ sách ký*, nghĩa là coi theo đồ hình mà tìm ngựa, thì cũng là việc ước chừng, không chắc.
- 56 Mua trị bán loạn.  
Mua tế t<sup>2</sup>ính mà bán v<sup>2</sup>ội vàng hay là bán l<sup>2</sup>ầy đặng. Thường nói về sự buôn bán trong lúc giặc gi<sup>2</sup>ả.
- 57 Múa gậy vườn hoang.  
Thanh vắng một mình, muốn làm sự gì đặng sự ấy.
- 58 Mực mài tròn, son mài dài.  
Cứ phép mà làm.
- 59 Mũi đại lái chịu đòn.  
Ngựa là tội về người làm lớn chịu.
- 60 Muốn cho chắc, dặt cho người.  
Đặt cho người thì là dặt cho mình; dặt là làm hàng dặt, giá dặt.
- 61 Mượn đầu heo nấu cháo.  
Làm mặt có tiền.
- 62 Mưu cao chẳng bằng trí dày.  
Mưu là chước khôn khéo trong một thu<sup>2</sup>ở, trí dày là trí bền vững.
- 63 Mưu con đĩ, trí học trò.  
Nghĩa là mưu trí khôn qu<sup>2</sup>ỉ. Người đời xưa chắt phát, thiết tha; qu<sup>2</sup>ỉ quyết thì là học trò với con đĩ.
- 64 Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên.  
Toan việc ở nơi người, nên việc ở nơi trời. *Thiên ý nhân sự tương vi thi chung*. Nghĩa là ý Trời, việc người hăng trái cùng nhau.

## N

- 1 Nai ăn dâu nát giậu đó.  
Ở nhà dặt người, không khỏi đều thiệt hại cho người.
- 2 Nai giạt móng, chó cũng le lưỡi.  
Không làm chi nhau đặng.
- 3 Nam đáo nữ phòng nam tắc tử, nữ đáo nam phòng nữ tắc dâm.  
Trai tới phòng gái, thì trai phải chết; gái tới phòng trai, thì là gái dâm. Trai phải chết vì mắc luật cường gian, thích khách; gái tiếc hanh thì chẳng lìa quê thác.
- 4 Nam nữ bắt tạp tọa.  
Trai gái chẳng ngồi chung chạ. Lễ dạy trai gái phải phân biệt; cũng phải tị hiềm nghi.

- 5 Nam nữ thọ thọ bất thân.  
Trai gái trao chịu chẳng gần, ấy là lời thánh hiền phòng vì đồ  
tìm, mnôn cho trai gái xa dằng sắc dục; vì lửa gần rơm thì chẳng  
lẽ khỏi cháy.
- 6 Nam thực như hổ, nữ thực như miêu.  
Ấy là đều tự nhiên theo bộ vận trai mạnh gái mềm; làm trai mà  
yêu ăn, thì không khỏi bịnh,
- 7 Nan huinh nan đệ.  
Khó dặng anh khó dặng em: anh em ít có.
- 8 Năng thuyết bất năng hành.  
Hay nói, chẳng hay làm, thì là nói phách, hay là nói pháo.
- 9 Năng may hơn dầy giẻ.  
Nghĩa gần là: giẻ tấm thường thì phải năng thay, mà năng thay  
thì năng bền đồ mới; giẻ dầy chậm may thì phải cũ càng. Nghĩa  
xa là: May mẫu nhỏ mà năng thì hơn may mẫu lớn mà thưa.  
Làm dặng ít mà năng thì hơn nhiều mà hiềm có chẳng?
- 10 Năng bê nào, che theo hê ấy.  
Chiu theo thì thê.
- 11 Năng lửa mưa dầu.  
Năng như lửa mưa như thêm dầu, thì là mưa ít năng nhiều, làm  
cho nóng nản hơn nữa.
- 12 Nát giở còn bờ tre.  
Còn có thê lập lại, hay là mật cái nọ còn sấm dặng cai khác.  
Thường hiểu về tiền bạc, của cải.
- 13 Ngãi đoạn thân sơ chỉ vì tiền.  
Nhơn nghĩa dứt, bà con xa nhau, là vì một sự tiền bạc.
- 14 Nghệ năng sở sử.  
Nghệ nghiệp khiến xui. Người ta hay nói: Nghệ nào quen nghệ ấy.
- 15 Nghệ võ đánh trả thầy.  
Nghĩa là học trò chông với thầy hay là phản với thầy.
- 16 Nghi nhơn mạc dụng, dụng nhơn mạc nghi.  
Nghi người chớ dùng, dùng ng rời chớ nghi. Trong sự chọn người,  
trước phải cẩn thận; dèn khi dùng người thì phải thật lòng; vì  
sự người ta nghi mình thì quá hơn sự mình nghi người ta.
- 17 Ngọc bất trác bất thành khí, nhơn bất học bất tri lý.  
Ngọc chẳng giỏi chẳng nên giông, người chẳng học chẳng biết đạo  
lý. Ngọc vốn là loài đá, trơ trơ thô tục như đá, nếu chẳng dùng  
tay thợ trau giỏi thì chẳng ra giông ngọc.
- 18 Ngọc lành ai dễ bán rao.  
Có phải là vật quý thì chẳng phải bán này. (thường nói về gái nết  
hạnh).

19 Ngọc lành có vít.

Hiếu là người tốt có tài, song tài ấy cũng chẳng làm cho mất tốt.

20 Ngọc thạch cu phần.

Đá, ngọc đều thiếu. Hiếu nghĩa là : lửa giặc chẳng phân biệt người ngay gian, tốt xấu. Như người tốt ở lộn cùng kẻ xấu, đèn lúc hỗn độn, đều phải hại chung.

21 Ngoe ngoáy như cua gãy càng.

Làm bộ ngoe ngoáy mà khó coi.

22 Ngồi thúng khôn bề cát thúng.

Việc mình khó xử.

23 Ngôn dực trường phi.

Lời nói có cánh bay dài. Có câu rằng : Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn ba ngày dằng.

24 Ngôn quá kì thật.

Lời nói quá sự thật.

25 Ngọn rau tất đất.

Một ngọn rau nhỏ mọn, một tấc đất hẹp hòi, hễ ăn dặng, ở dặng, thì chẳng nên quên ơn kẻ làm chủ. Nói về ơn vua nghĩa chúa.

26 Ngôn tất hữu trúng.

Nói ắt có trúng. Một lời nói ra thì biết là quân tử, tiểu nhân; cho nên lời nói phải cho nhắm, hay là phải trúng chánh.

27 Ngôn thiểu tri đa.

Nói ít biết nhiều. Chẳng phải nhiều lời nói.

28 Ngọt mật chêt ruồi.

Dịu ngọt, khôn khéo lời nói thì người ta phải mắc.

29 Ngư mục hỗn châu.

Con mắt cá lộn với hột châu. — Nghĩa là chẳng phân biệt chơn giả, Con mắt là ngọc thì phải phân tốt xấu.

30 Ngư thủy nhứt đoàn.

Cá nước một đoàn. Nghĩa là sum hiệp, đồng hội hiệp vui chơi thì là Hồ, Việt nhứt gia : Đời Đàng vua Thái tông bắt cả người Hồ người Việt; người Hồ thì múa, người Việt thì làm thơ, làm ra cuộc vui chơi.

31 Ngựa chạy dằng dài.

Thường hiếu về lời nói. Chỉ nghĩa là không đem lời nói vào tai, hay là tâm bất tại, chẳng nhớ lời dặn bảo hoặc nghe rồi lại quên.

32 Ngựa qua cửa sổ.

Hiếu nghĩa là ngay giờ chóng kịp như tên bay như thỏ chạy. Nguyên câu chữ là : Bạch cu quá khích.

33 Ngựa quen dặng cũ.

Quen tánh ý; chẳng chừa thói cũ.

34 Người có tiền dễ đưa tay không.

Lây tiền bạc làm hơn.

35 Người đời của chung.

Cửa xây vắn, có thơ rằng: *Nhứt đời thanh sơn kiểng sắc u, tiền  
nhơn diện thồ hậu nhơn thu, hậu nhơn thâu đắc mặc hoan hỉ, cảnh  
hữu thu nhơn tại hậu đầu*

36 Người đời của tạm.

Chiều ứng với câu cửa vắn mặt dài, hay là cửa ăn hay hết người  
còn thầy nhau.

37 Người đời khác thế là hoa, sớm còn tối mất nở ra lại tàn.  
Cũng là câu hát. Chẳng ai lột da sông đời.

38 Nguy bất nhập, loạn bất cư.

Hiểm chẳng vào, loạn chẳng ở. Nghĩa là phải lánh nơi nguy hiểm.

39 Nhà giàu đứt tay cũng bằng ăn mày đồ ruột.

Thường nhà giàu có động sự gì một chút, thì sự thế lo lắng nhộn  
nhàng cũng bằng việc trọng đại.

40 Nhà nghèo biết con thảo, nước loạn biết tôi ngay.

Nguyên câu chữ rằng: *Gia bản tri hiền tử, quốc loạn thức trung thân.*

41 Nhắm em xem chợ.

Phân biệt trọng khinh; đời với câu coi mặt đặt tên.

42 Nhàn cư vi bất thiện.

Ở không là đều chẳng lành. Hễ ở nhưng thì hay làm quây cũng  
như ăn no sanh sự.

43 Nhẫn nhứt thì chi khí, miễn bá nhứt chi ưu.

Nhịn khí bất bình một thuở, khỏi lo sợ trăm ngày; cho nên người  
ta nói một câu nhịn bằng chín câu lành. lại rằng: *Thời nhứt bộ tự  
nhiên khoáng.*

44 Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục.

Vào sông theo khúc, vào nhà theo tục. — Tới đâu phải chịu theo  
thói phép đó.

45 Nhảy cao đá lẹ.

Nghĩa là có tài, hay là đang lúc bay nhảy.

46 Nhẹ bằng lông quăng không đi, nặng bằng chì quăng  
xa lắc.

Việc nhẹ bằng lông mà vụng toan thì hóa ra nặng như thái sơn,  
mà cát không nổi; dầu việc nặng bằng chì, mà biết thế lo thì trở  
nên nhẹ như hồng mao và quăng ném như chơi. Việc dễ hóa khó,  
cũng như cái lông nhẹ, không có thế quăng.

47 Nhĩ ngã vô thù.

Mấy ta không can cập, nghĩa là hai bên không có ăn thua.

48 Nhi tôn tự hữu nhi tôn phước.

Con cháu nghĩ có phước con cháu. Có phước thì ắt là phải có  
phần, chẳng khá bôn chôn, lo một sự làm giàu cho con cháu.

49 Nhĩ vi nhĩ ngã vi ngã.

Mấy là mấy, ta là ta. Nghĩa là ai có phần này, không can tới nhau.

50 Nhiều tay vỗ nên bột.

Đông người thì làm dặng việc.

51 Nhiều sãi, không ai đóng cửa chùa.

Chàng rãng không có người chủ việc.

52 Nhiều thóc nhọc xay.

Nhiều lúa thì mất công xay ; đa mang nhiều việc thì nhọc lòng lo.

53 Nhờ lụt đày rêu.

Thừa thè mà làm hay là nhờn việc nọ mà đày đưa việc khác.

54 Nhơn bắt tri cỏ kim, như mã ngưu nhì khâm cứ.

Con người chẳng biết việc xưa nay, cũng như con trâu con ngựa hạn áo. Con người ta không biết học thì khác trâu ngựa có một sự có quần có áo.

55 Nhơn bắt tri kỳ tử chí ác, bắt tri kỳ miêu chí thạc.

Kẻ làm cha mẹ chẳng biết thừa lỗi con ; kẻ làm ruộng chẳng biết lúa mình vượt tọc. Ấy là *nịch ái bắt minh, tham đức vô yếm*.

56 Nhơn các hữu chí.

Mỗi người đều có chí riêng, như chí làm quan, làm giàu, vân vân.

57 Nhơn chi tương tử kì ngôn dã thiện, điều chi tương tử kì minh dã ai.

Con người gán chét thì lời nói nghe ra hiền lành ; con chim gán chét thì tiếng kêu nó bi thương. Ấy là đều làm chứng tánh người ta vốn là tánh thiện, cho nên dấu bình nhứt có hung dữ, đèn khi gán chét cũng hoàn hồn tánh, *ây tức kiên chơn tánh* thì là làm vậy. Con người đèn khi *ây* mà chẳng thương nhau thì là nhẫn quá.

58 Nhơn khổ bất tự tri.

Người ta có đều ngặt là không biết dường sức mình, *ây* là bệnh chung trong thiên hạ.

59 Nhơn cùng tắc biên, vật cực tắc phản.

Thường hiểu biên *ây* là sanh thè, còn phản *ây* thì là trở trái, như cứng lắm thì gãy, lại như chó tưng thì cắn, ngựa tưng thì đá, chim tưng thì mổ, người tưng thì nói đời, làm hung ; song chính nghĩa chữ phản là phản hườn hồn tánh, như *như nhơn chi tương tức kì ngôn giả thiện, vân vân*.

60 Nhơn nhơn thành sự

Nhờ người làm nên việc, *ây* là lời chê kẻ dở tài, chỉ đợi có người dìu dắt.

61 Nhơn sanh thất thập cổ lai hi.

Người ta sông bảy mươi tuổi thì là đều xưa nay ít có. Vậy thì chét bảy mươi đã không nên tiếc, mà sông chưa dặng bảy mươi cũng chẳng nên than.



62 Nhơn sanh qui thích chí.

Người ta sanh ra, dặng toại chí thì là qui. Ở đời qui cho dặng thanh nhàn, sung sướng.

63 Nhơn sanh hữu tử như nhứt dạ chi đương nhiên.

Người ta sanh ra đều có thác, cũng như ngày đêm tự nhiên phải có, nghĩa là có ngày thì phải có đêm.

64 Nhơn tình khan lạnh noãn, diện thượng trực cao đề.

Tình người coi âm lạnh, trên mặt dỗi thàp cao. Lại có câu rằng: *Nhơn tình lãnh noãn, thê thới viêm lương*; trách lòng người đen bạc mị thường, thầy ai quỉn thê thì tâng trọng, thầy ai suy vi thì phụ bạc.

65 Nhơn tử lưu danh, hổ tử lưu bì.

Người thác để tiếng, hùm chết để da. Tốt để tiếng tốt, xấu để tiếng xấu. Trước có câu nôm rằng: Hùm chết để da, người ta chết để tiếng; cũng đồng một nghĩa.

66 Nhơn vật dữ đồng.

Nhơn vật đồng như nhau. Vật cũng đồng tri giác, lầy theo tánh tình mà luận, nó cũng hồ mị, đen bạc chẳng khác chi người.

67 Nhơn vị tài tử, điều vị thực vong.

Người thác vì của, chim thác vì ăn. Người tham của, chim tham ăn, đều quên sợ chết.

68 Nhơn vô thập toàn.

Con người không có trọn cả mười. Ai ai cũng có tì vít, quá thật. Có câu rằng: *Nhơn phi Nghiêu, Thuần, yên năng mỗi sự tận thiện*.

69 Nhơn vô tín bất lập.

Người không chỉ tin thì không đứng đợc hay là không nên người.

70 Nhơn vô viễn lự, tất hữu cận ưu.

Người không tính xa, ắt có lo sợ gần. Làm người biết lo xa, thì khỏi sợ nước tới trên mái nhà.

71 Nhu nhược thắng can cường.

Mềm yếu hơn cứng mạnh; cho nên *thiệt nhu thường tồn, xỉ can tắc chiết*; nghĩa là lưỡi mềm hằng còn, răng cứng thì gãy.

72 Như thủy ích thâm, như hỏa ích nhiệt.

Dường nước càng sâu, dường lửa càng nóng. Hiểu nghĩa là gây việc thêm, làm cho người ta giận ghét thêm hoặc làm dữ hơn nữa; ấy là *trợ Kiệt vì ngược*. nghĩa là giúp vua Kiệt làm dữ.

73 Nhữ tác ưng hoàn nhữ thọ.

Mi làm, đáng về mi chịu; chỉ nghĩa là đáng tội.

74 Nhục huyền hồ khẩu.

Thịt treo miệng hùm. Thê phải hiểm nghèo cùng phải hư mất.

75 Nhược thê cầu hòa.

Thê yếu mà cầu hòa. Bật dắc dĩ mà hòa đở; hoặc tưng thê phải làm hòa.

- 76 Nhượng nhứt bộ, thiên khoang địa khoáng.  
Nhượng một bước thì trời rộng. đất thông. Nếu mình biết khiêm nhượng, không giành nước trước, hoặc chịu sút người ta một bước, thì sẽ dặng an vui trong lòng, mà không thầy sự gì chật hẹp.
- 77 Nhứt âm nhứt trắc sự giai tiên định.  
Một uổng một ăn đều là việc tiên định. Trong sách sàm truyền có câu rằng: Một sợi tóc rụng xuống chẳng phải hư không. Lại có câu rằng: *Nhứt sanh đồ thị mạng an bài.*
- 78 Nhứt bất tồ, nhị bất hư.  
Một là đừng làm, hai là đừng thôi, nghĩa là lẽ việc phải làm luôn.
- 79 Nhứt chơi tiên nhì giỡn tiền.  
Trong sự chơi ác thì lây hai đều ấy làm hơn.
- 80 Nhứt chứng phi nhì chứng quả.  
Một chứng không thiệt, hai chứng chắc. Phép dựng chứng lây hai người làm chắc. *Vớ chứng bất thành tụng.*
- 81 Nhứt có râu nhì bầu bụng.  
ây là tướng sang giàu.
- 82 Nhứt cử lưỡng tiện.  
Làm một việc mà lợi hai thè, chỉ nghĩa là được việc nhiều.
- 83 Nhứt dạ sanh bá kê.  
Một đêm sanh trăm chước. Lòng người nham hiểm khôn lường.
- 84 Nhứt đi nhì đến.  
Nghĩa là cứ thứ mà nhắc lẫn.
- 85 Nhứt hào sai thiên lý.  
Có câu khác rằng: *Hào lý chi sai, thiên lý chi mậu.* Sai một mảy lông mà lỗi ngàn dặm.
- 86 Nhứt là voi một ngà, nhì là người ta một mắt.  
Voi một ngà thì là voi dữ; người một mắt, sách tướng cũng cho là người độc dữ.
- 87 Nhứt mộ đồ cùng.  
Ngày đã xế chiều, đang đi cùng tốt. Hiểu là cảnh già, cảnh muộn, không còn đua tranh chuyện đời. *Tany du vãn cảnh.*
- 88 Nhứt nghề tinh, nhứt thân vinh.  
Một nghề rong, một thân vinh hiển. Một nghề rong một nghề, thì sẽ thành thân cùng dặng vinh hiển một đời. Người ta nói *đa hư bất như thiếu thiệt*, nhiều nghề thì lại chẳng ràng không tinh.
- 89 Nhứt ngôn khả dĩ hưng ban, nhứt ngôn khả dĩ tán ban.  
Một lời nói có lẽ dầy nước, một lời có lẽ làm mất nước. Trong một lời nói, có đều lợi hại rất lớn, chẳng khá nhẹ buông lời nói. Sở dĩ phải *Tam tư nhị hậu ngôn.*
- 90 Nhứt nguyệt tuy minh, nan chiếu phúc bốn chi hạ.  
Mặt trời mặt trăng tuy sáng cũng khôn soi ở dưới chậu úp; Dầu là trí thông minh cũng còn có chỗ khuất lấp.

- 91 Nhứt nhọn địch vạn.  
Một người chông muôn người. Thề chẳng chông nổi, thì là *quả bắt địch chúng*; bằng chông nổi thì là sự phi thường.
- 92 Nhứt nhứt bất kiên, như tam ngoạt hề.  
Một ngày chẳng thầy, ba tháng dường nào! gặp nhịp không nên bỏ; ấy là *cơ hội khả thật*.
- 93 Nhứt nhứt bất niệm thiện, chur ác giai tự khởi.  
Một ngày chẳng tưởng sự lành, các sự dữ đều tự nhiên dầy. Con người *mắc khi bằm sớ câu, vật đục sớ tề*, nếu chẳng giữ căn bản làm lành, thì hóa ra xâu xa, vô sớ bắt chí. Có câu rằng: *tùng thiện như đặng, từng ác như băng*, nghĩa là cứ việc làm lành thì là đi lên, cứ việc làm dữ thì chẳng khác chi là sập xuống.
- 94 Nhứt nhứt tại tù, thiên thu tại ngoại.  
Một ngày ở tù, ngàn thu ở ngoài; ấy là nói về sự ở tù khôn khổ, độ một ngày dài dặc cũng bằng ngàn năm.
- 95 Nhứt nhứt vì sư.  
Một ngày là thấy. Hễ có chịu người dạy dỗ, thì phải biết ơn cùng tôn kính người, chẳng luận là dạy lâu mau; cho nên một ngày cũng là đạo thầy trò.
- 96 Nhứt pháp lập nhứt tộ sanh.  
Hễ có định pháp gì mới, thì sao cũng có đức tinh tộ; chỉ nói về tư lại cùng chức việc làng hay bày đều thêm thắt mà ăn chẹt gánh. Ấy là nghĩa câu *linh ít lạc nhiều*.
- 97 Nhứt sớm nhì muộn.  
Trong sự vãng lai ơn nghĩa cùng nhau, miễn là cho có, chẳng câu sớm muộn.
- 98 Nhứt tinh chi hỏa năng thiêu vạn khoảnh chi tân, bán cú phi ngôn ngộ tổn bình sanh chi đức.  
Lửa một đóm hay cháy củi muôn khóm, lời nói quây nũa câu, hay tổn đức bình sanh. Một tiếng nói mà làm nên, một tiếng nói mà làm hư cùng thật đức.
- 99 Nịch ái bất minh, tham đặc vô yểm.  
Thương quá thì không tỏ, tham lam quá hóa ra không nhàm, như cang con thì không thầy đều lỗi con. v. v.
- 100 Niên nguyệt tuy đa, bất quá nhứt bồn nhứt tức.  
Năm tháng dẫu nhiều, chẳng qua một vòn một lời. Phép cho vay không dặng ăn lời quá vòn.
- 101 Ninh thọ tử bất ninh thọ nhục.  
Thà chịu chết chẳng thà chịu nhục.
- 102 Ninh vi sơn thượng hổ, bất tác phủ trung ngư.  
Thà làm cọp trên núi, chẳng làm con cá trong trǎ. Thà làm anh hùng một cõi, chẳng thà chịu phép người ta.

103 Ninh vi kê khẩu, vô vi ngư hầu.

Xưa người Tô Tần khuyên Hàn-vương là vua nước nhỏ, hiệp binh cùng nước khác, làm mình chủ mà đánh trả nước Tần, chẳng lẽ nam diện sự Tần; thà làm *kê thi* chẳng thà làm *ngư tòng*, ấy là lời nói Tô-Tần: chính nghĩa chữ thi là làm chủ, con gà trông mạnh hay cầm bầy đi trước, ấy là làm chủ; tòng là theo sau, con trâu đỡ thường đi sau; làm nhỏ mà lớn thì hơn là làm lớn mà ở sau. Chữ thi giống chữ khẩu, chữ tòng giống chữ hầu, người ta mới đi dịch tiếng nói. Như hiểu là thà làm miệng con gà, chẳng thà làm dit con trâu thì không nhầm nghĩa.

104 No hết ngon, giận hết khôn.

Tục ngữ Tây có câu rằng: giận là diên một hồi.

105 No trong mo ngoài đất sét.

Tích rằng: Có một đũa chần trâu ham chơi, thường bữa bỏ trâu nhịn đói, đến khi đuổi trâu về nhà, sợ phải đòn, thì lấy mo mà đập bụng trâu, ngoài tò đất sét, giả là trâu no. Chủ có hỏi tới thì nó cứ việc nói rằng trâu ăn no. Có một bữa con trâu tức mình liền nói ra tiếng mà rằng: *no gì, no trong mo ngoài đất sét!*

106 Nợ lãnh là nợ mình.

Kẻ bảo lãnh thường phải trả thê cho người vay.

107 Nổi da xáo thịt.

Da ở ngoài, thịt ở trong, lấy da làm nổi mà xáo thịt, thì chỉ nghĩa là bà con ruột trở mặt hại nhau, như kiện lộn, chưởi lộn vãn vãn. Xáo cũng có nghĩa là xáo lộn.

108 Nội gia nô tử, xuất gia công khanh.

Ở trong nhà là tôi tớ, ra khỏi nhà là công khanh; ở trong nhà phận phải làm nhỏ, có ra ngoài mới làm mặt tử tề, nghĩa là chẳng nên tranh trường hay là làm thê diện trong nhà.

109 Nội gia tạo ác, ngoại kì tri vãn.

Trong nhà làm xấu, ngoài mình nghe biết. Trong nhà làm xấu thì là xấu tại trong nhà; ngoài mình nghe biết thì là không giấu dặng chuyện xấu.

110 Nói hay hơn hay nói.

Hay trước là hay giỏi, hay sau là hay liền. Nói ít mà hay, chẳng hơn là nói hoài mà dở.

111 Nồi nào úp vung này.

Nồi tròn úp vung tròn, nồi méo úp vung méo. Có ý nói về vợ chồng, đôi lứa, mỗi đảng bạc đều xứng nhau.

112 Nói như phát, nhất như cheo.

Nghĩa là nhất mà hay nói lớn lời.

113 Nói như rựa chém xuống đất.

Ăn nói chắc chắn, không sai chậy.

114 Nói ra gia lây.

Ấy là tiếng phân bua, buộc người nói phải chữ lời đã nói. Gia lây nghĩa là buộc cho, đừng chời cãi. Có câu rằng : *Nhứt ngôn thuyết quá, tứ mã nan truy*; nghĩa là một lời nói ra, ngựa tứ theo không kịp. Có lẽ lời nói thì phải chịu.

115 Nữ sanh ngoại tộc.

Gái theo họ ngoại ; ba đời dứt nghĩa gận, trai thì thê thê bát tuyệt, vì là đồng tông.

116 Nước chảy đầu đầu cũng tới.

Phép buộc đầu đầu cũng buộc. Cũng hiểu là việc trăn đồng.

117 Nước chảy lá môn.

Trọt lột, không đem vào tai, không nghe lời phải.

118 Nước nóng còn có khi nguội.

khí giận cũng có khi hiền.

119 Nước tới trôn mới nhảy.

Đề việc thôi hồi mới lo.

120 Nước xao đầu vọt.

Lời khôn ngoan không lọt vào tai; không biết nghe đều phải.

121 Nuôi heo rán lây mỡ, nuôi con đỡ chơn tay.

Ấy là câu đầu bài cha mẹ dang gái hay nói mà đòi của cưới dang trai.

122 Nuôi con không phép kể tiền cơm.

Nuôi con là phận sự cha mẹ. Có việc phải làm mà không phải tinh tiền.

123 Nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà.

Chừa người làm hại cho mình; nuôi người dòm hành chuyện nhà.

O

1 Ở cho phải phải phân phân, cây da cậy thần, thần cậy cây da.

Cây da có thần dựa vào mới linh, thần có cây da mới có chỗ dựa. Thê phải tương y tương ý cung nhau.

2 Ở hơn thẳng kẻ.

Ghét người hơn mình; nói nôm thì là, *Ghen hiền ghét ngỗ*; nói chữ thì là *đồ hiền tật năng*.

3 Oa giác công danh, nhặng đầu vi lợi.

Công danh sừng ốc, ; lợi mọn đầu lẳng; nghĩa là danh lợi không bền.

4 Oan oan tương báo.

Làm oan khiên, mắc oan khiên, cũng như nói *đức có đức trả*.

- 5 Ốc mượn hồn.  
Ngát ngo, không thật tính; xác còn hồn mát, phải mượn hồn khác. Có thứ ốc hay bả vào trong xác con ốc chèt mà ở.
- 6 Ốc như huyền khánh.  
Nhà như treo khánh. *Gia đồ bích lập; gia vô dâm thạch; gia vô trường vật; tứ bích tiên nhiên*, đều có nghĩa là nghèo lắm.
- 7 Ôn cũ nhi tri tân.  
Ôn cũ mà biết mới. Cũ mà ôn lại, học lại, thì hóa mới, cũng sanh trí mới.
- 8 Ông tre dè miệng gia.  
Phép dong gia, cứ khoá sét hay là bằng mắt gia thì vừa. nghĩa là cứ mực thiết. Ông tre ày là ông gạt.
- 9 Ông ăn chả, bà ăn nem.  
Vợ chồng đồng tình làm quây: ông mê nữ sắc, bà lại ngoại tình.
- 10 Ông tha mà bà chẳng tha, đánh một cái lụt mồng ba tháng mười.  
Thường năm tới tháng mười, thì có mưa lụt làm hư hại ruộng nương cây trái. Ông Trời muốn làm hiển, làm dữ là tại bà Đất, cho nên mới có nước lụt dung lên. Cũng là tiêng nói chơi.
- 11 Ong vỡ ổ.  
Ấy là sự thê vỡ lở, dây dức. Chọc người độc dữ thì là *chọc ong vỡ vè*. Người xấu nết hay giận, nói lạnh sanh dữ, lắm bầm nói không ra điều thì gọi là *nết bọ hung*.

## P

- 1 Phải người phải ta.  
Phải lẽ phải phép, xứng cả hai bên; thường nói về lẽ cưới hỏi hoặc về sự chia chác phân minh.
- 2 Phàm hi vô ích.  
Hễ chơi thì vô ích; ày là lời Hạng-thác nói với dực Không-tử. Có nhiều cuộc chơi như cờ bạc lại làm hại to.
- 3 Phán cầu chư thân.  
Trở tìm nơi mình. Hễ có sự gì làm lỗi hoặc có sự gì trái ý, thì phải trách mình, hỏi mình. Người quân tử bản không trúng bìa thì phải trách mình, hoặc bởi mình bực hấn chưa giỏi.
- 4 Phán giới mặt, ai lấy phân mà giới chơn.  
Ai ai cũng muốn cho rõ ràng.
- 5 Pháp bất gia ư quân tử, lễ bất chấp ư tiểu nơn.  
Phép chẳng thêm nơi người quân tử; lễ chẳng chấp nơi đứa tiểu nơn. Phép tắc ở nơi quân tử, cho nên không lẽ bắt thiêu; đứa tiểu nơn không biết lẽ nghĩa, cho nên không lẽ bắt đủ.

- 6 Phi lễ vật động . . . vật thính . . . vật thị . . . vật ngôn.  
Chẳng phải lễ chó đá động, chẳng phải lễ chó nghe ; chẳng phải lễ chó xem, chó nói. Cả thị, thính, ngôn, động, phải cẩn thận, ấy là chánh nét 1 a lễ phép. Có câu rằng : *Vnon di hũu lễ. thứ khả miễn tướng thứ chi thích.* Chỉ nghĩa là con người phải có lễ phép mới khỏi chê rằng xem con chuột cũng biết phép. Con chuột ở trong hang muốn chun ra, thường cung hai chơn trước.
- 7 Phong, lao, cò, lại, tứ chứng nan y.  
Chứng phong bại, bệnh lao tổn, tật dui, tật phung, là bốn chứng bệnh khó làm thuốc. Thường gọi là tật bệnh Trời cho, hay là *tật thiên tư.*
- 8 Phú diệc giao, quý diệc thê.  
Giàu đời bạn sang đời vợ, ấy là thói ỉm cừu nghinh tàn.
- 9 Phú mai tử tranh.  
Cha bán con tranh ; ấy là nghĩa thừa trong nhà mới ra bề ngoài.
- 10 Phú dữ quới thị nhơn chi sở dục, bản dữ tiện thị nhơn chi sở ố,  
Ai ai đều muốn giàu sang. ai ai cũng sợ nghèo khó ; mà ngặt muốn cũng khó được, sợ cũng không khỏi.
- 11 Phú mẫu tổn bất khả viễn du,  
Cha mẹ còn chẳng khá chơi xa. Đạo làm con phải *thần tình mô khan, thừa hoan tất hạ* ; lại có câu rằng : *Du tất hũu phương*, nghĩa là đi phải có chỗ.
- 12 Phu một hoàn thê.  
Chồng mât về vợ. Hiếu về gia tài : vợ được nhờ theo phận chồng.
- 13 Phu từ tử hiếu.  
Cha nhơn từ, con hiếu thảo, ấy là được cha được con.
- 14 Phu phụ hòa, gia đạo thành.  
Vợ chồng hòa thuận, thì gia đạo nên. Đạo vợ chồng quý cho thương hòa hạ mực, vậy sau mới làm ăn nông nổi.
- 15 Phú quý bất qui cố hương, như ý cảm da hành.  
Giàu sang chẳng về quê cũ, như mặc áo gấm mà đi đêm ; nghĩa là không ai thầy giàu sang.
- 16 Phú quý các hũu định phận.  
Giàu sang đều có phận định trước.
- 17 Phú quý đa nhơn hội, bản cùng thân thích ly.  
Giàu sang nhiều người tụ hội, nghèo cực kẻ thân thích lia.  
Trách thói xâu, cứ nhìn tiền bạc làm bà con.
- 18 Phú quới sanh lễ nghĩa.  
Giàu sang sanh ra lễ nghĩa ; vốn là người thô tục, mà dèn lúc có tiền có bạc, lại hóa ra lễ nghi tử tế, ấy là tại tiền bạc sửa sắc cùng sử nên cho. Có câu đời rằng : *Bản cùng sanh đạo tặc, phú qui hũu lễ nghi.*

19 Phụ tại quan kì chí, phụ một quan kì hạnh, tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hi.

Cha còn coi chí ý con, cha mắt xem tánh hạnh con; ba năm không cải sự gì trong đạo cha, khá rằng thảo vậy. Nói về sự cha con không đồng chí, cha còn, con không dặng tự chuyên, coi chí con cũng đã biết tốt xấu; cha mắt, con được làm chủ, xem tánh hạnh thì biết nên hư. Việc cha có đều đáng cải mà không nỡ cải, thì là vì sợ tổ đều lỗi cha, cũng gọi rằng hiếu. Sò ba năm là lấy theo sò để tang cho cha mẹ; hễ con sanh ra ba năm mới khỏi lòng cha mẹ, cho nên để tang cũng phải giữ cho đủ ba năm.

20 Phụ trái tử hoàn.

Nợ cha con trả; con ăn gia tài cha, thì phải trả nợ thế cho cha.

21 Phụ tử bất đồng tịch.

Cha con chẳng chung chiều hay là chỗ ngồi, ấy là lễ biệt tôn ti.

22 Phụ nhơn nan hóa.

Đòn bà khó sửa dạy. Trí đòn bà chật hẹp, gặp việc hay câu chấp, không biết biện thông.

23 Phu tử từng tử.

Chồng chết từng con; ấy là một phép trong tam từng đã có nói trước.

24 Phu xướng phụ tùy.

Chồng kêu vợ dạ, ấy là phép xướng tùy trong gia đạo.

25 Phục dược bách lỏa, bất như độc ngoạ.

Uông thuốc trăm hoàn, chẳng bằng năm một mình. Có câu rằng: *Thượng sĩ dị sàng, trung sĩ dị bị*, ấy là một phép dưỡng sinh.

26 Phục dược bất như giảm khẩu.

Uông thuốc chẳng bằng bớt miệng. Vật thực ăn vào hay sanh bệnh; uông thuốc mà không hay kiêng cữ thì chẳng được ích gì.

27 Phục thủy nan thâu.

Nước đồ rồi khôn lấy lại. Việc đã hư rồi, bỏ rồi, không có lẽ lập lại.

28 Phước bất cầu cầu, họa vô cầu miễn.

Phước chẳng lấy may mà cầu, họa hại không lấy lặt khỏi. Muốn dặng phước thì phải làm lành, muốn cho khỏi họa thì phải lánh dữ.

29 Phước bất trùng lai, họa vô đơn chí.

Phước chẳng tới dặp, họa không tới lẽ. Phước khó tìm, họa dễ mắc.

30 Phước chí tâm linh, họa lai thần âm,

Phước dền lòng linh thánh, họa dền trí tối tăm. Lúc đồ thì minh mẫn, hồi đen thì rồi trí khôn, tính không nên việc.

31 Phước chủ may thấy.

Bệnh chịu thuốc, thấy đặc danh, may mắn cả hai.

32 Phước dức khán tử tôn.

Phước dức xem nơi con cháu. Hễ con cháu làm ăn nông nổi, thì là nhờ phước dức ông bà, cha mẹ để lại cho.



## Q

- 1 Qua điền bất nạp lý, lý hạ bất chỉnh quan.  
Ruộng dưa chẳng sửa dếp, dưới cội lý chẳng sửa mào. Đi gần đám dưa, đi dưới cội lý, chớ khá dân già, kéo người ta nghi mình rằng gian.
- 2 Quá cỏ lồi môn.  
Đánh trông cửa sầm, nghĩa là không xét tài lực mình.
- 3 Quả đục bảo thân.  
It dâm đục thì là giữ mình. Lại có câu rằng: *Bảo thân giả quả đục, cũng về một nghĩa. Hễ mê sa dàng sắc đục, thì phải uổng yếu; càng gần nữ sắc, ắt hao tinh thần.*
- 4 Quả hậu nãi tri tiên sự thô, lão lai phương giác thiếu thì phi.  
Lỗi rồi bèn biết việc trước lắm; già lại mới biết việc quây khi còn nhỏ. Đang lúc mê thì chẳng biết nước lồi hay là *mê nhi bất ngộ*.
- 5 Quả hòa vô thân.  
Yt hòa không có người thân. Người có tính cương cứng, hung dữ, thì chẳng ai dám làm anh em.
- 6 Qua khỏi truông voi trở bò cho khái.  
Ấy là sợ trước mặt.
- 7 Qua quạ nuôi con tu hú.  
Con tu hú tánh làm biếng không hay làm ồ, để con quạ làm ồ sẵn rồi lén tới mà đẻ, con quạ thầy trứng cứ việc ấp, đến khi nở ra thì là con tu hú, bay theo tu hú. Sự thế bằng lảng.
- 8 Quan, hôn, tang, tề bắt tại cấm lệ.  
Lễ gia quan, lễ hôn phối, phép tông táng, phép tề lễ; làm hôn phép ấy, ai nấy đều dặng thông thả không mắc trong lệ cấm.
- 9 Quan yêu bạn ghét.  
Kẻ thật thà ghét người dặng thề, cũng là ô nhờn thẳng kẻ.
- 10 Quan pháp vô thân.  
Phép quan không vị người thân. Phép công thẳng không có tây vị.
- 11 Quan quý quyết, dân thì thê.  
Quan muốn dặng việc quan thì hay dưng chước khôn khéo, dân muốn tránh trút cho khỏi việc quan thì hay kiếm đều cơ cượng. Thì thê hay là thì vụ cũng gần một nghĩa.
- 12 Quan tha ma bắt.  
Nói về kẻ mắc tội, dặng ơn tha, mà nhiều khi phải bỏ thầy trong ngục
- 13 Quán nghị phụ chiên.  
Bầy kiên bu thịt tanh. Thịt dê tanh kiên hay bu. Ví người thầy lợi đua nhau mà tới, người ta hay nói bu đen như kiên.

14 Quân tử bất thực ngôn.

Người quân tử chẳng ăn lời nói. Có câu rằng: *quân tử nhất ngôn*, nghĩa là làm người phải chủ tín trong một lời nói, không dặng nói hai lời, hay là nói đi nói lại.

15 Quân tử cô cùng, tiểu nhân cùng tư lạm hĩ.

Người quân tử bên nghèo cực, đũa tiểu nhân nghèo khó thì hay gian tham, làm quây. Người tốt thì an phận nghèo, đũa xâu làm nghèo thì sanh đều trộm cướp.

16 Quân tử dĩ chí khí tương kỳ.

Người quân tử lấy chí khí hẹn nhau. Đồng một chí ý, chẳng luận xa gần, sau trước, nghĩ việc đều giống nhau.

17 Quân tử khả khi dĩ kì phương.

Về việc có lý, người quân tử có lẽ phải lắm. Xưa có người cho thấy Tử-sản một con cá, thấy biểu tên giữ hồ đem ra hồ mà thả. Tên giữ hồ đem con cá ra làm thịt mà ăn, rồi thừa lại với thấy rằng. Khi tôi mới thả con cá xuống hồ, coi ý nó khờ khờ, rồi đó nó quậy quậy, thoát chực nó lặn đi mất. Thấy Tử-sản nghe nói thì mắng cho con cá mà rằng: *Đắc kì sở tại!* nghĩa là cá gặp nước gặp chỗ, sự thè nó phải làm vậy.

18 Quân tử lao tâm tiểu nhân lao lực.

Người quân tử nhọc lòng, đũa tiểu nhân nhọc sức. Người quân tử dụng trí, đũa tiểu nhân dụng lực.

19 Quân tử tại giả, tiểu nhân tại triều.

Người quân tử ở ngoài nội, đũa tiểu nhân ở trong triều. Thân phận đời đời.

20 Quân tử ứ hự thì đau.

Người khôn không đợi nặng lời, một tiếng khinh bạc nhẹ nhẹ cũng đủ xâu hồ.

21 Quân tử thành nhưn chi mĩ.

Người quân tử hay làm nên cho người ta. Không có bụng đồ hiền tật năng mà làm hư cùng trợ ác cho ai; cho nên *bất thành nhưn chi ác*.

22 Quân tử thực vô cầu bảo, cư vô cầu an.

Người quân tử ăn không cầu no, ở không cầu yên. Người có lòng đạo thì ô y ô thực, không cầu no đủ sung sướng, cũng chẳng vụ chỗ ở, miễn là tề thói hành đạo hay là giúp đời dạy đạo được thì lây làm đặc ý; cũng chẳng rảnh rang mà lo tới việc ở ăn.

23 Quân tử ưu đạo bất ưu bản.

Người quân tử lo vì đạo, chẳng lo vì nghèo. Cũng có một ý theo câu trước.

24 Quân tử viện bào trừ.

Người quân tử xa lánh chôn bệp núc. Người quân tử lo việc lớn chẳng quản việc nhỏ. Nghĩa thường là người tử tề không nên nói miệng ăn.

- 25 Quen mặt đất hàng.  
Đã có tin nhau thì dễ việc buôn bán.
- 26 Quen nhà mạ, lạ nhà chồng.  
Ở đâu quen đó; làm đâu phải thủ lễ.
- 27 Quí khốc thần sầu.  
Quí khốc, thần rầu. Ấy là tiếng khen văn chương hay tuyệt phẩm.  
Có câu rằng: *Quí gian thần hờn*, thì là chê việc gian ác thái quá.
- 28 Quí tinh bất quí đa.  
Chính nghĩa nói về binh lính, dùng rông không dùng đông.  
Người ta hay lấy nghĩa rộng là quí cho tốt chẳng luận nhiều.
- 29 Quí vật tìm quí hơn.  
Vật quí tìm người quí, *của đời là của xây vờn*, bao nhiêu quí vật thì tìm quí hơn. Quí hơn thường hiểu là người giàu sang.
- 30 Quốc dĩ dân vi bản.  
Nước lấy dân làm gốc, có dân mới có nước. *hễ bản cồ ban ninh*, nghĩa là gốc bền nước mới yên. Còn một vè nữa là *dân dĩ thực vi thiên*.

## R

- 1 Rậm người hơn rậm cỏ.  
Thà cho người ở cho âm cúng, chẳng thà bỏ đất hoang.
- 2 Rắn đi còn dằm để lại.  
Không mất dầu.
- 3 Rắn già rắn lột, ta già ta cột đầu săng.  
Không ai lột da ở đời.
- 4 Rắn rít bò vào, cóc nhái bò ra.  
Không thè ở chung tồn.
- 5 Ráng vàng trời nắng, ráng trắng trời mưa.  
Ấy là một phép xem trời mưa nắng.
- 6 Rán sành ra mỡ.  
Không có, muốn làm cho có, cần sảy thái quá.
- 7 Rau nào sâu ấy.  
Bón tánh giống nhau.
- 8 Ruộng ai thì nầy đắp bờ.  
Công việc ai nầy làm.
- 9 Rừng có mạch, vách có tai.  
Nói ra ắt có người nghe, không nên trông trái lời nói. Nguyên có câu chữ rằng: *Vật vị Tân vô nhưn; thuộc viên hữu nhĩ*. Câu trước nghĩa là chớ nói nước Tân không người; câu sau nghĩa là liền vách có tai.

- 10 Rê rách đờ nóng tay.  
Xầu tốt đều có việc dùng.
- 11 Rẻ tiền mặt, mắt tiền chịu.  
Ai này biêt mua chịu thì mắt, song nhác trả tiền mặt thì lầy hai giá làm bằng nhau.
- 12 Rít nhiều chân.  
Hiệu nghĩa là có nhiều người giúp đỡ. *Bá khước chi trùng từ nhi bất cương.* Con trùng trăm chân có chệt không phải ngửa nghiêng.
- 13 Rối chạy nói rang cũng chạy.  
Bồn chôn thái quá.
- 14 Rót nước không chứa cặn.  
Đổ rộc ra hết, thường hiệu về lời nói, chỉ nghĩa là nói quá thê hoặc uhiềc mắng không sót đều, hết nước hết cái.
- 15 Rung cây nhát khí.  
Nhát nhau mà không làm chi nhau dặng, ấy gọi là dọa hơi dọa hảm.
- 16 Rừng nhu biển thánh khôn dò, bé mà chẳng học, lớn mò sao ra.  
Chữ nhu như rừng rậm, đạo thánh thăm sâu như biển, phải gắng học mới nên con người.
- 17 Ruột bỏ ra da bỏ vào.  
Coi người dặng hơn bà con.
- 18 Ruột cắt ruột không dành.  
Nguyên một câu có hai về răng : tay phân tay bao nõ, ruột cắt ruột sao dành. Nghĩa tay chơn không lẽ dứt, tình cốt nhục chẳng nõ lia. Người ta hay nói rằng : bà con chém nhau dặng sông, không chém nhau dặng lười, nếu dứt tình hại nhau thì răng : *tay mắt chặt tay trái.*
- 19 Rượu chẳng uống, uông thì say ; bạc chẳng đánh, đánh thì thua.  
Rượu trà hay làm cho con người loạn tâm tánh, cờ bạc hay làm cho con người nát hại cửa nhà, ấy là tiếng khuyên người đời chớ lầy làm cuộc chơi.
- 20 Rượu vào lời ra.  
Rượu vào cuồng tâm bắt nói quây.

## S

- 1 Sa dậu âm dó.  
Sa mê chẳng nghĩ sự gì.

2 Sá bao! Cá chậu chim lồng, hễ người quân tử cố cùng mới nèn.

Chim tại lồng, cá tại chậu, đều là cùng túng, con người lâm thế cùng túng mà ở cho bền lòng, mới đáng gọi là quân tử.

3 Sàng đầu kim tận, tráng sĩ vô nhan.

Đầu giường tiền hết, kẻ tráng sĩ không còn mặt mũi. Nghĩa là không biết lấy chí làm tính nghĩa với anh em.

4 Sanh kí tử qui.

Sông gỏi, thác về. Người ta vốn là đất, cho nên phải trở về đất. Sông ấy là sông gỏi, sông tạm, thác ấy là cuộc chung cho mọi người đều phải xuống đất.

5 Sanh nghề tử nghiệp.

Sông nghề gì chết cũng nghề ấy, tục hiệu là mắc nghiệp báo, già như kẻ làm nghề bắt rắn, dáo đầu chết về nghiệp rắn cắn.

6 Sanh sự sự sanh.

Sanh việc thì là việc sanh; an thường thủ pháp thì vô sự.

7 Sanh thuận tử an.

Sông thuận thác an. Muốn chết lành, ở đời phải làm lành, ấy là *thiện sanh phước chung*.

8 Sanh tử bất sanh tâm, sanh ngu vô sanh giác.

Sanh con chẳng sanh lòng, sanh trâu không sanh sừng, ấy là sự thiệt, mà cũng là tiếng kẻ làm cha mẹ hay chừa mình về sự lỗi con cái; cha mẹ không làm chủ hay là chẳng ngồi trong lòng con cái, cho nên việc nên hư phải trái con cái lo làm, cha mẹ không biết tới.

9 Sát nhứt miêu, cứu vạn thử

Giết một con mèo, cứu muôn con chuột. Vì dân trừ hại, giết một người mà cứu đặng muôn ngàn người.

10 Si lung ám á gia hào phú, trí huệ thông minh khước thọ bản.

Ngây điếc cảm ngọng nhà giàu sang, trí huệ thông minh ben chịu nghèo. Đại để những người có tài ít giàu; ấy cũng là ý tạo hóa khôn ngoan, phân định công bình, kẻ mất thế này đặng thế khác, kẻ có bề này không bề khác.

11 So tây buộc chặt.

Nghĩa là so đo, hơn thua thái quá.

12 Sĩ vị trí kỉ giả dụng, nữ vị duyệt kỉ giả dụng.

Kẻ sĩ đặc dụng với kẻ biết mình; con gái lịch sự với kẻ yêu mình. Kẻ có tài không gặp người biết mình cũng vô dụng, gái dẫu lịch sự, mắc chồng ghét, thì cũng hết duyên, mà dặng chồng ưa, thì dẫu xấu cũng hóa xinh.

13 Sở đắc bất thường sở thất.

Chỗ dặng không đến lại chỗ mất, ấy là tổn hao thì có, cậy nhờ thì không.

14 Sông đồng tịch đồng sàng, thác đồng quan đồng quách.  
Nghĩa vợ chồng chêt sông không lìa.

15 Sông gởi nạc, thác gởi xương.

Sông nhờ cấp dưỡng, thác nhờ chôn, ấy là lời trao thân gởi mình.

16 Sông một đồng không hết. chêt mười đồng không đủ.

Sông còn tiện tận, chêt phải tổn hao.

17 Sóng ngã thuyền câu lướt dập.

Thừa thê mà hại nhau, cũng như thầy người ta hãm tỉnh mà dẫu thạch, nghĩa là sa hãm mà ném đá.

18 Sự bất dặt dĩ.

Việc chẳng dặng dưng. Sự thê phải như vậy.

19 Sự bất quá tam.

Việc chẳng quá ba, ấy là hạn cho người ta thử; quá ba lần thì cũng biết việc dặng thua thê nào.

20 Sự cữ kiên nhơn tâm.

Việc lâu thầy lòng người. Lòng người tốt xấu lâu ngày mới biết.

21 Sự hữu thi chung, vật phân bôn mạc.

Việc có trước sau, vật chia gốc ngọn. Ấy là lời làm chứng muôn vật đều có dưng sanh thành. Mộc bôn thủy nguyên cũng vào nghĩa ấy.

22 Sứa dẫu có nhảy khỏi dặng.

Con sứa không hề nhảy khỏi dặng, ví dụ con cái chẳng nên cãi ý cha mẹ.

23 Suy cổ nghiệm kim.

Nghĩ xưa, nghiệm nay. Nghĩa là phải xét nghĩ việc đời cẩn thận.

24 Suy kĩ cập nhơn.

Xét nơi mình đèn nơi người; nghĩ mình làm sao thì người cũng vậy, chẳng nên ích kỉ hại nhơn.

## T

1 Tà thần bất cảm chánh.

Thần tà chẳng cảm hay là chẳng phạm chánh thần. Hễ mình ở chánh trực hay là mạnh mẽ trong mình thì chẳng sợ nhuôm lây tà khí, hay là tà khí chẳng khuấy mình dặng. Ấy là *nguyên khí cò, tặc bá tà bất năng nhập*; bịnh ngoại nhơn như phong hàn thử thập cũng là tà.

2 Tác xá đảo bàn.

Nghĩa là làm nhà bên dằng. Kê qua lại chê khen, nghị luận nhiều thề mà không rồi.

3 Tài gia là cha ăn cướp.

Tài gia hay khai gian, mạt ít xít ra cho nhiều, hay là khai phòng hao, dầu quan có dạy bồi không đủ thì cũng được phần nhiều.

4 Tại gia lòng phụ, xuất giá từng phu.

Ở tại nhà từng cha, gả ra thì từng chồng. Ấy là đạo tam từng, phận gái phải giữ.

5 Tái ông thất mã, nan tri họa phước.

Ông Tái mất ngựa khó biết họa phước. Nghĩa là không biết đâu là họa phước. Tích rằng: ông Tái mất ngựa, người ta tới thăm, ông ấy rằng: đâu biết là không phải phước. Chẳng ngờ ít bữa thầy con ngựa ấy dắt về một con ngựa nước Phiên cao lớn; người ta cũng tới thăm, ông ấy rằng: đâu biết là không phải họa. Cách ít bữa con ông ấy cỡi con ngựa Phiên mà đi chơi, rũi té xuống gãy tay, người ta cũng tới thăm, ông ấy rằng: đâu biết là không phải phước. Chẳng khỏi bao lâu có việc binh, lệnh truyền phải bắt lính úp bộ, con ông ấy nhờ gãy tay mà khỏi đi lính.

6 Tài tán tắc dân tụ, tài tụ tắc dân tán.

Của tán ra thì dân nhóm, của nhóm thì dân phải tan. Quan có ơn, tình hình bạc liêm thì dân sung, quan khắc bạc chính thâu thái quá thì dân nát.

7 Tâm bất tại.

Xao lảng không chủ tâm.

8 Tam đa, ngũ phước.

Đa tử đa phú đa quý, nghĩa là nhiều con, nhiều cửa, nhiều sang là tam đa; Thọ, phú, khương ninh, du háo đức, khảo thọ mạng là ngũ phước. Du háo đức, nghĩa là nên bề đức hạnh; khảo thọ mạng, nghĩa là nên mạng sống lâu, chết phi mạng hay là chết tức thì không thành thọ mạng.

9 Tầm khi nào vượt mặt khi ấy.

Không nghĩ phải chăng, cũng là phải ơn.

10 Tam ngu thành hiền.

Ba người dại cũng làm đặng một người khôn; trí nhiều người hiệp lại cũng nghĩ đặng đều phải.

11 Tam nhơn đồng hành tất hữu ngã sự diên.

Ba người đồng đi, ắt có kẻ làm thấy ta vậy. Trong ba người phải có người biết đều làm thấy cho ta đặng. Kê mình nữa là ba.

12 Tam sao thất bản.

Sao chép nhiều lần, không khỏi sai trong bốn chánh.

13 Tẩn kê tư thân.

Gà mái giữ buổi sớm hay là gáy giữ buổi sớm. Hiểu nghĩa là dòn bà làm chủ việc nước nhà.

14 Tận lương vô kê.

Lương thực hết thì chẳng còn mưu chước, nghĩa là không có tiền bạc thì chẳng làm chi dặng.

15 Tận nơn lực phương tri thiên mạng.

Hết sức người mới biết mệnh trời. Phải hết sức người vì là không biết mệnh Trời, giả như mình mắc họa nạn hiểm nghèo, thì phải hết sức lo làm cho khỏi, chẳng nên thôi chí sờn lòng; chừng nào làm hết sức mà đáo đầu không khỏi, thì mới hay là số mạng phải làm vậy.

16 Tẩn quẽ mẽ châu.

Củi như quẽ gạo như châu thì là đồ hỏa thực ngang quí, mắc mớ thái quá.

17 Tận tâm sở sự.

Làm việc hết lòng hay là thiệt lòng làm việc bòn phận.

18 Tẩn thối lưỡng nan.

Khó dặng lui tới hay là không biết tính bề nào.

19 Tẩn dục thân an, tẩn dục bịnh.

Nặng tẩn mình an, nặng dâm bịnh. Tẩn là tẩy trừ dơ dáy, lại làm cho khi độc trong mình rút ra theo nước, cho nên mình dặng an; hễ nặng tẩn thì nhẹ nhàng trong mình; nặng gẫu nữ sắc thì tinh thần hao tán, dèn dỗi phải ưỡng yếu chẳng những là bịnh mà thôi.

20 Tẩn lai thân giả sơ.

Nặng tới lui lắm, gẫu hóa ra xa. Có ba đều bắt tận; là *bắt tận nơn chi tinh*; *bắt tận nơn chi tài*; *bắt tận nơn chi lực*. Lấn la lẫm thì hóa ra sự nhảm lờn.

21 Tào khan chi thê bất khả hạ đường, bản tiện chi giao mạc khả vong.

Vợ tằm mấn chẳng khá bạc đãi; bạn khó nghèo không khá quên.

22 Tảo vật vô tình.

Trời sinh muôn vật, chỉ thính ư tự nhiên, dường như không chủ ý.

23 Tập dử tánh thành.

Tánh bòn thiện mà bời tập tương viễn, cho nên tập với tánh thành, thì là quen tánh. Tập là quen theo thói tục.

24 Tật sau lưng.

Không ai khỏi tật. Ông bụt tổ treo cho người ta hai cái dây một cái dề trước ngực, một cái dề sau lưng; chuyện xấu người khác thì dưng dây trước, chuyện xấu mình thì dưng dây sau.



- 25 Tay bằng miệng, miệng bằng tay.  
Bật thiệp, miệng nói tay làm.
- 26 Tay không chơn rồi.  
Gia tài chẳng có; công việc làm cũng không. Hãy còn bợ nợ.
- 27 Tay làm hàm nhai.  
Mình làm mình ăn, không cậy sức ai.
- 28 Thái quá du bất cập.  
Bỏ đồng thì lấy bạc thích trung.
- 29 Tham bù chẻ gắp.  
Chỉ nghĩa là tham cho nhiều.
- 30 Tham buổi giỗ lỗ buổi cây.  
Muôn đặng chuyện này phải mất chuyện khác.
- 31 Tham đặc vô ỉm.  
Tham làm không nhằm, ấy là *xà dục thần tượng*, nghĩa là rắn muồn nuốt voi.
- 32 Thám nang thủ vật.  
Thăm dẫy mà lấy vật: giặc dẽ thắng thướng gọi là lấy đồ bỏ dẫy. Lại nói *đi như phản chướng*, nghĩa là dẽ như trở tay.
- 33 Tham thì thâm dâm thì đen.  
Thâm là thâm tổn, câu sau là câu ví, hễ tham thì không khỏi lảm.
- 34 Tham vì nết, chẳng hết chi người.  
Quý đức hạnh, không quý người.
- 35 Tham vui chịu lặn,  
Người ta nói rằng: *Cờ gian bạc lặn*; các người đánh bạc cũng vì ham vui mà mất tiền.
- 36 Thận chung truy viễn.  
Cẩn thận việc sau hêt, dỗi nhớ việc lâu xa. Hiền thảo kẻ làm con phải nhớ ơn cha nghĩa mẹ, dẫu cha mẹ đã khuất rồi, cũng phải có lòng thành kính.
- 37 Thần xuất quý một.  
Thần mọc quý lặn, ấy là tiếng khen mưu chước rất khôn ngoan.
- 38 Thần yong xỉ hàn.  
Môi mất răng lạnh, nói về hai nước giao lãn, địa thế tương tiếp như môi với răng, nếu một nước phải mất thì nước kia cũng phải mất theo. Hai nước gần giao hảo gọi là *thần xỉ chi quốc*, nghĩa là giao không hề bỏ nhau.
- 39 Thăng mực tàu đau lòng gỗ.  
Lời thật mất lòng. Cứ phép thăng mà làm, sao cho khỏi chích mịch.
- 40 Tháng năm chưa năm đã sáng, tháng mười chưa cười đã tối.  
Mùa hạ ngày dài đêm vắng, mùa đông ngày vắng đêm dài.

- 41 Thẳng năm đi trước, chẳng phải đi ngược đằng sau.  
Ngày tháng tới trước mắt, chớ nói rằng lâu mau.
- 42 Thành môn thất hỏa; ươn cấp trì ngư.  
Chôn thành môn bị lửa, hại đèn cá trong ao, nghĩa là bị hại lây.
- 43 Thanh xuất vu lam.  
Xanh ra nơi chàm, hiểu nghĩa là học trò nhờ thầy; mà nếu *thanh quá vu lam*, thì là xanh quá chàm, hiểu nghĩa là đệ tử hơn thầy.
- 44 Thấp đước tìm giàu, giàu chẳng thấy, cầm gươm chém khó, khó theo sau.  
Muôn mà không đặng, sợ mà không khỏi thì là mạng; cho nên người quân tử *tùy ngộ nhi an*. Có câu rằng: *Trì già an bản, đạt hơn trì mạng*.
- 45 Thập mục sở thị.  
Mười mắt thừa xem. Chỉ nghĩa là minh bạch trước mắt nhiều người.
- 46 Thất chi đồng ngưng, thâu chi tang du.  
Mật chung phía đông, thâu chung phía tây; mật phía này dặng phía khác.
- 47 Thật thà là cha đại.  
Ăn ở hần hoi không đều quỷ quái thì là thiệt thà, đáng cho người ta yêu chuộng; ăn nói quê mùa không biết biện thông thì là quá thiệt thà, có câu rằng: *hiền giả quá ngu*; cho nên gọi là cha đại.
- 48 Thập thất chi ấp, lât hữu trung tín.  
Một ấp mười cái nhà ắt có nhà trung tín. Nhiều người lựa ra cũng có người tốt.
- 49 Thâu đa nạp thiểu.  
Ầy là nghề riêng các thôn trưởng, hễ thâu thuê thì thâu trội dẽ mà nhập kĩ, ầy là nghĩa chet gánh.
- 50 Thấy có cửa sãi có công.  
Kẻ chịu của người ra công, sự thè cũng đồng.
- 51 Thê hiền phụ họa thiểu, tử hiền phụ tâm khoáng.  
Vợ hiền họa chồng ít, con thảo lòng cha thơ thới.
- 52 Thê mắc thắt dôi.  
Thê thột không nên dêu.
- 53 Thê tề bất cập.  
Cẩn rún chẳng kịp. Nghĩa là ăn năn việc đã rồi.
- 54 Thi ân bất cầu báo.  
Ra ơn không cầu trả. Nếu cầu trả thì là bán ơn.
- 55 Thỉ chung như nhứt.  
Trước sau như một; không chút dôi dòi.
- 56 Thị khả nhẫn, thực bất khả nhẫn.  
Đều ầy nữ làm được, đều chi chẳng nữ làm. Tàn nhẫn thới quá.

57 Thì lai phong tống Đấng-vương các, vận khứ lời hoành Tiên-phước bia.

Thì tới gió đưa các ông Đấng-vương, vận đi sầm dành bia người Tiên-phước. Lúc có phước gió cũng thổi đưa, càng thêm sung sướng, lúc vô phước sầm lại đánh đập, dầu chêt cũng không yên. Ấy tốt phước *đặng chi đặng chài*; còn xấu phước *khó chớ cần thêm*. thì là làm vậy.

58 Thì tắc hành, phi tắc chỉ.

Phải thì làm chẳng phải thì thôi. Con người ta phải có quyết đoán, hễ nghi sợ thì làm không đặng việc.

59 Thì vị tổ xang.

Có vị như vị thần đặt ra mà tề. Lời chê kẻ làm quan vô sở sự sự, ngồi không mà ăn lộc.

60 Thiệt nhu thường tổn, xỉ can tắc chiết.

Lờ mềm hăng còn, răng cứng thì gãy. Mềm mỏng thì bền, cứng cõi thì phải hư. Cho nên *nhu thắng can, nhược thắng cường*.

61 Thiên ác chi báo, như ảnh tùy hình.

Trả lành trả dữ như bóng theo hình. Nghĩa là báo ứng bây giờ.

62 Thiên bất dung gian đảng.

Trời chẳng dung kẻ gian đảng; hễ làm dữ phải gặp dữ.

63 Thiên đảng vô tắc dĩ, hữu tắc quân tử đảng. địa ngục vô tắc dĩ, hữu tắc tiểu nhân nhập.

Thiên đảng không có thì thôi, bằng có thì quân tử sẽ lên, Địa-ngục không có thì thôi, bằng có thì đưa tiểu nhân phải vào. Như con người ta chêt rồi mà *hồn thặng vu thiên phách giáng vu địa*, lại như *khí tụ sanh khí tán vong*, thì là *tử giả biệt luận*; bằng chêt rồi còn có thưởng phạt thì sao phần thưởng cũng về kẻ lành, phần phạt cũng về kẻ dữ; song không lẽ không có thưởng phạt đời sau, cho nên con người ta phải làm lành lánh dữ, ít nữa là cho khỏi sự báo ứng nhân tiền.

64 Thiên đạo báo ứng nhân tiền.

Đạo trời trả đáp trước mắt. Làm dữ liền gặp dữ, làm lành liền gặp lành *thiếp như ảnh hướng*, Nghĩa là chóng như hình bóng như liếng vang.

65 Thiên đạo phước thiện họa dâm.

Lẽ trời xuống phước cho kẻ lành, làm họa cho kẻ dữ.

66 Thiên địa tuy đại, hơn do hữu sở hám.

Trời đất dầu lớn người còn có chỗ hèn, không lẽ cho vừa ý mọi người. Mưa thì nói mưa, nắng thì nói nắng, *thiên địa tuy đại, nhất thân do ái*, nghĩa là trời đất dầu lớn, một thân mình hãy còn chật hẹp, cũng về một nghĩa.

67 Thiên hữu thiện báo, ác hữu ác báo.

Lành có lành trả, dữ có dữ trả.

68 Thiên sanh nhơn hà nhơn vô lộc, địa sanh thảo hà thảo vô căn.

Trời sanh người, người nào không có lộc, đất sanh cỏ, cỏ nào không có rễ; ai ai đều có phước riêng, lộc riêng của Trời cho; cỏ không rễ thì phải chết, người không lộc cũng phải chết.

69 Thiên sanh nhưt thể nhơn, tự túc liễu nhưt thể sự.

Trời sinh ai nầy đều có tài riêng: Hay làm hay, dở làm dở, cũng rồi một việc, qua một đời.

70 Thiên sanh phước chung.

Sông lành chết có phước.

71 Thiên thính tự ngã dân thính.

Trời nghe bởi dân ta nghe. Trời không lỗ tai, chúng dân nghe, ày là Trời nghe. Có câu rằng: lòng dân thiết là lòng Trời. Trong sự suy tôn kẻ làm vua chúa, lấy tiếng dân đồng ưng làm chuẩn đích. Hễ chúng dân muốn cho ai thì nầy động.

72 Thiên tử vô hí ngôn.

V. Thiên tử không lời nói chơi. Thiên tử là dấng cao trọng, đáng cho người ta tin phục; một lời nói một việc làm đều có phép tắc thì mới phục dặng thiên hạ. Xưa vua Thành-vương cắt lá ngô-dồng giả làm ngọc què, nói chơi rằng sẽ phong vương cho Thúc-ngu; các quan tâu xin phải phong, là vì Thiên tử vô hí ngôn.

73 Thiên vô nhị nhật, quốc vô nhị vương.

Trời không hai mặt trời, nước không hai vua. Nghĩa là giếng mỗi nước nhà phải về một người.

74 Thọ tài như thọ tiền.

Chịu lây của như chịu lây mũi tên. Thầy tăng tử rằng: *thọ nhơn chi thì dã thương húy nhơn, dữ nhơn dã thương, kiêu nhơn.* Nghĩa là kẻ chịu của người cho, háng sợ người cho; còn kẻ cho ra lại hay ý với người mình cho.

75 Thọ rên không dao ăn trầu.

Phân người thì nhớ, phân mình thì quên.

76 Thổ thể như trẻ nên ba.

Lớn mà còn chút chớt.

77 Thọ trái oán chủ nợ.

Mắc nợ oán chủ nợ; ít thầy những người mắc nợ có bụng tốt cùng chủ nợ.

78 Thổ tử hồ bi.

Con thổ với con chồn tuy không phải một giống, song cũng là một loài. Con thổ chết con chồn rầu là *thương vì đồng loại.*

79 Thối lòng tìm vít.

Chữ gọi là *xuy mao câu ti*. Chỉ nghĩa là hay xoi tẽ, xét nét, bươi móc từ việc lỗi-lầm nhỏ mọn.

80 Thối nhưt bộ tự nhiên khoáng.

Lui một bước tự nhiên rộng rãi. Khiêm-nhường nhịn nhục, thì lòng dạ thường thơ thới. Ấy là *lưu hữu dư địa bộ*.

81 Thối quan hoàn dân.

Thối làm quan thì trở về làng.

82 Thối mắt treo đầu giàn.

Sự thè không bền chắc.

83 Thớt trên mòn, thớt dưới cũng mòn.

Thớt là thớt côi xay. Phạm kiện cáo nhau, cả tiền bị đều phải thạt công, tòn của. Ấy là lời giải hòa.

84 Thủ chu đãi thỏ.

Giữ cây chờ thỏ. Có một người đương cày ruộng, thấy một con thỏ chạy đụng gốc cây mà chết, liền bỏ cày chạy giữ gốc cây, có ý trông họa may có con thỏ khác chạy đụng nữa mà bắt cho luôn. Ấy là dở tài, chực của sẵn.

85 Thủ khẩu như bình.

Giữ miệng như bình. Giữ miệng cho kín. Có câu đời rằng: *phòng ý như thành*.

86 Thủ nào vui thú ấy.

An phận.

87 Thủ nha tước giác.

Răng chuột, sừng sê. Hiểu nghĩa là kiện thừa gây gỗ. Con chuột hay khoét vách; chim sê hay xoi nhà. Tánh con chuột tham, tánh con sê sê dâm, một dăng tham một dăng dâm, cho nên hay sanh sự tranh tụng không yên.

88 Thủ thân vi đại.

Giữ thân mình là việc lớn.

89 Thủ thê bất tại nhan sắc.

Cưới vợ chẳng vì nhan sắc, nghĩa là không phải dung sắc.

90 Thủ thử lưỡng đoan.

Nghi sợ không an bề nào. Con chuột ở trong hang muôn chun ra, thì hay nhú như ló đầu ra, quày đầu vò, làm như vậy đôi ba lần rồi mới chạy ra.

91 Thủ vi tương ứng.

Đầu đuôi tiếp ứng lầy nhau. Núi Thục ng-sơn có thứ rắn, chọc đầu nẩy cật đầu kia, chọc đầu kia cật đầu nọ. Chỉ nghĩa là có thè cứu giúp nhau.

92 Thừa trong nhà mới ra bề ngoài.

Trong sự bán chác ruộng đất của cải phải cứ thứ, ấy là *thừa nội chí ngoại* có câu rằng: *Điền liền canh, gia liền cư* cũng là cứ người gần.

93 Thuận thì tu văn đức, nghịch tắc thắng võ công.

Thuận thì làm hiền, nghịch thì sẽ ra tay làm dữ.

94 Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong.

Thuận trời ấy còn, nghịch trời ấy mất. Nghịch mạng trời thì phải hư mất.

95 Thuận thiên ứng nhưn.

Thuận lòng trời, ứng đời lòng người; có ý nói về kẻ làm vua chúa dặng lòng thiên hạ.

96 Thủy chi thanh tắc vô ngư, nhưn chi sát tắc vô đồ.

Nước trong lắm thì không có cá, người hay xét nét lắm thì không có bạn, nghĩa là ít người dám làm bạn.

97 Thủy khả dĩ tải châu, diệc khả dĩ phúc châu.

Nước hay chở thuyền mà cũng hay úp thuyền. Dân làm tội vua quan mà cũng có khi hại vua quan.

98 Thủy lưu tại hạ.

Nước chảy xuống thấp. Phần thua thiệt về kẻ bề dưới chịu; kẻ bề dưới liêt có một sự vâng lời. Có câu rằng: *Lệnh tại hồ thượng* nghĩa là quyền phép ở tại kẻ bề trên.

99 Thuyền đời bền cũ không đời.

Sự thế xưa sau không lẽ đời.

100 Thuốc đắng dã tật, lời thật mất lòng.

Mất lòng mà lợi ư hạnh.

101 Thương cung chi điều, kinh khúc mộc.

Chiêm phải ná thầy cây cong cũng sợ. Nghĩa là hãi kinh việc trước.

102 Thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi.

Thương con thì phải sửa dạy, bằng chịu theo tính nó, thì là khiến hư cho nó.

103 Thương bắt chánh hạ tắc loạn.

Trên chẳng chánh dưới thì loạn. Một nghĩa với câu nôm *bề trên ở chẳng kể cang vân vân*.

104 Thương là hại.

Ấy là nghĩa chữ thương. Làm ơn mắc oán hay là vì sự thương yêu cứu giúp kẻ khác mà mình phải thiệt hại.

105 Thương hải tang điền.

Biển thẳm hóa nên ruộng dâu, hiểu là một cuộc đời đời.

106 Thương nhau chữ vị là vị.

Vồn là chữ vị mà đời làm chữ vị, thương nhau thì phải vì nhau.

- 107 Tị trọng tự khinh.  
Lánh nặng tìm nhẹ, ấy là nghĩa tránh trút.
- 108 Tích cốc phòng cơ.  
Dự trữ thóc phòng khi đói, nghĩa là biết lo xa.
- 109 Tích kim dĩ gi tử tôn, tử tôn vị tất năng thủ, bất như tích âm đức ư minh minh chi trung, dĩ vi tử tôn trường cửu chi kê.  
Tích trữ vàng để cho con cháu; con cháu chưa chắc giữ dặng, chẳng bằng tích âm đức, nghĩa là làm lành trong chơn minh minh, không ai ngờ thấy, để làm chước lâu dài cho con cháu.
- 110 Tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác.  
Tích lấy sự lành thì gặp lành, đa mang lấy điều dữ thì gặp dữ.
- 111 Tiên cáo bất nại, bị cáo vô can.  
Không nài là không kiện nữa.
- 112 Tiên chi hai mặt.  
Lì lợm, chài đá chẳng biết xấu hổ.
- 113 Tiên giác giác hậu giác.  
Kẻ biết trước dạy kẻ biết sau. Kẻ lớn dạy kẻ nhỏ.
- 114 Tiên hung hậu kiệt.  
Việc trước dữ mà sau hiển.
- 115 Tiên mất tật còn.  
Tồn hao vô ích, (nói về tiền thuộc.)
- 116 Tiên ngang bạc vác.  
Phép dịch tiền thì lấy mực ngang, còn hàng mua thì cân vác, ấy là phép cân tử mã. Lại bạc nặng hơn tiền kẽm, mực tiền ngang mực bạc thì phải vác.
- 117 Tiên phú hậu bản.  
Trước giàu sau nghèo. Trước lớn sau nhỏ; lại dầu nhỏ đit tờ hay là mặt nhỏ đit tờ thì nói chơi thế ấy.
- 118 Tiên tài như phân thổ, nhọn ngãi tự thiên kim.  
Tiền của như phân đất, nhọn ngãi dường ngàn vàng.
- 119 Tiên tân hậu kê.  
Trước tới sau dón. Kẻ trước tới người sau cũng tới. *Tr. làn măng mọc, chẳng thieu chi người.*
- 120 Tiên trao cháo múc.  
Mua bán hiện tiền.
- 121 Tiên trao ra gà bắt lầy.  
Cũng đồng một nghĩa.
- 122 Tiên vi chủ, hậu vi khách.  
Phép tiếp khách có phân vì khách vì chủ, có ý trọng dãi vì khách.

- 123 Tiên xa kí phúc, hậu xa giải chi.  
Xe trước đã úp, xe sau rấn đó. Phải soi gương trước.
- 124 Tiên xử kỉ nhi hậu xử bỉ.  
Trước xử mình mà sau xử tới người. Phận mình xong mới nói người ta. Chẳng khá bực *trách kỉ nhi hậu trách nhơn*.
- 125 Tiêng lành đồn xa, tiêng giũ đồn ba ngày đàng.  
Lành cũng có tiêng đồn, dữ cũng có tiêng đồn.
- 126 Tiểu sự bất nhân tắc loạn đại mưu.  
Việc nhỏ chẳng nhin, thì làm rồi mưu lớn hay là việc lớn. Con người ta chẳng nên táo cấp.
- 127 Tiểu nhơn đặc chí.  
Đưa tiểu nhơn dặng như ý. Có câu rằng: *chi thiệu đi dinh*; bụng tiểu nhơn nhỏ, cho nên dễ đặc chí, nghĩa là hay *tự túc tự mãn*.
- 128 Tiểu thuyền bất kham trọng tải.  
Thuyền nhỏ không kham chở nặng. Bụng nhỏ không ăn được nhiều.
- 129 Tín giả năng nhập.  
Hay tin thì có đều xui cho mà tin; tin thì hay mắc.
- 130 Tình ngay lý gian.  
Vồn mình ngay, mà mắc nhiều lẽ không ngay.
- 131 Tọa hưởng kì thành.  
Ngồi mà hưởng nhờ của sẵn. Ấy là *Cưu cư thước sào*.
- 132 Tọa thực sơn băng.  
Ngồi ăn núi lở. Ngồi không mà ăn, dấu tiền của chắt bằng non, cũng phải hết.
- 133 Tội lây vạ tràn.  
Ấy là tội liên tọa hay là tội vạ động lây.
- 134 Tội nghi di khinh, công nghi di trọng.  
Tội hồ nghi phải làm nhẹ, công hồ nghi dấu không chắc cũng phải lây làm trọng. Trong phép thưởng phạt phải lây công người ta làm trọng.
- 135 Tội qui vu trưởng.  
Phép bắt tội cứ nơi người làm lớn; cho nên *mũi đại, lái chịu đòn*.
- 136 Tốt thì khoe xấu thì che.  
Ấy là tính tự nhiên, người ta hay *án ác dương thiện*.
- 137 Tốt tuổi năm dưới mà ăn.  
Tốt số chẳng phải lo nghèo.
- 138 Trai chề vợ như cửa đồ xuống sông, gái chề chồng của một mà hai.  
Gái đã ăn lẽ đàng trai, nều vô có mà phá, thì phải đến phần thiệt hại bằng hai.



- 139 Trai đua mạnh gái đua mềm.  
Trai phải cho mạnh mẽ; Yêu đuôi, dịu mềm về phần con gái.  
Mạnh mẽ nghĩa là cho biết đua tranh nhưt là trong sự học hành;  
dịu dàng nghĩa là phải cho nết na khéo léo trong việc nữ công.
- 140 Trai tài gái sắc.  
Trai dụng tài năng gái dùng nhan sắc, ấy là nghĩa trai anh hùng;  
gái thiên kiều, chẳng phải nạnhia gái tham tài, trai tham sắc, thì  
là gái tham của, trai tham xinh.
- 141 Trăm dâu đổ đầu tằm.  
Việc chi cũng đổ cho người dưới chịu.
- 142 Trăm ngư lạc nạn.  
Tục hiệu tư dung lịch sự lắm, thì làm cho cả phải trăm, nạn  
phải sa. *Nguyệt bề hoa tu*; cũng hiệu là nhan sắc rất đẹp đẽ, chỉ  
hiệu về sắc dòn bà.
- 143 Trăm hay chẳng bằng tay quen.  
Hãy giỏi cho lắm cũng chẳng bằng quen việc.
- 144 Trăm thảo trừ căn.  
Chém cỏ cho tuyệt gốc, nghĩa là làm cho tuyệt giòng, kéo còn mọc  
lại, ấy là *trăm thảo lưu căn, phùng xuân tái phát*.
- 145 Trăm thuyền phá phủ.  
Nhận ghe, đập nổi. Quyết ý không trở về. Tướng nước Tần là  
người Mạnh-minh đem binh đi đánh nước Tần, qua sông rồi thì  
nhận ghe đập nổi, dạy binh biết đi tới, không biết đi lui.
- 146 Trâu béo kéo trâu gầy.  
Mập ốm che nhau; con yếu nhờ con mạnh.
- 147 Trâu cày, ngựa cỡi.  
Trời sanh mỗi vật đều có tài riêng, có việc dùng riêng.
- 148 Trâu chốc cật thầy ác bay qua liền né.  
Trông mình có tí vọt thì hay sợ.
- 149 Trâu cột ghét trâu ăn.  
Ấy là nghĩa phân bì.
- 150 Trâu đập cùn chết voi đập cùn chết.  
Ấy là tiếng kẻ đánh cờ bạc hay nói liểu rằng; thà thua lớn chẳng  
thà thua nhỏ.
- 151 Trâu đồng nào ăn cỏ đồng này.  
Thường hiệu nghĩa ở đâu cưới gả đó, cũng là tiếng ganh.
- 152 Trâu sông không ai mà cả, trâu ngã nhiều kẻ cầm dao.  
Mà cả là đánh giá mà mua; trâu sông không ai hỏi tới, trâu chết  
khỏi tôn tiền mua, thì có nhiều người tới mà xẻ thịt.
- 153 Trâu tìm cột, cột chẳng tìm trâu.  
Cột là chỗ trâu ở; ngọn phải cứ gốc; đây tớ phải tìm chủ nhà; con  
cái phải tìm cha mẹ.

- 154 Trẻ khôn qua, già lú lại.  
Càng lớn càng khôn, càng già càng lú.
- 155 Trèo cao té đau.  
Vinh bao nhiêu. nhục bầy nhiêu.
- 156 Trí giả sở kiến lược đồng.  
Kẻ trí chỗ thấy gần đồng nhau. Trí người ta không có hạn lượng, song học cho tới nước, thì sự thông biết đều có một thể.
- 157 Trí đức viên, nhi hạnh đức phương.  
Trí muốn tròn, mà hạnh muốn vuông, nghĩa là trí phải thông biên, nết hạnh phải dằm thắm.
- 158 Trí giả thiên lự tất hữu nhứt thất, ngu giả thiên lự tất hữu nhứt đắc.  
Kẻ trí ngàn lo ắt có một lầm, kẻ ngu ngàn lo ắt có một dặng, cho nên *cuồng phu chi ngôn thánh nhưn trạch diên*, nghĩa là lời dứa khùng thánh nhưn cũng chọn.
- 159 Tri gian bất tô.  
Biệt việc gian không tỏ cáo; ấy là tội dung ẩn.
- 160 Tri quá tắc cải.  
Biệt lỗi mà chưa, thì là khỏi lỗi, biệt lỗi mà chẳng chưa, thì là lỗi lắm.
- 161 Tri sanh giả điều, tri tử giả ai.  
Biệt kẻ sống thì làm lễ điều, biệt kẻ chết thì làm lễ thương. Điều là viêng kẻ còn sống. Ai là thăm cho kẻ chết rồi. Điều là thăm viêng.
- 162 Tri tử mạc nhược phụ.  
Biệt con chẳng ai bằng cha, kẻ làm cha mẹ thường biệt tánh ý con hơn.
- 163 Tri túc thường túc, chung thân bất nhục.  
Biệt đủ hằng đủ, trọn đời chẳng nuộc. Có câu rằng: *Lý thanh mãn nhi hậu tri chi*. Được đầy đủ mà sau biết thôi. Con người ta tham ô, không biết dặng tân thôi, lẽ thuận nghịch, thì chẳng khỏi nuộc.
- 164 Triều tam mộ tứ.  
Xưa có một người nuôi khỉ, định bữa ăn cho khỉ rằng: sớm ba tôi bốn. khỉ giận nhảy nhót không yên. Người ấy lại định rằng: sớm bốn tôi ba, khỉ mừng hơn hờ, thiệt sự thì là như nhau.
- 165 Trây máu ăn phần.  
Làm cho có cơ mà đòi phần ăn, hoặc đòi bồi thường.
- 166 Tre khóc măng.  
Con trẻ chết trước cha mẹ.
- 167 Tre tàn măng mọc.  
Tiền tân hậu kê. Lớp lớn tàn, lớp nhỏ tân lên.

- 168 Trời có sanh có dưỡng.  
Trời ấy là phép tạo hóa, hễ có sanh thì có phương che chở.
- 169 Trời đánh tránh bữa ăn.  
Nghĩa là có công và lại có nhơn. Người ta đang ăn uống mà đánh thì là bất nhơn. Có kẻ hiểu đại; hễ nghe tiếng sét thì lật đật lấy đồ ăn mà ăn, cho khỏi sét đánh.
- 170 Trời không cho hùm có vây.  
Hùm có vây cánh thì lại hay bay: Người dữ mà dặng vây kiến, dặc thè làm dữ thì thiên hạ phải khôn.
- 171 Trôi sông lạc chợ.  
Hiệu là người nghèo khổ vạt mã, không có căn cước.
- 172 Trông hèn hèn kèn vạt vợ.  
Kèn trông phải cho xứng;
- 173 Trung ngôn nghịch nhĩ.  
Lời ngay trái tai. Thuận theo chúng thì chúng thương; nghịch lòng dân thì dân oán.
- 174 Trung thần bất hủ tử, hủ tử bất trung thần.  
Tôi ngay chẳng sợ chết, sợ chết chẳng phải tôi ngay.
- 175 Trúng bệnh vi diệu.  
Thuộc chẳng luận quý hèn, chữa bệnh dặng thì là thuốc hay.
- 176 Tử bất giáo phụ chi quá.  
Có con không dạy thì là lỗi cha. Phận cha phải dạy con, phải làm nên cho con.
- 177 Tự chiêu kỳ họa.  
Mình gây họa cho mình.
- 178 Tự cứu bất hạ,  
Cứu mình chẳng rồi, lại còn cứu ai.
- 179 Tử dai kỳ tử.  
Phép chia gia tài, thì bất luận tì thiếp sanh, phải cứ tử số quản phân.
- 180 Tử giả bất khả phục sinh, đoạn giả bất khả phục thực.  
Chết rồi không lẽ sống lại, dứt rồi chẳng khả nối.
- 181 Tử giả biệt luận.  
Không phải nghị luận về kẻ chết. Chết rồi thì thôi. Cũng là kiếp chết kiếp hết.
- 182 Tứ hải dai huynh đệ.  
Bồn biển đều là anh em, vì bởi một gòc mà sanh ra.
- 183 Tử mã lục thạch.  
Câu tử mã, sáu học. Tục hiệu là tánh nết chưa thuần, chẳng biết lấy điển ở đâu.

- 184 Tứ phương giai hữu tánh, thiên lý bất đồng phong.  
Cả thấy trong bốn phương thiên hạ tánh tính, phong tục đều chẳng giống nhau.
- 185 Tử sanh hữu mạng.  
Chết sống có số mạng: Còn một vè nữa thì là, *phù qui tại thiên*.
- 186 Tự thực kỳ lực.  
Mình làm lây mà ăn; tay làm hàm nhai.
- 187 Tử vị phụ ần.  
Con vì cha giàu. ần tình cha con, lẽ trời buộc phải làm vậy. *Con to cha to lỗ thấy*, thì là *can danh phạm ngãi*.
- 188 Tử vô táng địa.  
Chết không có chỗ chôn. Phải chết bỏ thây.
- 189 Tuê bất ngã diên.  
Năm tuổi chẳng diên dẫn cùng ta; ngày giờ kíp như tên bay, thỏ chạy.
- 190 Tuê hàn trí tòng bá chi tâm.  
Năm lạnh biệt tánh cây tòng cây bá. Hai cây này chịu lạnh: vì người tài trí gặp cơn họa hiểm không sờn lòng. Có câu rằng, *hàn tòng ngạo tuyết, cò bá lũng sương*.
- 191 Tuy châu đạn tước.  
Ngọc nhà Tuy bắn sẻ, chỉ nghĩa là dặng ít mà mật nhiều.
- 192 Túng ngư nhập hải, phóng hồ qui sơn.  
Thả cá vào biển, thả cọp về núi. Bắt tướng giặc mà thả đi, thì khôn trông bắt dặng nữa, lại còn phải lo nổi nó về o mà lập trận khác.
- 193 Tùng nhưt nhi chung.  
Nghĩa là không cái tiệt, chết sông cũng một chỗ, ấy là trọn đạo với chồng.
- 194 Tùng thiện như dặng, tưng ác như băng.  
Theo lành đường lên, theo dữ đường lở; cứ việc làm lành thì trong mình dặng nhẹ nhàng, một ngày một lướt tới. Cứ việc làm dữ thì lương tâm nặng nề; càng ngày càng sụt xuống như núi lở.
- 195 Tửu bất túy nhơn nhơn tự túy.  
Rượu chẳng say người, người say tại mình.
- 196 Tửu nhập tâm như hồ nhập lâm.  
Rượu vào lòng, như cọp vào rừng. Say rượu rồi thì loạn tâm tánh, không còn biết phải trái.

## U

### 1 Uyển nhục y sang.

Cắt thịt chữa chỗ đau sang độc, nghĩa là tưng mà làm dỡ. *Y đặc nhũn tiền sang, bát khước tầm đầu nhục*. Muốn làm thuốc ghẻ trước mắt, phải cắt thịt đầu trái tim; cho dặng việc này, phải hại đến việc khác.

- 2 Uôn câu sao vừa miệng cá.  
Không lẽ làm cho vừa ý mỗi một người.
- 3 Uông xích nhi trực tằm.  
Vay thước mà ngay tằm. Nghĩa là kê lợi vong nghĩa. Kê sĩ quân tử chẳng vì lợi mà bỏ phép hay là làm đều quây, như phải uông tằm trực xích, bỏ hết các đều phải thì lại càng xa lánh.
- 4 Uông rượu như hũ chìm.  
Mạnh rượu quá.

## V

- 1 Vạch lá tìm sâu.  
Xét nét từ đều.
- 2 Vải thưa che mắt thánh.  
Làm chuyện dôi mắt, che miệng thê gian.
- 3 Văn hay chẳng luận đặt dài.  
Nghe qua cũng biết hay dở.
- 4 Văn cổ kêu chẳng thấu trời.  
Oan ức không chỗ kêu. Có câu rằng: *Oan này còn một vạch trời kêu lên.*
- 5 Vận nghèo đi tới chỗ mô cũng nghèo.  
Cầm gươm chêm khó, khó theo sau.
- 6 Vạn sự khởi đầu nan.  
Muôn việc khởi đầu khó.
- 7 Văn xá cầu diên, nguyên vô đại chí.  
Hỏi nhà hỏi ruộng, vốn không có chí cả. Người có chí có phải tìm việc cao xa.
- 8 Vãng chủ nhà, gà bươi bệp.  
Có ý nói về tôi tớ, vãng chủ thì tung hoành làm quây.
- 9 Vàng thật chẳng sợ chi lửa.  
Lòng mình ngay thẳng chẳng phải sợ sự gì.
- 10 Vật bất ly thân.  
Vật chẳng lìa mình, người dẫu của dó. Có câu rằng: *Mạng tàng hồi đạo, dã dung hồi dâm.* Nghĩa là của để bỏ thờ, thì giục cho kẻ trộm lây; trau hình chuột dặng, thì làm có cho sanh đều tà dâm.
- 11 Vật bất tể vật chi tình dã.  
Vật chẳng đều thì là tánh tình tự nhiên nó. Ấy là lời ông Mạnh-tư luận về vật giá có trọng khinh chẳng đồng, mà suy ra các vật tự nhiên cảm âm dương ngũ hành mà hóa ra, thì chẳng giống vật có tay thấy thợ làm nên.
- 12 Vắt chày ra nước.  
Chặt chia thái quá.

- 13 **Vật khinh tình trọng.**  
Vật nhẹ mà tình nặng; vật dĩ biểu tình, quý tại lòng không quý tại vật: Lại hiệu là vật hèn mà công hiệu lớn, như thuốc trị bệnh v. v.
- 14 **Vật qui cố chủ.**  
Vật về chủ cũ. Vật đều có chủ; không phải của mình, thì là của kẻ khác, mình không dặng làm chủ. Người ta hay nói: *Của Thiên trả cho Địa, của Bụt thiếu cho Bụt.*
- 15 **Vĩ đại bất trao.**  
Đuôi lớn không vậy vụng. Chỉ nghĩa là trên yếu dưới mạnh. Phép trị nước phải cho *Cường cán nhược chi*, nghĩa là cây mạnh nhánh yếu.
- 16 **Vì dầu heo gánh gộc chuối.**  
Vì Nghĩa phải mà chịu lây việc không tử tế.
- 17 **Vị uyển khu ngư, vị tòng khu tước.**  
Vị vực sâu đuôi cá thì là con rái, vị rừng rậm lùa chim tước thì là chim bà cắt. Hiệu nghĩa là làm lợi cho kẻ khác, như Kiệt, Trụ bắt hơn đuôi dân về Thang, Võ.
- 18 **Vị tri sanh, yên tri tử.**  
Chưa biết sống, dẫu biết chết. Thấy Tử công hỏi đức Phu tử về thân sau, đức Phu tử trả lời rằng: Thân sống chưa biết, lẽ gì biết được thân chết.
- 19 **Việc làm thì nhác, việc ác thì siêng.**  
Ây là tiếng mắng đũa làm biếng mà hay khuấy.
- 20 **Việc người thì sáng, việc mình thì quáng.**  
Ai này làm tới việc, thì tôi tính. Lại *họa lai thân ám.*
- 21 **Viễn thủy nan cứu cận hỏa.**  
Nước xa khôn cứu lửa gần. cho nên *viễn thân bất như cận lân*; nghĩa là bà con xa chẳng bằng láng giềng gần.
- 22 **Vịt già gà tợn.**  
Vịt dè lâu năm, gà vừa dưng ỉu, đều là vật ăn ngon.
- 23 **Vịt nghe sấm.**  
Linh lãng, không biết nghe.
- 24 **Vô cai quản bất dặc hành hạ.**  
Có phần cai quản mới dặng sai khiến. Kẻ lớn cai quản con trẻ thì là *thượng áp hạ.*
- 25 **Vợ chết thật vợ mình.**  
Mình chết trước thì vợ mình người khác lây, con mình người khác chưởi, của cải mình người khác dùng, ruộng đất mình người khác cày, ngựa mình người khác cỡi, ấy là lời ông Tăng-tử võ bốn mà ca khi vợ-chết.
- 26 **Vợ chồng như áo bận vào cổ ra.**  
Sự thế phải đổi thay, đổi với câu: *huình đệ như thủ túc.*

- 27 Vô chứng bất thành tụng.  
Không chứng không nên việc kiện.
- 28 Vô cố nhi đắc thiên kim bất tạo đại phước tất hữu đại họa.  
Không cố mà dặng ngàn vàng, chẳng gặp phước lớn, ắt có họa lớn. Cửa vô cố là cửa đem tới thành lành hoặc không cầu mà dặng, hay là cửa gian.
- 29 Vô địa lập chùy.  
Không dật cạm dùi. Nghĩa là nghèo lắm. Có câu rằng: *Tích niên do hữu lập chùy địa, kiêm niên liên chùy đã vô*. Nghĩa là năm trước còn có dật cạm dùi, năm nay cả dật dùi cũng không có.
- 30 Vô hoan nạn bất anh hùng.  
Ấy là *Anh hùng du hoan nạn. Hữu thử thân hữu thử khổ*.
- 31 Vô đau bất thành nhơn.  
Mỗi một người đều phải nên trái giống mọi lần; nên trái giống rồi, mà khỏi tật bệnh hiểm nghèo, thì mới gọi là thành nhơn.
- 32 Vô hữu bất như kỉ dã.  
Chớ làm bạn với kẻ chẳng bằng mình. Có ích hữu, tổn hữu người khôn ngoan hiền đức thì là ích hữu. Không tài đức hơn mình, không làm sự phạm cho mình dặng thì là không bằng mình;
- 33 Vô phước kê chỉ lực.  
Không sức trói gà, nghĩa là yếu đuối quá.
- 34 Vô quan nhứt thân khinh, hữu tử vạn sự tức.  
Không làm quan thì là nhàn rảnh; có con muôn việc đủ, chỉ nghĩa là có con thì lây làm vui hơn hết.
- 35 Vô thái quá bất cập.  
Phải giữ mực thích trung.
- 36 Vô tiểu nhơn bất thành quân tử.  
Không có tiểu nhơn thì không thành cho người quân tử. Lại có câu rằng: không có quân tử thì ai khiến tiểu nhơn. Trí, ngu, hiền, bất tiểu đều nương nhờ nhau.
- 37 Vô trung sanh hữu.  
Chuyện không có làm cho có; dặt đều, sanh chuyện.
- 38 Vô tửu bất thành lễ.  
Lễ phép Annam trong việc kiện thưa, cưới hỏi đều phải có rượu: khi có mời thỉnh hay là thưa thốt chuyện gì thì thường có coi trầu chén rượu. (Ấy là nói về phép làng).
- 39 Vô vận bất năng tự đạt.  
Con người ta làm nên, thì là nhờ vận.
- 40 Voi thuộc voi, ngựa thuộc ngựa.  
Đồng là một phe một bọn thì thuộc biết tình ý nhau; như kẻ trộm biết kẻ trộm.

- 41 **Vọng tự tôn đại.**  
Minh tôn mình làm lớn. *Tự tác thông minh; khinh thè ngạo vật; miệt thị thiên hạ; mục hạ vô nhưn*, đều về một nghĩa tự kiêu, lấy mình làm hơn mọi người.
- 42 **Vu phần tội đồng.**  
Kẻ cáo gian mắc luật phần tọa: làm cho kẻ bị cáo phải tội gì, thì mình phải chịu tội ấy.
- 43 **Vúc vặc hoặc xặc vặc như mặt đánh bông.**  
Bộ húc hật không nên nết.
- 44 **Vui đâu chúc đó.**  
Ham chơi sa đà chẳng nghĩ tới việc nhà.
- 45 **Vụng mửa chề dật lếch.**  
*Phần cầu như thân*, phải trách nghề mình chưa lĩnh.
- 46 **Vườn rộng chớ khá trồng tre là ngà; nhà rộng chớ chứa người ta ở cùng.**  
Ây là phòng về sự đông người ở, hay sinh đều bất bình.

## X

- 1 **Xả cận cầu viên.**  
Bỏ gần tìm xa. Khinh việc trước mắt, kiếm tìm việc cao xa.
- 2 **Xa mỗi chân gần mỗi miệng.**  
Nói về việc cư xử trong thân, xa thì khó bề thăm viếng, gần thì mắc lời ăn tiếng nói.
- 3 **Xa tải đầu lương.**  
Xe chở, đầu lương. Vật phải dong chở thì là vật bề bội. Người giỏi thì có ít, người dở thì là *xa tải đầu lương*.
- 4 **Xanh râu là chúa, bạc đầu là tôi.**  
Tước, xỉ, đức, nghĩa là quyền tước, tuổi tác, đức hạnh là ba bậc trọng; nội trong ba bậc ấy, quờn tước thường nằm về bạc nhưt.
- 5 **Xảo giả đa lao chuyết nhàn.**  
Có câu nôm rằng: khéo làm tôi vụng, vụng nỗ làm tôi ai. *Xảo giả lao chuyết giả dật*.
- 6 **Xấu chữ mà lành nghĩa.**  
Chữ là bề ngoài, nghĩa là bề trong; ví người không có vẻ lịch sự, mà trong thì có bề đức hạnh tài năng.
- 7 **Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ.**  
Xấu mà hay sửa soạn, thì là biết xấu mà che; dốt mà muôn làm mặt hay chữ, là thấy lịch sự mà bắt chước. có câu rằng: *Khắc hoạch Vô-diêm, đàn dọt Tây-thi*, cũng về một nghĩa ấy. Vô-diêm là một người con gái nước Tề, xấu hình xấu dạng không ai muôn ngó. Tây-thi là tên ập, dòn-bà ở đó rất xinh tốt, mỗi lần ôm lòng nhần mảy, thì ai nầy đều cam động; dòn bà Đông-Thi cũng bắt chước ôm lòng nhần mảy mà bị chúng ghét.



- 8 Xấu bát đĩa đồ ăn cũng vậy.  
Quý tại đồ ăn, chẳng phải tại bát đĩa. Thường hiểu ra nghĩa trái, tiếng nói chơi.
- 9 Xấu lá xấu nem, xấu em xấu chị.  
Đều chỉ nghĩa là xấu lây.
- 10 Xấu Phù-ly xấu Tuy-viễn.  
Phù ly, Tuy viễn là hai huyện ở tại Qui-nhơn giáp giới với nhau, xấu huyện này, xấu tới huyện khác, nghĩa là xấu lây.
- 11 Xe dây buộc mình.  
Mình bó buộc lấy mình hoặc làm rồi cho mình.
- 12 Xé tay vá vạt.  
Ấy là sự thê nghèo nàn, thiếu trước thiếu sau.
- 13 Xứ xứ hữu anh hùng.  
Đâu đâu cũng có người anh tài. *Hà địa bất sanh tài.*
- 14 Xuân bắt tái lai.  
Ai này chỉ có một thì xuân xanh. Con người ta sanh ra hai mươi tuổi *thành đinh*, ba mươi tuổi *nhĩ lập*, bốn mươi tuổi *bát hoặc*, năm mươi tuổi *tri thiên mạng*, sáu mươi tuổi *nhĩ thuận*, bảy mươi tuổi trung thọ. tám mươi tuổi sắp lên thượng thọ. Tuổi xuân xanh từ hai ba mươi cho tới bốn mươi lên xuống, quá tằng ấy thì cân cốt khí lực, lần lần phải suy giảm.
- 15 Xuất hồ nhĩ, phản hồ nhĩ.  
Ra nơi mây, trở lại nơi mây: có vay có trả, việc tại nơi mình.
- 16 Xuất kì bất ý.  
Nghĩa là làm thịnh linh, lừa khi người vô ý.
- 17 Xướng ca vô loại.  
Ca xướng không có phép. Hát là nhắc cổ tích: con hát khi làm vua, khi làm tôi, khi giả vợ, khi giả chồng. Ca xướng có đều thanh, có đều tục, không lẽ câu chấp việc lễ nghi.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM  
RESIDENCE DU GÉNÉRAL AUPHANT  
ARCHIVES CENTRALES  
INDO-CHINE

# PHỤ SỚT

- 1 Ai đây nổi nây.  
Ai có phần nây. Có câu rằng: giàu cha giàu mẹ thì ham, giàu anh giàu chị, ai làm nây ăn,
- 2 Ăn há há, trả ý ý.  
Ăn thì mắng trả thì sợ.
- 3 Ăn ở xởi lởi ông trời gởi cho.  
Hay làm phước thì phải gặp phước.
- 4 Ăn sẻ sẻ để ông voi.  
Ăn ít thua nhiều; (cờ bạc.)
- 5 Ăn trâu cách mắt.  
Nói về sự cho chắc, kẻ thâm người thù.
- 6 Ăn trâu gặm.  
Suy nghĩ việc đời.
- 7 Ba mươi tuổi, sáu mươi quen.  
Càng thêm tuổi, càng nhiều quen biết.
- 8 Bán trời không chứng.  
Ngược xuôi, tai quái trong đời.
- 9 Bất cận như tình.  
Chẳng gần tánh ý người; ăn ở một mình một thể, chẳng biết xét nghĩ sự đời.
- 10 Bốn biển gây nên một nhà.  
Sự thể sum vầy, hóa ra thân cận.
- 11 Cá tươi thì xem lấy mang, người khôn xem lấy hai hàng tóc mai.  
Ầy là một phép coi tài tướng,
- 12 Cát như thiên tượng.  
Người có phước, Trời hằng chở che.
- 13 Cha chài chú chóp.  
Đầu voi đuôi chuột (chóp ày là chóp chài).
- 14 Cha hăn lủ chú hăn khôn.  
Chẳng lẽ đại hết cả nhà.
- 15 Chẽ tre nghe lóng.  
Việc có không, phải nghe cho hẵn.
- 16 Chén trong hú chén ngoài.  
Thầy rượu thì uông, say sưa quá độ.
- 17 Chim nhát là chim sông lâu.  
Tiếng cười người hay sợ chết.

- 18 Chờ cho đèn mạ má đã sừng.  
Chữ mạ hiểu là mẹ, hiểu là làng, cho đèn làng thì việc đã rồi.  
(Nói về sự ầu đã).
- 19 Chưa có gió, mõ đã rung.  
Rộn rảng thái quá.
- 20 Cơm Nai, Rịa; cá Rí, Rang.  
Gạo lúa đều nhờ đất Đổng-Nai, Bà-rija; con cá thì nhờ đất Phan-rí, Phan-rang.
- 21 Con đại cái mang.  
Ây là tội qui vu trưởng.
- 22 Con một cháu bấy.  
Ây gọi là nhà có phước.
- 23 Cưng mẹ thì xa, cưng cha thì gần.  
Con một cha thì là một giòng.
- 24 Đa sự đa lự.  
Đa mang nhiều việc, thì nhọc lòng lo.
- 25 Đầu đen máu đỏ.  
Dân trời tôi vua, ây là dân dử dân tể.
- 26 Đem quỉ về phá nhà chay.  
Bình yên không muôn, muôn cho hư hại.
- 27 Điền liền canh gia liền cư.  
Phép bán nhà đất phải vị kẻ ở gần.
- 28 Đói ăn bánh vẽ, chiêm bao thấy vàng.  
Bánh vẽ ăn không di, vàng chiêm bao không có; cả thấy là đều hư giá.
- 29 Đời xưa trả báo mà chầy, đời nay trả báo một giây nhân tiền.  
Ây là báo ứng nhân tiền, hay là báo ứng trước mắt.
- 30 Giàu trẻ chó mắng khó trẻ chó lo.  
Đàng đi ở đời hãy còn xa xác, có giàu cũng không nên ý, có nghèo cũng đừng sợ, cũng là tiếng khuyên khích.
- 31 Kẻ ăn mằm, người khát nước.  
Gánh vác chuyện vô can; kẻ ăn người chịu.
- 32 Kẻ tham công người tiếc việc.  
Kẻ muôn cho dặng việc, người lại tiếc công.
- 33 Kẻ thâm người thù.  
Kẻ hậu người bạc.
- 34 Không voi bò làm lớn.  
Túng phải dụng dõ; chưa gọi là lớn

- 35 Linh ban mai cai linh ban chiều.  
Ma cũ ăn hiệp ma mới.
- 36 Ma cũ ăn hiệp ma mới:  
Kẻ tâng việc ăn hiệp kẻ còn bợ nợ.
- 37 Mặt chai mày đá.  
Lý lợm chẳng biết xâu hồ.
- 38 Nghị huyết tri thủy.  
Con kiên biết chỗ có nước mà làm ồ. Thuở xưa ông Quán-trọng đi đánh giặc phương xa, quân lính khát nước, người dạy coi chỗ nào có hang kiên, đào xuống thì có nước. (Đôi câu lão mã tri đạo.)
- 39 Nước gáo tắm cho voi.  
Nước múc từ gáo nhỏ mà tắm cho voi, chỉ nghĩa là chẳng thâm tháp.
- 40 Oan gia nghị giải bất nghị kiết.  
Tiếng khuyên người đời phải làm hòa chẳng nên gây oán gây thù.

---

### ĐỈNH NGOA.

---

Câu 37. Bể nạn chông trời, chữ nạn cái là chữ nặng.

Câu 16. Quân tử dĩ chí khí tương kì.

Người quân tử lấy chí ý hẹn nhau. Đồng một chí ý, chẳng luận xa gần, háu trước, ngn nviệc đều giống nhau. Phải cái là người quâ tử lòng dạ đều giống nhau, không hẹn cũng như hẹn.

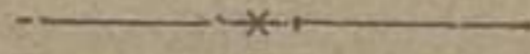
THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

TỔNG SỐ.

A.....	40 câu
B.....	57 »
C. Ch.....	158 »
Đ.....	95 »
D.....	44 »
E.....	2 »
G.....	52 »
H.....	67 »
I.....	12 »
K.....	61 »
L.....	31 »
M.....	64 »
N.....	123 »
O.....	11 »
P.....	32 »
Q.....	30 »
R.....	20 »
S.....	24 »
T.....	196 »
U.....	4 »
V.....	46 »
X.....	17 »
Phụ số.....	40 »
Hiệp cộng.....	1226 câu.

## THƠ TÀI TỬ



### THƠ CON TRAU. /

Mài sừng cho lằm cũng là trau ;  
Gãm lại mà coi thật lớn đầu.  
Trong bụng lam nham ba lá sách ;  
Ngoài cằm lém đém một chòm râu.  
Mắc mưu dốt dít tội bởi chạy ;  
Làm lễ bởi chuồng giốn giác sấu.  
Nghé ngộ một đời quen nghé ngộ.  
Năm dầy đờn gảy biết nghe đầu.

### THƠ CON RẬN. /

Mặt mũi mần ri cũng có râu ;  
Cả đời chẳng biết dụng vào đầu,  
Xon xao trên mào chưa nên mặt ;  
Lục đục trong chần cứ giục đầu.  
Khuây ngựa gầy dân chi khác một ;  
Uổng công béo nước chẳng bằng trau.  
Khéo sinh cho nhộn trong trời đất.  
Có có không không cũng chẳng cầu.

### THƠ CÁ THIA THIA. /

Đồng loại sao người chẳng ngô ngang ;  
Hay là một lứa phải kinh gan.  
Trương vi so độ vài gang nước ;  
Đâu miệng hơn thua một tấc nhang.  
Chưa được bao lâu đà tróc vẩy ;  
Cũng trong dây phút lại phùng mang ;  
So tài cửa võ chưa nên mặt ;  
Cắc có khen cho cũng nhộn nhang,

THƠ TRĂNG NON.

Khen ai cắc có bâm trời tây ;  
Tĩnh thức Hằng nga khéo vẽ mây.  
Một phiến lênh đênh trôi mặt nước ;  
Nửa vành lững dững dán chơn mây.  
Cả ngờ câu thả toi bởi lợi ;  
Chim ngõ cung trương sập sập bay.  
Miệng thê chớ chê răng chềch mác,  
Một mai tròn trịa bốn phương hay.

THƠ CÂY VÔNG.

Uống sinh trong thê mây thu đông ;  
Đổ sộ lâm chi vông hơi vông.  
Rường xoi cột trở chưa nên mặt ;  
Giậu mỏng rào thưa phải dựng lòng.  
Da thịt chẳng già, già mắt mủu ;  
Ruột gan chẳng có, có gai chông.  
Cho biết cây nào bông trái ấy ;  
Xuân qua bốn tớn cũng đơm bông.

THƠ CON MUỖI.

Muỗi hơi mấy sanh giáp tí nào ;  
Đã tắng trái khắp chôn thanh thao.  
Ngày xanh đứng đỉnh chơi thêm ngọc ;  
Đêm vắng xung xăng áp má dào.  
Gheo kẻ Hằng-nga cơn giặc điệp ;  
Trêu người thần nữ thuở chiêm bao.  
Béo miệng chẳng thương con trẻ dại ;  
Ngang hông nào tưởng chúng dân nghèo.

THƠ LÃO KỊ ĐI TU.

Cháy kinh động tỉnh giặc Vu san,  
Mái tóc qui y nửa trắng vàng.  
Đài kính thử soi màu phấn lợt ;  
Cửa không trộm gởi chút xuân tàn.  
Tĩnh hồn hoa liễu vài câu kệ ;  
Nương bóng tang du một chữ nhàn.  
Ngảnh mặt lâu xanh xem những trẻ,  
Trầm luân chưa khỏi kiếp hồng nhan.

ĐÔI LIỄN ÔNG LÃNH BINH ĂN TẾT.

- 1° Tam phẩm dĩ thượng, kì quan viết vinh, màn treo trước phủ chi trung: hèo gươm bịt bạc, võng lá sắn, quân khiếu bồ hàng hai, năm bảy phòng trà theo chón hớn.
- 2° Tứ thì chi thủ, ư quái vi thối, liễn dán nêu lên chi hạ: nem thịt kho tàu, bánh nhuân dừa, củ hành nhai miệng một, đôi ba chén rượu đánh xình xoàng.



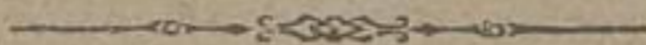
THU VIEN QUOC GIA VIET NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THU VIEN QUOC GIA VIET NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM



DU MÊME AUTEUR ONT PARU :

- 1<sup>o</sup> PETIT RECUEIL DE MAXIMES ET PROVERBES.....
- 2 CHUYỆN GIẢI BUỒN.....
- 3 SUITE DE CHUYỆN GIẢI BUỒN.....
- 4 GIA LỄ.....
- 5 BÁC HỌC, SIMPLES LECTURES SUR DIVERSES SCIENCES.....
- 6 TỪ TRÁT, RECUEIL DES ACTES OFFICIELS EN CARACTÈRES CHINOIS.....
- 7 SÁCH QUAN CHẾ.....
- 8 CA TRÚ THÈ CÁCH.....
- 9 GRAND DICTIONNAIRE ANNAMITE, ĐẠI NAM TỰ VI.
- 10 TỤC ĐIỀU, CÂU HÁT GÓP, CHANSONS POPULAIRES.



THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM  
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

